ARC HOANG 33

征婦吟演歌

CHINH PHỤ NGÂM (A)

HÁN VĂN — ĐẶNG TRẦN CÔN

DIỄN CA — Phan Huy Ích – ~~Đoàn Thị Điểm~~

Hoang Xuân-Hãn phiên âm và viết

Phần Hán văn là theo bản (a) 征婦吟 (長盛堂) có lẽ khắc vào khoảng đời Thành-thái, và có chữa theo bản (b) viết cũ. Hai bản phần lớn giống nhau. Nhưng cũng có nhiều chữ khác (xem sau) và lại có một ít câu ở a có mà b thiếu, hoặc trái lại ở b có mà a không.

Phần diễn ca cũng theo bản 長盛堂

So sánh với bản c 隆和號 (1902) khắc lại hoặc 柳文堂 (1922) bản Vũ Hoạt

d Nguyễn Đỗ Mục

e Tôn Thất Lương

BULAC

Thiên địa phong-trần,
Hồng-nhan đa truân.
Du-du bỉ thương hề, thùy tạo nhân?
Cổ-bề thanh động Trường-an nguyệt,
Phong-hỏa ảnh chiếu Cam-tuyền vân.
Cửu-trùng án kiếm, khởi đường tịch;
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.
Thanh-bình tam bách niên thiên-hạ,
Từng thử nhung-y thuộc vũ-thần.
Sứ-tinh thiên-môn thôi hiểu phát,
Hành-nhân trọng pháp, khinh li-biệt.
Cung-tiễn hề tại yêu.
Thê-noa hề biệt quyết.

Giữa khoảng trời đất, gió thổi bụi bay, ~~[illegible]~~;
Kẻ hồng-nhan ~~[illegible]~~ chịu nhiều bề khốn-khổ.
Ông ~~[illegible]~~ Xanh xa-xa kia ơi, ai đã gây nên ~~[illegible]~~ duyên-cớ ấy.
Tiếng trống lệnh làm rung ~~[illegible]~~ bóng trăng ~~[illegible]~~ ở Trường-~~[illegible]~~an;
Ánh lửa hiệu chiếu rừng mây ở Cam-tuyền.
Vua đang dở tiệc, chống gươm đứng dậy,
Nửa đêm ~~[illegible]~~ cấp-tốc truyền hịch cho ~~[illegible]~~ tướng-quân.
~~[illegible]~~ Thiên-hạ thái-bình trong ba trăm năm nay,
Từ bây giờ, trao áo nhung cho quan võ.

Sứ nhà vua sai tới, giục mờ sáng phải đi.
Kẻ lên đường trọng phép vua, mà khinh sự li-biệt ~~[illegible]~~.
Cung tên thì đeo lưng.
Vợ con níu tay áo ~~[illegible]~~ thì dứt ra.

征婦吟

從此戎衣屬武臣。
清平三百年天下。
半夜飛檄傳將軍。
九重按劍起當席。
烽火影照甘泉雲。
鼓鼙聲動長~~城~~月。
悠悠彼蒼兮誰造因。
紅顏多屯。
天地風塵。

妻孥兮別袂。
弓箭兮在腰。
行人重法輕離別。
使星天門催曉發。

b. 姻 b. 安

THỜI CHINH CHIẾN

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên.
Xanh kia thăm-thẳm tầng trên!
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?
Trống Trường-~~thành~~ an long-lay bóng nguyệt,
Khói Cam-tuyền mờ-mịt thức mây.
Chín lần gươm báu ~~trao~~ chống tay;
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.

Nước thanh-bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây.
Sứ trời sớm giục đường mây;
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.
Đường giong-ruổi, lưng đeo cung tiễn;
Buổi tiễn đưa lòng bận (bịn) thê-noa.

3 a 困, b 姻 — 4. a 城, b 安 — 9. a 後 b 從

(3) b. Như . . thường khi . .

(5) Các bản đều: ~~Trường-thành~~ sai. An

(7) Các bản đều làm ra: trao tay (chống)

12. Sá: kể đến. 14. Bịn: thắc-mắc trong lòng, vì nghĩ tới việc gì, việc gì.

Liệp-liệp tinh kỳ, xuất tái sầu,
Huyên-huyên tiêu cổ, từ gia oán.
Hữu oán hề phân huề,
Hữu sầu hề khế-khoát.

Lương-nhân nhị thập, Ngô-môn hào,
Đầu bút nghiễn hề, sự cung đao.
Trực bả liên thành hiến Minh-thánh,
Nguyện tương xích kiếm trảm Thiên-kiêu.
Trượng-phu thiên lý, chí mã cách.
Thái-sơn nhất trịch khinh hồng-mao.
Tiện từ khuê-khổn tùng chinh-chiến.
Tây-phong minh tiên xuất Vị-kiều.
Vị-kiều đầu, thanh-thủy câu,
Thanh-thủy biên, thanh-thảo đồ.

Cờ tinh, cờ kỳ bay rộn-ràng thêm lòng sầu ra ải.
Tiếng sáo, tiếng trống inh-ỏi, tiếng oán (lẫn) bỏ nhà.
Có oán mà phải chia tay,
Có sầu mà phải vĩnh-biệt.

Chàng hai mươi tuổi, là một kẻ hào đổng Ngô-môn,
Vứt bút nghiên mà theo việc cung đao.
đưa / Chực dây thành liền hiến đứng vua;
Thề đem thanh gươm dài chém giặc trời.
Chí trượng-phu là đi xa nghìn dặm, thây bọc thây trong da ngựa;
Ném núi Thái nhẹ như lông hồng.
Chàng bèn từ giã nhà cửa trẩy đi đánh giặc.
Giữa cơn gió tây lạnh, quất roi ngựa, ra lối cầu sông Vị.
Đầu cầu sông Vị, có ngòi nước trong,
Bên bờ nước trong, có đường cỏ xanh.

h. lại có chữ hề 兮
ở 征夫吟

清水邊青草途
渭橋頭清水溝
西風鳴鞭出渭橋
便辭閨閤從征戰
泰山一擲輕鴻毛
丈夫千里志馬革
願將尺劍斬天驕
直把連城獻明聖
投筆硯兮事弓刀
良人二十吳門豪

有愁兮契濶
有怨兮分携
喧喧簫鼓辭家怨
旆旆旌旗出塞愁

a 吾　　吡　　theo b c

Bóng cờ, tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

chí nam nhi

Chàng tuổi trẻ, vốn dòng hào-kiệt,
~~Xếp~~ Nhấp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong tiến bệ rồng,
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.
Chí làm trai: dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái-sơn nhẹ nhõm hồng-mao.
Giã nhà mang bức chiến-bào,
Thét rơi cầu Vị, ào-ào gió thu.

II. TIỄN BIỆT

Lúc tiễn-biệt

Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.

(right-margin annotations: 摭 ; liền 敵 連 ; tựa ; 招 扨 ; 招 → 揺 ; ngoài 外 ; 外 → 泝)

26, b, c 渭橋, a: 橋 　 20, d 欲; a b c 直 　 (18) Nếp. Các bản đều chép Xếp cái bài viết nhẹ tựa. Nhõm là tiếng xưa nghĩa là nhẹ. Nhấp, nhận thấy ý chữ Hán là kém.

(21) ~~Nhẹ nhõm. a: ... bằng độ~~ nhẹ nhõm. a: bằng độ.

(24) Thét. a: tiếng; ào ào a: 道 vào.

(23) Mang ~~a: đeo~~ a viết chữ chiêu 招 có thể là chữ 扨 đeo hay 揺 mang. c viết đeo. Nhưng chữ đeo không đúng trí. Các bản đều đọc thét, nhưng không đúng trí.

Tống quân xứ hề, tâm du-du.
Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như ~~chu~~ câu;
Quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như chu.
Thanh thanh hữu lưu-thủy, [Mạc] tẩy thiếp tâm sầu.
Thanh thanh hữu phương-thảo, Bất vong thiếp tâm ưu.
Ngữ phục ngữ hề, chấp quân-thủ;
Bộ nhất bộ hề, ~~phan~~ khiên quân nhu.
Thiếp tâm tùy quân tự minh-nguyệt;
Quân tâm vạn lý Thiên-sơn tuyết.
Trịch li-bôi hề, vũ Long-tuyền;
Hoành chinh-sáo hề, chỉ hổ-huyệt.
Văn tùng Giới-tử tiệp Lâu-lan.
Triều hướng Man-khê đàm Mã-Viện.

Tại chỗ đưa chàng kia, lòng thiếp giằng-giặc buồn.

Chàng lên đường bộ, chàng? Thiếp giận không được như ngựa câu chàng cỡi;

Chàng ~~đi đường thủy~~ theo tới dòng nước chàng? Thiếp giận không được như chiếc thuyền chàng đi.

~~Tuy~~ Có ~~dòng~~ nước trong ~~trong~~ leo-lẻo, Nhưng không gột (nổi) lòng thiếp sầu.
~~Tuy~~ Có ~~đường~~ cỏ thơm xanh xanh, Nhưng không quên lòng thiếp lo.
Nói chuyện ~~xong~~ rồi lại nói, ~~chuyện~~ thiếp cầm ~~lấy~~ tay chàng.
Bước đi một bước, thiếp níu ~~lấy~~ áo chàng.

Lòng thiếp theo chàng như ~~vầng~~ trăng sáng theo ~~đi~~ chàng dọi.
~~Lòng chàng, lâm ra ngoài vạn dặm như tên bắn ở Thiên-sơn.~~
Chàng ~~vứt~~ chén rượu ~~chia phôi~~ li biệt mà múa gươm Long-tuyền;
Cầm ngang ngọn giáo trận, mà trỏ hang-hổ ~~[illegible]~~.
Chàng bảo sáng theo Giới-tử đi săn chúa ~~nước~~ Lâu-lan.
Chàng cỡi mà đi thẳng tới chốn Man-khê ~~[illegible]~~ nói chuyện ~~giặc~~ cùng Mã-viện.
Lòng chàng lâm ra ngoài vạn dặm, bắn ~~ba phát~~ tên ~~[illegible]~~ dẹp giặc ở núi Thiên-sơn.

+30 (Fu) mac (Fu) mac 35 35 38 40

笑向蠻溪談馬援。
云從介子獵樓蘭。
橫征槊兮指虎穴。
擲離杯兮舞龍泉。
君心萬里兮射山箭。
妾心隨君似明月。

步一步兮牽君襦。
語復語兮執君手。
不忘妾心憂。
青青有芳草。
不洗妾心愁。
清清有流水。
君臨流兮妾恨不如舟。
君登途兮妾恨不如駒。
送君處兮心悠悠。

Đưa chàng lòng dằng-dặc buồn,

29+30 Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.

31+32 Nước có chảy mà phiền chẳng ~~tả~~ giã

33+34 Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.

35 Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,

Bước đi một bước dây dây lại dừng.

~~35~~ Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,

~~36~~ ~~Lòng~~ Dạ chàng ra tìm cõi Thiên-san.

Múa gươm, rượu tiễn chưa tàn,

40 Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

Săn Lâu-lan, rằng theo Giới-tử,

Tới Man-khê bàn sự Phục-ba.

30. ~~a 不, b 莫~~ – 31 b: 有, a không có – 33 a 攀, b: 𫽇 – 38 a 云, b: 去 (sai)

29. Cỏ a: tuông; Mà a: lòng. — 30 Cỏ a: xanh; mà dạ chẳng khuây a: dạ nhớ không quên — 31 nhủ lại cầm tay a: tay lại trao liền

32. dây dây lại dừng a: lại vin áo chàng.

34. ~~[illegible]~~ a: Dạ chàng xa muôn; c: cõi nghìn non

35. a: Đặt chén tiễn, múa Long-tuyền

37. Săn a: Đăng

38 Tới - a: Đòng ~~38 Tới. a: Đòng~~

Quân xuyên tráng-phục hồng như hà;
Quân kỵ kiêu-mã bạch như tuyết.
Kiêu-mã hề loan-linh;
Chinh-cổ hề nhân hành.
Tu-du trung hề đối diện;
Khoảnh-khắc lý hề phân trình.
Phân trình hề Hà-lương;
Bồi-hồi hề lộ-bàng.
Lộ-bàng nhất vọng hề, bái ương-ương.
Tiền xa bắc Tế-liễu;
Hậu kỵ tây Trường-dương.
Kỵ xa tương ủng quân lâm tái;
Dương-liễu na tri thiếp đoạn-trường.
Khể-khể lạc-mai thanh tiệm viễn,
Hành hành chinh-bái sắc hà mang.

Chàng mặc bộ áo đỏ như ráng;
Chàng cưỡi ngựa kiêu trắng như tuyết.
Ngựa kiêu rung tiếng đạc nhạc;
Trống trận nhịp người đi.
Gặp mặt nhau trong giây phút,
Chốc lát đã chia đường.
Chia đường ở trên cầu Hà-lương.
Thiếp bồi-hồi đứng bên đường
Đứng bên đường, ngóng trông cờ bái bay phơi phới.
Cỗ xe đi trước, tiến phía bắc, đã đến Tế-liễu;
Quân kỵ đi sau còn ở phía tây, tại Trường-dương.
Cỗ xe và quân kỵ hộ-tống chàng đi ra ải;
Dãy dương-liễu kia có biết rằng thiếp đau đứt ruột chăng?
Quân lang đi, tiếng địch thổi như thấy hoa rung vang xa;
Cờ trận kéo từng hàng, sắc trông sao mà bộn-rộn?

行行征旆色何忙
去去落梅聲漸遠
楊柳那知妾斷腸
騎車相擁君臨塞
後騎西長楊
前渾北細柳
路旁一望兮旋央央
徘徊兮路旁
分程兮河梁

頃刻分分程
須臾中兮對面
征鼓兮人行
驕馬兮鸞鈴
君騎驕馬白如雪
君披莊服紅如霞

Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
45+46 Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
47+48 Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà lương chia rẽ đường này
50+51 Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi.
Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu,
Kỵ sau còn ngất nẻo Trường Dương.
Quân đưa chàng lại lên đường,
55 Liễu Dương biết thiếp đoạn trường này chăng?
Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
Hàng cờ ai trông bóng phất phơ.

40 a.披, b.穿 — a.莊, b.壯 — 分紅, a.紅 — 41 [illegible] — 43 [illegible]
48 a.旆, b.旗 — 54 [illegible], b.車 a c 軍
37 Ráng c: Sương
43. ai rẽ ghé. a: rẽ — 44. lá a: bóng. — 45 Xe [illegible]
gần b: tới — 46. Kỵ a: ngựa. — Ngất b: ở — 54. [illegible]
60. a. Hàng cờ vây bóng ngất mơ mơ. b: [illegible]

Vọng vân khứ hề, lang mạt thiên;
Vọng sơn quy hề, thiếp tư lăng.
Lang khứ-trình hề, mông vũ-ngoại;
Thiếp quy-xứ hề, tạc dạ phòng.
Quy-khứ lưỡng hồi cố:
Vân thanh dữ sơn thương.
Lang cố thiếp hề Hàm-dương.
Thiếp cố lang hề Tiêu-tương.
Tiêu-tương yên ~~cách~~ trở Hàm-dương thụ.
Hàm-dương thụ cách Tiêu-tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Mạch thượng tang! Mạch thượng tang!
Thiếp-ý, quân-tâm, thùy đoản trường?

Ngóng ngày ~~đi~~, ~~[illegible]~~ chàng biệt tiễn;
Ngóng núi, trời về, thiếp những nhớ chàng.
Đường chàng đi ~~1~~ xa, trong mưa [illegible];
Chốn thiếp trở về là phòng cùng nhau ở tối hôm qua.
Người về kẻ đi, núi bên cùng ngoảnh lại:
Chỉ thấy mây trời ~~[illegible]~~ và núi ~~[illegible]~~ xanh.
Chàng ~~ở Hàm-dương~~ ngóng lại thiếp, ở Hàm-dương
Thiếp ~~ở Tiêu-tương~~ ngóng lại chàng, ở Tiêu-tương
Khói Tiêu-tương cách cây Hàm-dương
Cây Hàm-dương cách sông Tiêu-tương.
Cùng ngóng nhau mà không thấy nhau,
Chỉ thấy đám dâu xanh xanh trên đường,
~~Dâu bên đường~~ Những dâu trên đường, những dâu bên đường!
Ý thiếp và lòng chàng, bên nào dài ngắn.

妾意君心誰短長。
陌上桑陌上桑。
青青陌上桑。
相顧不相見。
咸陽樹隔瀟湘江。
瀟湘烟隔咸陽樹。
妾顧郎兮瀟湘。
郎顧妾兮咸陽。
雲青與山蒼。
歸去兮兩回顧。
妾歸處兮昨夜房。
郎去程兮濛雨外。
望山歸兮妾思郎。
望雲去兮郎別妾。

Dấu chàng theo lớp mây đưa, 淮
Thiếp nhìn rặng núi, ngẩn-ngơ nỗi nhà.
Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về phòng cũ chiếu chăn.
Đoái trông nhau đã cách ngăn,
Buồn màu mây biếc ~~cõi ngàn~~ trải ngàn núi xanh.
Chốn Hàm-dương chàng còn ngoảnh lại,
Ngác Tiêu-tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu-tương cách Hàm-dương,
Cây Hàm-dương cách Tiêu-tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy.
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

---

56. a 山, b 雲 — 60. a 與, b 兮 — 63 a 隔, b 阻 — 55. Ngẫn. Cái hình ...

51 ~~a ...~~ Dấu chàng a. Phất tay. — 53 Đi a: trảy 56 Tuôn a: ...
— trải a: cùng — Ngẫm. Cái bản làm ra ngẫm. Hai lối viết
158. Ngác. Cái bản ~~...~~ biến. Ngoái ... sang

Tự tùng biệt hậu phong sa lũng.
Minh nguyệt tri quân hà xứ túc.
Cổ lai chinh-chiến trường.
Vạn lý vô nhân ốc.
Phong khiên khách đả đỏ nhan nhan tiều-tụy,
Thủy thâm thấm thấp đa mã đề xúc
Hành-phu chẩm cổ ~~Ngọa~~ ~~Long-sa~~ Long-sa
Chiến sĩ bão yên miên Hổ-~~lục~~ hổ-lục
Kim triêu Hán hạ Bạch-đằng thành.
Minh nhật Hồ khuy Thanh-hải khúc
Thanh-hải khúc, thanh sơn cao phục đê
Thanh sơn tiền, thanh-khê đoạn phục tục.
Thanh-sơn thượng, tuyệt mộng đài
Thanh-khê hạ, thủy một phúc.
Khả lân đa thiểu thiết-y nhân
Tử qui đương thì sầu nhan sự.

Kể từ khi xa nhau, chàng tới vùng gió lùa cát cuốn.
Đêm trăng sáng, chàng nghỉ ở nơi đâu.
Xưa nay, nơi chiến-trường.
Suốt vạn dặm không có nhà ở.
Gió mùn ngụt đất vào mặt ~~[illegible]~~, làm người ~~[illegible]~~ tiều-tụy.
Nước sâu sâu làm cho ngựa sợ không giám bước, ~~[illegible]~~ mãi.
Kẻ đi thú gối trống-trận mà nằm ~~Long-sa~~ bãi cát.
Chiến-sĩ ôm yên mà ngủ ở cồn ~~Hổ-lục~~ mả.
Sáng nay, quân Hán ~~đến~~ ~~xây~~ tới thành Bạch-đằng,
Ngày mai, quân Hồ rình cuối ~~mé~~ Thanh-hải.
Góc Thanh-hải, núi xanh cao lại thấp:
Trước núi xanh, khe xanh đứt lại nối.
Trên núi xanh, tuyệt chỗ đi.
Dưới khe xanh, ~~nước~~ nước ngập lòng.
Biết bao kẻ mặc áo giáp đồng chung ấy!
Nhớ nhà muốn về, khi ấy mặt sầu nhăn-nhó.

思歸當此愁顏變
可憐多少鐵衣人
青溪下水沒腹
青山上雪蒙頭
青山前青溪斷復
青海曲青山高復
明日胡窺青海曲
今朝漢下白登城
戰士抱鞍眠虎陸
戍夫枕鼓臥龍沙
水深深怯得馬蹄
風緊緊打得人顏
萬里無人屋
古來征戰場
明月知君何處宿
日從別后風沙隴

Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm trăng này nghỉ mát phương nao?
Xưa nay chiến địa dường bao,
Nội không muôn dặm, xiết bao dãi-dầu.
Hơi gió lạnh, người dầu mặt dạn,
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon.
Ôm yên gối trống đã chồn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
Nay Hán xuống Bạch-thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh-hải dòm qua.
Hình khe thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao.
Sương đầu núi, buổi chiều như giội,
Nước lòng khe, nẻo lội còn sâu.
Buồn quê [illegible] vậy tàu, — c: não
Lòng quê qua đó, mặt nào chẳng chau. — c: râu

69. a 后 b 後 — 73 a 悴, b [illegible] — [illegible] — 78 a 朝 b 日 — [illegible]
88 [illegible]
(69) nghỉ mát: [illegible]. Tôi [illegible] nghỉ mát, [illegible] là ngủ. [illegible]

Cấm-trường quân vương tri dã vô?
Gian-nan mỗi vị họa chinh-phu.
Liệu tưởng cương nhân hành lịch xứ,
Tiêu-quan giốc, Hãn-hải ngung.
Sương thôn vũ điếm, [Hồ lạc xà khu.
Phong xan lộ túc, [tuyết hĩnh băng tu
Đăng cao vọng vân sắc,
Yên đắc bất sinh sầu

Thử từng biệt-hậu đông nam khuyến,
Đông nam tri quân chiến hà đạo.
Cổ lai chinh-chiến nhân,
Tính mệnh khinh như thảo.
Phong-nhận hạ, ôn-ôn hiệp khoáng chúa ân thâm,
Thỉ-thạch trung, lịch-lịch hoành quá tráng sĩ yểu
Kỳ-sơn cựu trủng nguyệt mang-mang
Phì-thủy tân phần phong niểu-niểu.

Đức vua trong trướng gấm biết hay không?
Ai vẽ cảnh gian-nan ~~cho~~ kẻ chinh-phu đi vua hay.
(Thiếp) Suy ~~[illegible]~~ nghĩ đến chỗ Chàng đi qua:
Đó Tiêu-quan này là góc Hãn-hải,
Làng sương, quán mưa; [Xóm hồ, vùng rắn.
Ăn giữa gió, ngủ trong ~~[illegible]~~ móc; [Tuyết ngập chân, giá [illegible] râu
Thiếp trèo lên cao mà ngóng sắc mây.
Làm sao mà không sinh sầu được?

Từ sau khi xa nhau, Chàng đi về miền ải ở Đông-nam.
Phía Đông-nam, biết Chàng đánh ở chốn nào.
Xưa nay, những người đi trận,
Tính mệnh ~~khinh~~ rẻ như cỏ.
Dưới ~~[illegible]~~ ([illegible] ~~[illegible]~~ [illegible]) [illegible] ~~[illegible]~~ ấm bụng trong người [illegible] đó là nhờ ơn ~~[illegible]~~ sâu của chúa.
Trong chốn cát, ngọn mác đưa qua sáng choang, mình tráng sĩ [illegible]
Mồ cũ ở Kỳ-sơn, trăng dọi mờ mờ;
Mả mới ở sông Phì, gió thổi ~~[illegible]~~ nghi-ngút.

86 90 88 90 — 89 ... 102 ... 105

淝水新墳風晨晨。
祈山舊塚月忙忙。
時刻中歷歷橫戈壯士夫。
鋒刃下溫溫挾纊主恩深。
性命輕如草。
古來征戰人。
東南知君戰何道。
自從別後東南徵。

安得不生愁。
登高望雲色。
風餐露宿雪脛冰鬢。
霜村雨店虎落蛇區。
蕭關角瀚海隅。
料想良人經歷處。
艱難誰為畫征夫。
惆悵君王知也無。

Tìm trường gấm hẳn nay chẳng nhẽ?
Trang chinh-phu ai vẽ cho nên. (mặt — c: dạng)
90 Sương chẳng giong-ruổi mấy niên,
Chàng nơi Hãn-hải, thì miền Tiết quan. (c: quan-san 關山)
93 Đã trải trở dời ngàn xà hổ,
Lại lạnh-lùng những chỗ gió sương phong.
96 Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.
Từ đi sang đông-nam khơi nẻo. (chẳng tới — c: 去 — c: ngắt)
Biết nay chàng tiến-thảo nơi đâu.
100 Những người chinh-chiến mấy lâu
Nhẹ xem tính-mệnh như màu cỏ cây.
Mặc nơi [illegible] ôn đây từ trước,
Bãi chôn nghi [illegible] tuổi đìu hiu nhiều.
100 Nơi Kỳ quan cũ ... trăng treo (c: 墓 mộ cũ)
103 Cồn gió thổi đìu hiu mấy gò.

85 a 知, b 識 — 88a 關 — 角 ... — 98 a 艱 ... — 99 a 祈山, b 祁連

Phong niêu-niêu phong xuy cổ-tử hồn,
Nguyệt mang-mang chiếu chinh-nhân mạo.
Chinh-phu mạo, thùy đan thanh?
Cổ-tử hồn, thùy ai điếu.
Thử liên thanh-đầu cựu sơn-xuyên,
Hành-nhân quá thử tình đa thiểu.
Cổ lai chinh-chiến kỷ nhân hoàn,
Ban Siêu qui thời mấn dĩ ban.
Liễu liễu phương nhân trì sinh ngoại
Đơn kích tiêm, nhất nhung an.
Thu-phong sát ảo, [Minh-nguyệt quan san.
Mã đầu minh-đích, [Thành thượng duyên can.
Công-danh bách mang tự.
Lao-khổ vị ung nhân

Gió ~~[illegible]~~ thổi luồng hồn tử-sĩ,
Trăng mờ-mờ rọi mặt chinh-phu.
Mặt chinh-phu, ai ~~[illegible]~~ [illegible]?
Hồn tử-sĩ, ai ~~đem~~ [illegible]?
Nước xanh-ngắt là những non sông cũ ~~[illegible]~~ chiến-trường;
Kẻ đi qua đó ~~sơ~~ có tình thương xót nhiều hay ít!
Xưa nay đi đánh trận, mấy người ~~[illegible]~~ trở về.
Khi Ban Siêu về, ~~[illegible]~~ tóc đã có đám bạc. (Ông ngại)
~~[illegible]~~ Thử suy nghĩ đến chàng Đông mười ở ngoài,
~~[illegible]~~ Ta thuốc gươm, một cỗ yên ngựa.
Gió thu lướt cỏ bãi cát, [Trăng sáng dọi nơi ở cửa quan;
Mũi tên vay veo bên đầu ngựa, [Treo ~~[illegible]~~ sao mà [illegible] chăm.
Cướp công danh ~~tưởng~~ giữa ~~[illegible]~~ trăm về vận-rộn.
Chịu lao-khổ chịu cước nghỉ ngơi.

古來征戰幾人還。
班超歸時鬢已斑。
料想良人馳騁外。
三尺劍一戎鞍。
秋風沙草明月關山。
馬頭鳴鏑城上綠竿。
功名百忙裏。
勞苦未應閒。

行人過此情多少。
可憐爭鬪舊山川。
死士魂誰哀弔。
征人魂誰丹青。
月茫茫曾照征人魂。
風長長空吹死士魂。

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn. c. mục
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương. c: 始
Phận trai già cõi chiến trường, c:
Chàng Ban tóc đã điểm sương mới về. 超
Dường chàng lúc chiến về ngày nọ, c:
Đã thuở nhàn, một cỗ nhung an. c:
Lòng thu gió vội bùng tan,
Hàng cờ dài ngựa, nào can mặt tài a:
Cũng ưng anh chiến đường ...
Những nhà nhãi nào mà gọi nơi. c: 已宜

101. a 空 b 曾 — 102. a 誰 b 譙 — 104 a 鬢 b 頭 — 105 關 b 月

Lao dữ nhàn, thùy dữ ngôn,
Quân tại thiên-nha, thiếp ỷ môn.
Ỷ môn cô thiếp kim-sinh phận,
Thiên-nha khởi quân vĩnh-sinh hồn.
Bình-sinh hồn, tự tín tương tùy ngư thủy vạn,
Kim sinh phận, na kham tương cách thủy-vân thôn.
Thiếp thân bất tương vi chinh-phụ,
Quân thân khởi học vi Vương-tôn.
Hà sự Giang-nam dữ giang-bắc.
Linh nhân sầu niệm nịch sầu hồn.
Nhất cá thị: phong-sương thiên-niên khách,
Nhất cá thị: thâm-khuê thiếu-niên hồn.
Khả ~~tiền~~ kham tương niệm thiếu.
Thiên lý cách hàn-huyên!

~~Khó nhọc~~ Sao khổ hay ~~thong dong~~ ngồi ngợi, biết nói cùng ai.
Chàng ở góc trời, thiếp ~~thì~~ tựa cửa ~~trông đợi~~ (mong đợi).
Tựa cửa vốn là phận đời này của thiếp;
Còn Chàng có phải mang kiếp ~~phải~~ ở góc trời đâu.
Kiếp xưa nay ~~ta mong cùng~~ theo nhau như cá với nước.
Phận đời này sao chịu nổi sự cách trở như nước với mây.
Thân thiếp không ngờ làm người chinh-phụ,
Thân Chàng há điều lại bắt chước làm kẻ Vương-tôn.
Thế mà cớ sao lại chia ra 2 người ở phía bắc sông, kẻ phía nam sông;
Khiến thiếp buổi sáng sầu tới buổi chiều sầu.
Một ~~kẻ thì~~ bên là khách ~~trẻ tuổi~~ phong sương trải,
Một ~~người thì~~ bên là gái khuê phòng còn tơ.
Sui chua nổi?! ~~Khá thương thay~~ ~~cho~~ hai kẻ thiếu-niên ta
Xa cách nhau nghìn dặm, hàn ấm khó lạnh đều ~~vắng~~ ~~tiếc~~.

千里各寒暄。
可憐兩少年。
一兮是深閨少年婚。
一兮是風流少年客。
令人愁曉又愁昏。
何事江南與江北。
君身豈學為王孫。
妾身不想為征婦。
今生分那堪相隔水雲村。
平生魂自信相隨魚水伴。
天涯豈君平生魂。
倚門固妾今生分。
君在天涯妾倚門。
勞與閨誰與言。

Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia, há kiếp chàng vay! c: đâu
Những mong cá nước vui vầy, c: cũng nhau
Nào ngờ đôi ngã nước mây cách vời. c: nào ngờ mây nước [illegible] đâu
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn.
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thì hôm những sầu. c: dãi dầu [illegible]
[illegible] phòng tiêu đương, chẳng [illegible] tiêu, 發c 樸 phải ? [illegible]
Lánh nhau cùng đau-đáu chữ duyên.
Nỗ nào đôi-lứa thiếu niên,
Quan-sơn để cách, hàn huyên bao đành!

124 a 又 b 更 _ 126 a 深閨 [illegible] _ 127 a 憐 b 堪
[illegible] 樸 (chẳng)

Ức tích dữ quân tương biệt thì,
Liễu điều do vị chuyển hoàng-ly.
Vấn quân hà nhật qui?
Quân ước đỗ-quyên đề.
Đỗ quyên dĩ trục hoàng-ly tảo,
Thanh-liễu lâu tiền ngữ y-nhi.

Ức tích dữ quân tương biệt trung,
Tuyết mai do vị thức đông-phong.
Vấn quân hà nhật qui!
Quân chỉ đào hoa hồng.
Đào-hoa dĩ đông-phong khứ.
Lão-mai giang thượng hựu phù-dung.

Dữ quân ngôn hà xứ?
Nai ưởi Lũng-tây sầm.

Nhớ xưa, lúc cùng Chàng biệt nhau,
Cành liễu chưa có tiếng hót của chim hoàng-oanh.
Hỏi chàng ngày nào về,
Chàng hẹn ngày chim đỗ quyên kêu.
Nay, đỗ-quyên đã theo hoàng-oanh cùng già,
trên cây liễu xanh ở trước lầu, chim đã ...

Nhớ xưa, lúc cùng Chàng biệt nhau.
Cây mai trắng còn chưa biết gió đông.
Hỏi Chàng ngày nào về,
Chàng bảo đến ngày hoa đào đỏ.
Nay, hoa đào cùng gió đông đã qua,
Cây mai già bên sông, ... hoa phù-dung.
Cùng Chàng hẹn đợi nơi nào?
Chàng vẫn hẹn ở núi Lũng-tây.

130 + 1 2 + 3 140 ... 141 ... 8 + 9 140 ... 2 + 3

乃約隴西岑。
與我約何處

老梅江上又芙蓉。
桃花已落東風去。
君指桃花紅。
問君何日歸。
雪梅猶未識東風。
憶昔與君相別中。

青柳樓前語鸚鵡。
杜鵑已逐黃鸝老。
君約杜鵑啼。
問君何日歸。
柳條猶未囀黃鸝。
與君相別時。

---

136 + 7 Thuở lâm-hành, oanh chưa bén liễu, 125
138 + 9 Hỏi ngày về, ước nẻo quyên ca.
140 Nay quyên đã giục oanh già.
Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo.
142 + 3 Thuở đăng-đồ, mai chưa dạn gió,
144 + 5 Hỏi ngày về, chỉ độ đào bông. 130
140 Nay đào đã quyến gió đông,
140 Phù-dung lại đã bên sông bơ-sờ.
148 + 9 Hẹn cùng ta Lũng-tây nham ấy,

---

130. ... 139 ... 141 ...

15C Nhật-trung hề bất lai,
Truy điệp đầu ngã trâm.
Trữ lập không thì nhập,
~~Hàn giang thời mộ triều.~~ Hoang-thôn tuyết ngộ-cầm.

~~Bích-niên ký tín khuyến quân hồi~~ Dư [illegible] ước ư sở?
Diệu 155 ~~Tại~~ ước Hán-dương kiều.
Nhật vãn hề bất lai,
Cốc không xuy ngã bào.
Trữ lập không thể nhập,
Hàn giang thời mộ-triều.

16C Bích-niên ký tín khuyến quân hồi.
Kim-niên ký tín khuyến quân lai.
Tín lai nhân vị lai,
Dương-hoa tịch-lạc uý thượng-đài.

15C ~~Thiếp hẹn chàng~~ tối mà chẳng chàng tới.
Lá rừng [illegible] cuốn thiếp.
Thiếp đứng trông, tuôn tràn nước mắt khóc.
Trong xóm vô hoang, tiếng chim kêu ban triều [illegible].

Cùng thiếp hẹn chỗ nào.
Cùng 155 Chàng ~~tối~~ hẹn ở cầu Hán-dương.
Ngày ~~tối~~ muộn rồi mà chàng chẳng tới.
Gió đông thổi bay áo thiếp.
Thiếp đứng trông, tuôn tràn nước mắt khóc.
Mặt sông quanh-quẽ, nước triều ~~lên~~ vào tới-đúng [illegible].

16C Năm xưa gửi tin khuyên chàng ~~tới~~ về.
Năm nay gửi tin khuyên chàng ~~tới~~ ~~lại~~ ~~[illegible]~~ tới.
Tin tới chàng, mà chàng chưa thấy tới;
Hoa dương rời tan tác xuống đám rêu xanh.

荒邨喧午禽
竚立空涕泣
墜葉兜我簪
日中兮不來

寒江起暮潮
竚立空涕泣
谷風吹我袍
日晚兮不來
乃約漢陽橋
與我約何所

楊花零落委蒼苔
信來人未來
今年寄信勸君來
昔年寄信勸君回

153 Làng trưa nghe rục tiếng cầm lao xao.
154,5 Hẹn nơi nào? Hán-dương cầu nọ,
Trưa lại tìm nào có tiêu hao.
157,8 ngừng gió thổi áo bào,
159 Bãi hôm tuôn dẫy nước triều mênh mông.

162 Bên tường tại người không thấy lại,
Gốc hoa tàn đã trải rêu xanh.

Hướng đài, hướng đài, hưu thướng đài.
Nhất bộ nhàn-đình bách cảm thôi.
Tích niên hồi thư đính thử kỳ.
Kim niên hồi thư đính thử qui.
Thư qui, nhân vị qui.
Sa song tịch-mịch chuyển tà huy.
Tà-huy, tà-huy, hưu tà huy!
Thập ước quân kỳ cửu độ vi.
Khi tương khuê-nhật nhưng đầu số,
Thất giác hà-tiền dĩ lam chú.
Tối khổ thị: liên niên khiển-thú nhân;
Tối khổ thị: thiên lý hoàng-hoa thú.
Hoàng-hoa thú, thùy vô đường thượng thân;
Khiển thú nhân, thùy vô khuê trung phụ.

Rêu xanh, rêu xanh ôi rêu xanh!
Đi ~~[illegible]~~ vườn trên sân vắng thì trùm ~~[illegible]~~ [illegible].
Năm xưa, ~~chàng tôi~~ thư hẹn tiễn đợi,
Năm nay, ~~chàng~~ nơi thư hẹn ngày về.
Thư về, chàng chưa về;
Qua song ~~[illegible]~~ sa quạnh-quẽ, ~~đã~~ chuyển ~~[illegible]~~ bóng xế.
Bóng xế, bóng xế ơi bóng xế!
Mười lần hẹn tin mừng thì chín lần sai.
Thử đếm những ngày qua từ khi Chàng ra đi mà đếm,
Không ngờ lá sen ~~[illegible]~~, tròn như đồng tiền, đã ra lần đưa n[illegible]
Rất khổ là người ra ngoài ải xa mấy năm liền!
Rất khổ là kẻ đi thú, ở Hoàng hoa ~~[illegible]~~ xa nghìn dặm.
Kẻ đi thú Hoàng hoa ~~[illegible]~~, ai là không có cha mẹ ở nhà.
Người ra ngoài ải xa, ai là không có vợ ~~[illegible]~~ ở trong nhà trong ~~phòng~~ khuê.

168 169 169 o o 170 105 106 175

紫塞人誰無閨中婦。
黃花戍誰無堂上親。
最苦是千里黃花戍。
最苦是連年紫塞人。
不覺荷錢已三鑄。
試將去日從頭數。

十約佳期九度違。
斜暉斜暉又斜暉。
紗窗寂寞轉斜暉。
書歸人未歸。
今年回書訂妾歸。
昔年回書訂妾期。

一步閑庭百感催。
蒼苔蒼苔又蒼苔。

Bc bỏ — Bc bỏ — Bc bỏ 是

---

158 Rêu xanh mấy lớp chung quanh.
165 Sân đi một bước trăm tình ngẩn ngơ.
168 Thư thường tới người chưa thấy tới, 145
Bức rèm thưa lần dãi bóng dương.
170 Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Nhớ lời-lời Lời sao mười hẹn chín thường đơn sai.

Khi tình lại điểm khơi ngày ấy,
Biết sen nay đã nảy lá ba. 150
Một người tần tảo ai xa, 女
175 Một người nương chốn hoàng hoa dặm dài.
Bình gia-thất nào ai chẳng có,
177 Kìa lão-thân, khuê phụ nhớ thương.

1.., 170 b: 黃花戍, a: 紫塞人 — 170. b. 紫塞人, a. 黃花戍

黃花戍 ở khoa bài [illegible] 唐黑臺帝 [illegible] 紫塞

Hàm thân ân như [illegible] tương ly.
Hàn phụ ân năng [illegible] tương phụ.
Quân nếu tảo hoàn mãn nhi sương
Quân nếu ~~[illegible]~~ nhi, tiện tha nhụ.
Lưỡ thân tề y môn,
~~Anh~~ Khỉ [illegible] dai [illegible] vộ.
Cung thân [illegible] hề thiên vi nam,
Khoa [illegible] thủ tề, thiếp vi phụ.
Cung thân khoá tế [illegible] nhật thân,
Thương thiếp [illegible] quân hưu hy độ.
Tư quân ~~[illegible]~~ tác tử di sa.
Tư quả [illegible] [illegible] tử [illegible] mộ.
Quân yêm [illegible], tam niên, [illegible].
Thiếp tâm hoài [illegible], thâm [illegible] hoàn vạn lu.
An [illegible] tại quân biên,
<u>Tố thiếp trúng trường khổ.</u>

Có cha mẹ, sao làm lìa xa được!
Có vợ, sao ~~[illegible]~~ bỏ lâu ngày được?
Chàng có mẹ già, mạng tắc trúng như sương muối.
Chàng có con thơ, tuổi con đang nhỏ.
Mẹ già thì tin [illegible] trông.
Con thơ chỉ đợi mớm cơm.
Nuôi ~~[illegible]~~ mẹ ăn thì có thiếp làm ~~[illegible]~~ trai,
Dạy ~~[illegible]~~ con thì có thiếp làm ~~[illegible]~~ vô.
Nuôi mẹ, dạy con, chỉ có một thân này;
Xót thiếp, nhớ chàng, đã bấy lâu nay.
~~[illegible]~~ Nhớ chàng, ~~[illegible]~~ từ xưa ~~[illegible]~~ đã qua,
Nhớ chàng năm nay, ~~[illegible]~~ năm nay ~~[illegible]~~ đã muộn.
Chàng ở ngoài hai năm, ba năm, lại bốn năm.
Thiếp ~~[illegible]~~ nhớ trăm ~~[illegible]~~ mối, nghìn mối, vạn mối.
Làm sao được ở bên chàng,
Để [illegible] tỏ ~~[illegible]~~ ~~[illegible]~~ [illegible] ~~[illegible]~~ [illegible]

180 181 190

訢妾乘腸苦。
安得在君邊。
安情懷百縷千縷還萬縷。
君淹留二年三年更四年。
思君今年兮又暮。
思君昔年兮已過。
傷妾思君兮幾度。
供親課子兮此一身。
課兒書兮妾爲父。
供親饔兮妾爲男。
嬰兒兮待哺。
老親兮倚門。
君有嬰兒年且孺。
君有老親鬢如霜。
有婦安能久相負。
有親安可暫相離。

180 Mẹ già phơ-phất mái sương, c: tác 索
Con thơ măng sữa vả đương bù-trì c: phù 扶
Lòng lão-thân buồn khi tựa cửa.
Miệng hài-nhi chờ bữa nuôi cơm. c: mớm 吃 唛
Ngọt bùi thiếp đã hiếu-nam a: 𠖤 c: 拖
181 Dạy con đèn sách thiếp làm phụ-thân.
Này một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan-hoài mang mể biết bao. a: 梏 c: 拮
Nhớ chàng trải mấy sương-sao,
mới Xuân từng đổi mới, đông nào còn xa a: 買 c: 𪥘 xa 余
190 Kể năm đã ba tư cách diễn,
Rối lòng thêm ngàn vạn ngổn ngang.
Tóc chi gần-gũi tác gang,
Đã niềm cay đắng để chàng tơ say.

172 a: 能, b: 可 – 173 a: 鬢, b: 鬢 – 174 a 嬰兒, b: 兒郎 – 175 a 門 b 閭 – 177 a 飱, b 饔 – [illegible]
179 a 此, b: 此 – 181 a 昔年, b: 昨日 – 183 a 安得 b [illegible] – b 過, a 過
[illegible] bản nhiều lần ra đã [illegible] Hạ [illegible] nên tọc [illegible]

~~[illegible]~~ Khích nan [illegible] tiền (sơ.)
195 Tằng thụ quân [illegible] trung tâm ta
~~[illegible]~~ Hằng thùy ký quân-tử,
Biên [illegible] tiêu ý tri nơi.

Thiếp bản Tần-[illegible],
Tằng dữ tang ở lương đối [illegible].
200 Hằng thùy ký quân tử
~~[illegible]~~ Chiêu [illegible] kim cô-[illegible].

Thiếp [illegible] chỉ [illegible],
Thủ trung [illegible] tiêu [illegible]
Hằng thùy ký quân-tử
205 Vì vật [illegible] ân cần.

~~[illegible]~~ Thiếp [illegible] tục [illegible] ngọc

~~[illegible]~~ Thiếp có soi của [illegible] của Hán,
195 Là của Chàng tặng cho mà soi.
~~[illegible]~~ Nhờ ai mà gửi đến chàng?
Để tỏ ~~[illegible]~~ lòng thiếp nhớ-nhung,

Thiếp có gương [illegible] Tần,
Cũng chẳng được [illegible] ~~[illegible]~~ soi chung.
200 Nhờ ai mà gửi đến chàng,
~~[illegible]~~ Để chiều [illegible] thân thiếp lẻ loi.

Thiếp có nhẫn bạc đeo tay,
Thường cầm trong tay cũng thân-mật.
Nhờ ai ~~[illegible]~~ mà gửi đến chàng,
205 Để vật [illegible] nhiều ý ân-cần.
~~[illegible]~~ Thiếp có [tro] ngọc gài đầu,

188 189 190 191 — 200 201 — 196 197 198 199 — 192 193

妾有搔頭玉。

微物寓慇懃。
憑誰寄君子。
手中時相親。
妾有鈎指銀。

照妾今孤另。
憑誰寄君子。
曾與郎初相對影。
妾有參樓鏡。

表妾相思懷。
憑誰寄君子。
曾是嫁時將送來。
妾有漢宮釵。

Đồ vật kỷ niệm

144,5 [illegible] Thoa cung Hán thuả ngày xuất giá. Hươ?
148,9 [illegible] Gương lầu Tần dấu đã soi chung. 190
146,202 [illegible] Cậy ai mà gửi tới cùng,
147,201 [illegible] (Nữ) Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư. Để²

202+3 [illegible] Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghía.
200,7 [illegible] Ngọc cài đầu thuả bé vuốt chơi. vui
204,208 198=202 Cậy ai mà gửi tới nơi, c: tin 195
205,209 199+203 Để chàng trân trọng dấu người tương tri.

---

188 a 將送, b 送將 — 195 a 鈎, [illegible] — 190 a 時相, b 相時

Anh [illegible] nên cô tặng
Lòng thương ký [illegible]
Gia hương nạn tâm trong.

[illegible] niên âm tín hiếu [illegible],
Kim niên âm tín tin diệc hi.
Kiến nhạn uổng nhiên kì tái tịch,
Văn sương mạn tự chế miên y.
Tây-phong dục ký vô hồng tiện,
Thiên ngoại tiên y tuyết vũ thùy.
Tuyết ngân ý hệ [illegible] thương
Vũ lãnh y kế tang-vi
Hàn lãnh ban ban khổ
Thiên-ngoại khả liên y.
Cẩm tự dĩ thư [illegible] tình triện,
Kim tiền hoàn bốc tín hoàn nghi.

Khi [illegible] trẻ cùng chơi vơi.
Hỏi ai mà quí tới [illegible],
Để chốn đất khách ~~[illegible]~~ được chàng yêu quí.
Năm ngoái tin tức có [illegible] vơi.
Năm nay tin ít, thư cũng ít.
Thấy nhạn, uổng [illegible] thư ở cửa ai gửi về
Nghe sương, vội vàng may áo bông để gửi chàng
Thấy gió tây thổi, muốn gửi thư, nhưng không [illegible] chim [illegible]
Thương Chàng ở ngoài xa, chỗ tuyết và mưa rơi
Tuyết rơi, chàng phải ở nơi [illegible] rồ
Mưa lạnh, Chàng phải ở chốn [illegible]
Rét lạnh thật là khổ
~~[illegible]~~ Khá thương Chàng ở xa-xôi!
Để thơ vào ~~[illegible]~~ gấm ~~[illegible]~~ gởi rồi lại mở,
Gieo tiền để bói, tin nhưng còn ngờ.

金錢問卜信還疑
錦字題詩封更展
可憐伊錦字題讀
寒冷般般苦天外
雨冷伊兮恨悼
雪寒伊兮虎帳
天外憐伊雪雨垂
西風欲寄無鴻便
聞霜漫自製綿衣
見鴈枉然思塞帛
今年音稀信亦稀
昔年音信有來時

他鄉幸珍重
憑誰寄君子
嬰兒年所弄

---

210 ~~205~~ Trải mấy xuân tin đi tin ~~lại~~ lại,
Bởi xuân này tin hãi vắng không. c: đến 咳
~~206~~ Thấy nhạn tưởng luống thư-phong.
Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn-sàng.
Gió tây nổi, không đường hồng-tiện, 淡 . 没 480
215 Xót cõi ngoài tuyết quyện, mưa sa. 眷
216+7 ~~210-11~~ Màn mưa, trướng tuyết xông-pha,
218+9 212 Nghĩ thêm (thương) lạnh-lẽo kẻ ra cõi ngoài. ? a: c 添
220 213 Để chữ gấm phong thôi thư mở, c: lại 18.
214 Gieo bói tiền, tin dở còn ngờ. a: 貝 c: 掛

---

205 a 枉然思塞帛. b nguyên 想書封塞蝶 ... chữ ... 蝶.
206. b. 製, a: 制 — 208 b: 陲, a 垂

Hựu đạo ... hồn thì, trùng ... độ ...
Hựu ~~độ~~ minh- quyệt dạ, tồn chẩm ... kỳ.
Bất quan trầm du tích, hồn hồn ... tụ ...
Bất quan ngự dư nọa, ...- vọng ý như si
Trâm ta, ưu-~~...~~ bồng vô nại,
Quần thoa, thu-yêu sầu bất chi
Trú trầm-trầm, ngõ viện ... như trụy.
Tịch [illegible], tường ... thùy.
Liêm ngoại thùy, nhật xuất mai-đầu vô thước báo.
Liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đăng tri.
Đăng tri nhược vô tri.
Thiếp bi chỉ tự bi.
Bi hựu bi hề canh vô ngôn,
Đăng hoa, nhân ảnh tổng khả liên.

~~Đã~~ mấy tuần, mùi hoàng hôn, thiếp đứng một mình trong bức rèm.
Đã nay vắn, trong ... vắng, thiếp nằm gối ..., mai tóc ~~rối~~
Không ~~...~~ ... ~~...~~, thì ra người ... như vậy.
Trông ... ... sáng, dầu thiết mở màng như mùng.
Tâm xiêu, tóc mây. ~~... ... không bằng phẳng ...~~ thế.
Quần ~~...~~, lưng mềm gầy ... ~~...~~. ... viết.
Ngày đằng-đẵng, ~~để~~ thui thủi đi trong nhà vắng, ~~...~~
Tối ~~om-om~~, rèm ... cuốn ... rồi ~~...~~ xuống.
Dòm ra ngoài rèm, mặt trời đã mọc trên ~~cây mơ~~, ~~thế~~ mà chim
thước chưa vào tin mừng.
Trong rèm, thiếp ngồi. Đèn đi; tâm sự chỉ có đèn biết mà,
Đèn biết cũng như không biết
Thiếp ~~xót~~ đau xót chỉ ~~tự~~ hay đau xót mà thôi

Đau ~~tai~~ xót lại đau xót; rồi ~~không~~ im không nói
Hoa đèn và bóng người đều đáng thương

悲又悲兮更無言。
燈花人影總堪憐。

妾悲只自悲。
燈知若無知。
簾中坐夜來心事只燈知。
簾外窺日出梅(枝)頭無鵲報。
夕陰陰湘簾捲又垂。(兮悄之)
晝沉沉午院行如墜。
裙褪剩腰瘦不支。
簪斜委鬢蓬無奈懶。(髮 鬢 髻)
不開愚與情惆悵意如痴。
不開沉與醒惛惛人似醉。
幾回明月夜單枕鬢斜欹。
幾度黃昏時重軒人獨立。

酣 酣 慵 髻

216 Trời hôm đứng ngẩn ngẩn ngơ, — c: tựa cửa
217 Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai. — thờ
225 218 Há như ai hồn say bóng lẫn — c: 寒 bóng a: 月牽
219 Bỗng thờ thơ thẩn thẫn như không. — c: thờ-ơ, tẩn... 190
220 Trâm cài, xiêm giắt thẹn-thùng,
221 Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo. — c: trái
Giạo hiên vắng đám chiều từng bước — 忱惛
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen. — c: 闭 gài 外...
230 Ngoài rèm, thước chẳng mách tin,
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.
225 Đèn có biết, dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi-thiết mà thôi.
Buồn tình nói chẳng nên lời. — c: Buồn muộn
235 228 Hoa đèn kia với bóng người khá thương! — 鼓 → 呵 200

215 a 度, b 丁 — 216 a 回, b 迴 — a 鬓, b 客 — 217, 218 a 開, b 管 — 217 a 惛, b 昏 — 218 a 惆, b 嬌
2.. a 委, b 杳 — 蓬 b 鬢 — 221 a 沉, b 滔 — 222 a 又 懶, b 又 悄, c 又 偓 — 223 a 梅, b 枝
220 a. b 柔 c: 襦

Y-ốc hề thanh trong ngũ dạ,
Phi nhật hoè-âm độ bát chuyên.
Sầu tự hải, [Khắc] như niên.
Trùng nhiễm hương, hoa-tồn kiêm đản-chủ hạ.
Trùng lâm cảnh, ngọc-trợ luỵ đăng-hoa tiền.
Trùng viện cầm, chỉ-hạ kinh đàn loan phượng trụ.
Trùng ~~điều~~ sắt, khúc-trung sầu yết uyên-ương huyền.
Thử ý xuân-phong nhược khẳng truyền,
Thiên kim tá lực ký Yên-nhiên.
Yên-nhiên vị ~~đà~~ nãng truyền,
Ức quân điều-điều hề lộ như thiên.
Thiên tận vị dị đáo,
Ức quân du-du hề tư hà cùng.
~~[illegible]~~ Hoài nhân xứ, thương tâm hung.

Tiếng gà eo-óc suốt năm canh.
Bóng hoè phất phơ qua tám làng gạch.
Sầu trông mênh mông như bể, [Khắc] dài dặc như năm.
Gượng đốt hương, hồn lại rạp tan dưới ~~cây~~ ngọn trướng tàn.
Gượng soi gương, ~~[illegible]~~ nước mắt rơi trước. ~~[illegible]~~ tàn giọt ngọn đăng.
Gượng ~~[illegible]~~ ôm đàn cầm, ~~[illegible]~~ ngón tay sợ chạm ~~[illegible]~~ vào phím loan phượng.
Gượng ~~ôm~~ tay đàn sắt, trong khi gảy ~~[illegible]~~ thương nên ~~[illegible]~~ không nắn ~~[illegible]~~ bật dây uyên-ương.
Ví dầu mà nào gió xuân chịu truyền đi cho.
Thì ngàn vàng cũng ~~nào~~ sức ~~mà~~ để gửi đến núi Yên nhiên.
~~[illegible]~~ nhờ thư truyền đến Núi Yên nhiên
Nhớ Chàng ở chốn cao vút, đường đi như lên trời.
Trời xa, chưa dễ đi tới,
Nhớ chàng dằng-dặc, lòng nghĩ sao cùng
~~Ngẫm ngùi ngẫm cảnh mà lòng nghĩ xót lòng xót vạng~~ mà
~~thoảm~~ ~~Ng~~ Nhìn cảnh chiến trận trong nhớ chàng. thì lòng bụng ~~[illegible]~~ đau.

愁人處傷心胸
憶君悠悠兮思何窮
天遠未易通
憶君迢迢兮路如天
燕然未勘傳
千金借力寄燕然
此意憑風若肯傳
彊援瑟曲中愁邈鴛鴦絃
彊援琴指下驚鸞鳳柱
彊臨鏡玉筋墜淚花前
彊燃香花魂消梔桂下
愁似海刻如年
拂披槐陰度八磚
咿喔雞聲通五夜

Gà eo-óc gáy sương năm trống,
Hòe phất-phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc chờ dằng-dẵng như niên,
Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa. c: bằng
Hương gượng đốt, hồn đà mê-mải, c: tông
Gương gượng soi, lệ lại châu-chan. c: lệ
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
Non Yên dù chẳng tới miền, c: đến
Nhớ chàng thăm-thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm-thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau-đáu nào xong.
Cảnh buồn, người thiết-tha lòng,

---

230 a 拂, b ng 禱 ... — a 磚, b ... — ... a 桂 ... — 234 a 空 ... 傳 — ... — 235 a 援 ... 歆 ... 遏 ...
240. a 未, b 不 ... — 242 a ... 胸, b 懷 ... 兮 ...

Thụ-diệp thanh sương-lý,
Cung thanh tế vũ-trung
Sương phi tàn thụ dương-liễu,
Vũ sái tồn hà ngô-đồng.
Điểu phàn cao-thụ.
Lộ hạ đê-tùng.
Hậu viện dậu-trùng,
Viễn-tự mộ-chung.
Vật-xuất sơ thanh nguyệt
Du-liêu nhất viện phong
Trong tiệt chỉ-song xuyên trướng-khích,
Nguyệt di hoa-ảnh thướng liêm-lung.
Hoa-tiền nguyệt chiếu, nguyệt tự bạch.
Nguyệt-hạ hoa khai, hoa tự hồng
Nguyệt hoa hoa nguyệt hề ảnh trùng trùng.
Hoa-tiền nguyệt hạ hề tâm xung-xung.

\+ Lá cây xanh trong sương muối
Tiếng dế nhỏ tầng tiếng mưa...
Sương muối làm hại cây dương-liễu như tro vỏ,
Mưa làm mòn cây ngô đồng như cưa xẻ.
Chim trở về cây tùng cao
Sương móc rơi xuống bụi thấp.
Dưới tường vàng ~~đ...~~ trùng kêu,
Chùa xa đưa tiếng chuông vẳn xông.
Vài tiếng dế dưới trăng,
Gió lay tàu lá chuối ngoài viện.
Gió xé giấy che ~~cửa~~ sổ, thổi lọt vào khe trướng.
Trăng ~~đưa~~ bóng hoa ngược trên rèm.
Nguyệt chiếu trước hoa, nguyệt ~~bảng~~ ~~...~~ trắng.
Hoa nở dưới nguyệt, hoa thấy đỏ.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt bóng lồng lớp lớp.
Trước hoa dưới nguyệt lòng dười-dượi

花前月下兮心忡忡。
月花花月兮影重重。
月下花開花自紅。
花前月照月自白。
月移花影上簾櫳。
風裂紙窗穿帳隙。
芭蕉一院風。
蟋蟀數聲月。
遠寺曉鐘。
寒垣候虫。
露下低叢。
鳥返高樁。
雨鋸損兮梧桐。
霜斧殘兮楊柳。
蛩聲細雨中。
樹葉青霜裡。

251+2 Cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.
Sương như búa đẽo mòn gốc liễu
Mưa dường cưa xẻ héo cành ngô.
255+6 Chòm tuyết phủ, bụi chim gù
257+8 Sâu tường kêu vẳng, chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế, nguyệt soi trước gác.
260 Một tàng tiêu, gió lọt ngoài hiên.
Lá màn lay, ngọn gió xuyên.
255 Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm.
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
265 Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau.

243 a 樹…裡, b 柳梢 … 244 a 中 … 246 a 損 … 鎖 [illegible] 224. c: Trăng 涞 hoa bóng [illegible]

1. [illegible] 2. [illegible]

Thiên nan tẩu, vạn sự dung.
Lãn nữ-công, cảm trục ti hồ oanh ải ngữ.
Dung phụ-xảo, bản-châm tư thích điệp tiền trùng.
Dũng trang ~~sầu-niệm~~ đài-tấn không thi phấn.
Dung ngủ chung triều muộn ỷ song.
Ỷ song, ỷ song phục ỷ song.
Lang-quân khứ hề tằng vị dung.
Thùy vị dung hề tâm vị hoãn.
Lang-quân khứ hề cách trùng quan.
Hà thì Thiên-đế tôn, kình tạc khấp giang-chử?
Hà thì Hằng-nga phụ, cô-thê tọa Quảng-hàn.
Tạ sầu hề vị chẩm.
Khiển muộn hề vị xan.
Dục tương tửu chế sầu, sầu trọng tửu vô lực.
Dục tương hoa giải muộn, muộn áp hoa vô nhan.

Nghìn nỗi nhác, vạn sự lười.
Lười nữ-công, thoi gấm lẹn ~~giẹo~~ đưa gạt oanh tránh lời.
Lười phụ-xảo, kim sắt lặn châm thùa bướm dựa mái.
Lười trang điểm, má ~~...~~ hồng không xoa phấn.
Lười nói năng, suốt buổi mai ngồi tựa cửa sổ.
Tựa cửa, tựa cửa lại tựa cửa.
Chàng đi vắng rồi, ~~trang điểm~~ tàn dung với ai!
Làm dáng với ai ~~đâu~~? lòng thiếp vẫn buồn.
Chàng đi vắng rồi, cách mấy ải-quan.
Khác gì Chức-nữ, cả tối khóc bến sông Ngân.
Khác gì Hằng-nga, lạnh-lẽo ngồi ~~trong~~ Quảng hàn.
Tựa ~~đứt~~ sầu làm gối.
Đâu ~~buồn~~ làm cơm.
Muốn tày rượu chế sầu, sầu mạnh, rượu không sức chế.
Muốn tày hoa ~~giải~~ giải buồn, buồn nặng, hoa không sắc giải.

270 275 280

60 1 × 2 3 4 5 11 16 16 9 × 10 … × 4

欲將花解悶悶壓花無顏。

欲將酒制愁愁重酒無力。

煮悶兮為餐。

藉愁兮為枕。

何當姮娥婦淒涼坐廣寒。

何當天帝孫泠落泣江潸。

郎君去兮隔重關。

誰為容兮心盬桓。

郎君去兮誰為容。

倚窓復倚窓。

慵語終朝悶倚窓。

慵粧懲臙空施粉。

慵婦巧金針羞刺蝶雌雄。

情女工錦軸恥拈鴛對偶。

千般懶萬事慵。

B.C. 直睫 B.C. 訶 B.C. 3元, B.C. từ nơi mà 3

Biếng

Sinh hoạt biếng

260 Tin [illegible] kẻ muốn dặm nghìn nào,

268→9 261 [illegible] nữ công, phụ xảo [illegible] người. 悅懶 230

265 262 Biếng cầm kim, biếng đưa thoi, a,c 針

+269 263 Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.

270 263 Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,

264 Sớm lại chiều dõi dõi nương song.

265 Nương song luống ngẩn ngơ lòng,

266 Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?

267 Những trang-điểm tưởng người xa lại, c: phiền não

275 268 [illegible] rồi chàng người cõi Châu Vùng. cái bệnh a.c 江山

269 Khác chi à Chức, chị Hằng,

270 Bến Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòng. 240

271 Sầu ôm nặng, ai chồng làm gối, c: ôm 揞 ôm?

272 Buồn chứa đầy, ai thổi làm cơm. c: kia 渚

280 273 Rượu cùng hoa [illegible] giải buồn c: Mượn hoa mượn rượu; giải buồn

281 274 Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi. c: 梅 giòn

Đàn là buồn [illegible]

Sầu muôn tống vị sầu muộn nhộ.
Muộn sầu hoà tín cựu luyện thân.
Khi quỳnh-sanh hề vật nhẫn hương.
Bảo ngân-tranh hề vật nhẫn đàn.
Tri viễn-tai hề hành-lộ nan.
Niệm chinh-phu hề nùng-xác đản.
Quyện thanh đề sạc quan linh tệ,
Tiều cổ xao tàn dài-mại can.
Bát trang kiến tụy tình-hoài nhuyễn,
Ung giác khẩu ngụ tư vị toan.
Tư vị toan hề cảnh toan tân,
Toan tân đoan đích vị lương-nhân.
Vị lương nhân hề ~~sơn~~ thiếp tệ,
Vị lương-nhân hề ~~vơn~~ chích thiếp thân.

Sầu muộn dẫu bị sầu-muộn tầm lầu
Muộn sầu hoa ... cái khác chín ~~ngọn~~ dòng.
Thà gỗ sanh ngọc quỳnh mà không nên tiếng,
Ôm đàn tranh bạc mà không nỡ gảy.
Nghĩ chốn ai xa ~~muôn dặm những~~ đường đi khó.
Nhớ tê chinh-phu ~~muôn theo, những~~ (sao bị một mình m
Riêng chim quyên tầm rơi nước mắt chim khóc tình,
Trống trống ~~tùng phu~~ tàn nếo buồng gan mỏi-mệt.
Hình-hài mòn rũ, tiều-tụy không kể xiết.
Mới biết rằng mùi tư-vị là chua!

Mùi chua lại chua cay
Chua cay chính vì Chàng
Vì chàng, ~~mà~~ thiếp chảy hai hàng ~~nước mắt~~ lệ.
Vì chàng. ~~mà~~ thân thiếp lẻ-loi.
(phải)

274 ○ 276 278 × 279 280 291 282 284 285

始覺盼離滋味陂。
不騎憔悴形骸軟、
瞧鼓試殘帶憊阡。
鷂聲嚐落牒情淚、
念征夫兮寔懷單。
思遠塞兮行路難。
泡銀箏兮不忍彈。
試瓊笙兮不成嘗。
悶愁佗作九呆灘。
愁悶總爲愁悶誤、

滋味酸兮更辛酸。
辛咲誰的爲良人。
爲良人兮雙妾淚、
爲良人兮隻妾[illegible]。

瘦

284 276 Vó sanh ngọc mấy hồi không tiếng.
285 277 Ôm đàn tranh mấy phím rời tay.   b: 沐   a: 相 ...
278 Tót người hành dịch mấy nay   c: bảy
287 279 Dặm xa thăm mỏi, (tui dẫy tại hiu.   c: mong   rập / có là hiu vi
280 Lá quyên kết tâm với nước mắt,   啼   kêu
Trông liễu khua ... vít đường gan. 290   c: 捁   佔→捁 250
290 Vỗ vàng đổi khác dung nhan,
281 Thúi tê mới biết tân toan đường này.
Hèm chưa cay, tâm long mới to.
Chưa cay này há có vì ai?   chưa 閙失 / chưa 閙失
Vì chàng, lệ thiếp nhỏ đôi.
295 Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.

274 a 總, b 愁 — 275 a 化作, b 如下, ng 花下 — 278 a 離, b nguyên thể, sau chữa 根
281 a 殘, b 衆 — a 憊, b ng 潰 sau chữa 悶 — 284 a 更酸辛 b ng 亦辛 sau sửa 和辛

Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng
Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân.
Duy hữu mộng-hồn vô bất đáo,
Tầm quân dạ-dạ đáo giang tân.
Tầm quân hề Dương-đài lộ,
Hội quân hề Tương-thủy tân.
Kỳ đãi kỳ phiên hoan-hội ải
Vô phi nhất chẩm mộng-trung xuân.
Khủ thân phản hận bất như mộng,
Tương-thủy Chàng-quan dữ tử thân.
Mộng khư muội tang hình cánh đoạn
Lệ / Mộng hồi hưu ... huyễn phi chân.
Duy hữu thốn-tâm chân bất đoạn,
Vị-thường khoảnh-khắc thiếu li quân.
Tâm bất li quân, vị kiến quân.
Bằng cao kỳ độ vọng chinh-nhân.

Thân thiếp không đến bên trướng-trận Chàng.
Lệ thiếp không đến trên khăn-trận Chàng.
Chỉ có hồn trong mộng là ở đâu mà không đến.
Đêm đêm tới tìm Chàng ở trên bến sông.
Tìm Chàng trên đường Dương-đài.
Gặp Chàng trên bến Tương-giang.
Gửi được mấy phen gặp nhau mừng-rỡ,
Chung qua chỉ một giấc xuân trong mộng.
Thân này lại giận không được như trong mộng,
Cùng Chàng thân-mật ở sông Tương, ái Chàng.
Mộng tan rồi, từng giận đã giật mình cảm dứt mà
Mộng tới thì lại giật rằng chuyện suông chứ không thật.
Chỉ có tấc lòng là thật và không dứt
Chưa từng xa Chàng một lúc nào trong chốc lát.
Tuỳ (bốn) bề Lòng không rời Chàng, mà không thấy Chàng.
Nay tần đứng chỗ cao để ngóng bình xa trận của Chàng.

凭高幾度望征輪
心不離君未見君
未嘗頃刻少離君
惟有寸心真不若
夢舊又憶幻非關
夢去每惜驚臾真
隴承潼關與子新
此身反恨不如親
無非一機夢中夢
記得幾番徽曾春
曾君分湘水津處
尋君分陽臺路
尋君夜夜到江津
惟有夢魂無不到
妾淚不到君征巾
叜[illegible]不到君征恨

b C = 幽   b: [illegible]   度
B: 童

Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Hồn thiếp nào cách bức bên ~~nào~~ chân.
Bui còn trong mộng được gần. 景
[illegible] đến tường ơi qua lại tìm nơi.   c: đến
Tìm chẳng thấy trong tai với cũ,   thấy
Gặp chàng nơi bến [illegible] cô bến xưa.
Sum vầy mấy [illegible] tình cờ,
Chung qua liền gối một giờ mộng xuân.   a: 連, c: 連
Giận tình thần [illegible] chẳng bưng mắt,   c: không
Dưới gìn chàng bên Lũng thanh Quan.   爪 → 時 → 精
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.
Duy có một tấm lòng chàng đấy,   孟
Bởi theo chàng giờ khắc nào ~~khuây~~ nguôi.
Lòng theo, song chửa thấy người,   c: chẳng
Lên cao mấy lúc trông với bánh xe.

297 a 童 b 幽 — 299 a 慈, b ng 憲 sau chữa 惑 — 301 a 嘗, b 常

Vọng quân hà sở kiến,
Giang tân mãn bạch-tần.
Yên-thảo phi thanh-lũ,
Tần tang nhiễm lục-vân.
Vãn tại tình ấp ban phong-trần.
Lạc-nhật bình-sa ~~nhạn~~ nhất quân. / tộ

Vọng quân hà sở kiến,
Trụ-lộ đoản trường-đình
Vân-gian Ngô-thụ bích,
Thiên-tế Thục-sơn thanh.
Bảo tai hoa-mạch thử bán hoang thành
Vi-vũ giang-tân địch nhất thanh. / hồng

Vọng quân hà sở kiến,
Không sơn điệp tố đôi.

Ngóng chàng thấy gì đâu.
Bến sông đầy hoa tần trắng
Cỏ nước Yên ra tầy sợi xanh.
Dâu nước Tần trước nhuộm màu biếc
Vừng nam lãng-mạc bị chiều tàn dìm mưa.
Buổi mặt trời tắt, trên bãi cát phẳng, một đàn nhạn

Ngóng chàng thấy gì đâu.
Bên đường trạm, dài ngắn với đình dài.
Xem mây, cây nước Ngô biếc,
Tận trời, núi đất Thục xanh.
Tiếng vắc múa mù mọc tiếp mưa thành hoang.
Trời đem mưa phùn, trên bến kề sông, một tiếng địch thổi.

Ngóng chàng thấy gì đâu.
Núi vắng lạ lùng trắng đống.

305 + 306 307 + 308 (315) 309 310 311 312 (314) 313 314 315 316 317 318 (319)

望君何所見。
江邊滿白蘋。
燕草披青縷。
秦桑染綠雲。
南來井邑半風塵。
落日下沙雁一群。

a: 洲 Bc: 渡
b: 邊
Bc: 上

望君何所見、
驛路短長亭。
雲間吳樹碧、
天際蜀山青。
孔來禾黍半荒城。
微雨江樓笛一聲、

a: 驛 b: 官 Bc: 官
b: 樹 B: 暗
Bc b: [illegible] sau → 江

望君何所見、
空山葉做堆。

a: 崆 Bc: 空

312+3 305+306 Trông bến nam, bãi che mặt nước.
314,5 307+308 Cỏ ~~xanh~~ (mờ) um, dâu mướt màu xanh. b: sâm, liếc a: 青 b: 參
~~308~~ Nhà thôn gió sụt chòm chanh. c: Điếm (xóm) lùng [illegible] nửa 店+居 mấy xóm [illegible]
310 Một đoàn cò lố trước ghềnh chơi vơi. c [illegible] (ở tận chiều)
318,9 311+312 Trông (đường) ~~[illegible]~~ vơ, đôi chòm quán khách, [illegible] đôi
316,7 313+314 Rầy từng cây, xanh ngắt núi non. [illegible]
~~315~~ Lìa thành ~~hiu hắt~~, vẫn 惟忽 c: [illegible] tiếng
~~316~~ Khua thôi, ngọn địch véo-von tiếng tầu. c Mưa [illegible] nghe [illegible] xanh [illegible]
324,5 317+318 Non đồng thấy lá rừng chất đống.

---

308 a: 風, b: ng. chỗ, sau chữ 兵 — 309. a: 雁, b: c: 鷺 — 311. a: 驛, b: c: 官 — 312 a: 碧, b: 暗
317 a: 空, b: 崆

Bi phi thanh đã trĩ,
Phi vũ [illegible] mai.
Đông tinh [illegible] thảm sát khai,
Tây-phong phiêu [illegible] điều-thanh ai.
Vọng quân hà sở kiến,
Hà-thủy khúc như câu.
Trường không số điểm nhạn,
Viễn phố nhất qui châu.
Tây khí tùng thu liệp đoạn vu.
Hành-nhân vi một cách thương-châu.
Vọng tận thiên đầu [illegible] địa đầu,
Kỳ nhật đáng tâm hiệu hạ-tâu.
Đồng ~~Thiên~~ vân trở tận mông-lung thấm,
Hà xứ Ngọc-quan chinh-chiến sầu.

Hai trĩ đồng vụt bay
Hoa mai rụng như múa đầy sông
Lưng đông khói mờ, thâm-đạm, mù mịt trông không suốt
Gió tây thổi ngùn ~~ngụt~~ chín vạt, tiếng rền thương
Ngóng chẳng thấy gì đâu
Dòng sông cong như lưỡi câu
Trên trời xa, vài điểm nhạn bay đâu xa ~~trong~~
Ngoài bến khói, một chiếc thuyền đi về.
Lưng tây, rừng cây thu điệp liền với bãi cỏ rậm
Kẻ đi đường trông ~~như~~ mờ cách núi dun xanh.
Trông hết ~~chân~~ đầu trời đến cuối đất
Mây ngùn lên cao rồi xuống thấp
Mây ngừng lại ngùn hết tìm con mắt tương-tư
Chiến-địa tại Ngọc-quan là chốn nào?

330 335

318 + 320 ... 329 + 324 ... 3 + 6 ... 14 ... 14 ... 320

何處玉關征戰頻
深雲阻盡相思眼
幾日登樓又下樓
[illegible]盡天頭又地頭

行人徵沒隔蒼洲
西去松楸接斷蕪
遠浦一歸舟
長空數點雁
河水曲如銅
望君何所見

西風飄落鳥聲哀
東去烽烟慘不開
自舞鸞江梅
自飛雙野雉

c: 青 Bc: xx c: 滿 c: 憐 Bc: 滿 c: 酒 c: 西風 c: 孤雲 c: 泊 c: 滄 c: 更 c: 來 c: 集

326,7 3.9 + 20 [illegible] - soẹ, [illegible] c[illegible] [illegible] [illegible]. c: [illegible]
140 Khơi mù [illegible] [illegible] [illegible].
[illegible] Con chim [illegible] qua [illegible] [illegible] kêu [illegible]. sương
332,1 323 + 3.4 Lưng [illegible] thấy nước dường uốn khúc
332,3 325 + 6 Nhạn [illegible] không, sông [illegible] thuyền càu bầy c: [illegible] c: [illegible] → 號
[illegible] Nhạn [illegible] thông chen [illegible] chòm lau. c: cả
333 [illegible] Lạch [illegible] thăm - thoang người đâu đi về. c: thuyền
[illegible] Trông [illegible] từ chân trời mặt đất.
350 Lên xuống [illegible] [illegible] - [illegible] dợ phen. [illegible]
Lớp mây [illegible] mắt [illegible] [illegible], c: 枝 ngại khôn
[illegible] Biết đâu [illegible] cõi [illegible] miền [illegible] quan. c: Đâu [illegible] chinh chiến, Đâu miền Ngọc-quan.

---

318 c: 青, c: 雙 — 319 c: 滿, c: 憐 — 320 c: 烽烟, [illegible] — 321 c: 西風 [illegible] — c: 蒼 [illegible] — 32[illegible] [illegible] — 320 [illegible] c: 更

Hận vô Trường-phòng súc địa thuật.
Hận vô Tiên-tử trịch cân phù.
Hữu tâm thành hoá thạch,
Vô lệ khả đăng lâu.
Hồi thủ trướng đê dương-liễu sắc,
Hối giao phu-tế mịch phong hầu.
Bất tri ~~thiên~~ gia muôn lý ngoại
Quân tâm hữu tự thiếp-tâm phầu
Quân-tâm chung dữ thiếp tâm tự
Thiếp diệc ư quân ~~vô~~ hà oán vưu
Thiếp-tâm như hoa thường hướng dương
Chỉ phạ quân-tâm như lưu-quang.
Lưu-quang nhất khứ bất phục chiếu
Hoa vị lưu-quang hoàng hựu hoàng.

Giận không có thuật rút đất của Trường-phòng.
Giận không có bùa hoá chân nên cầu của Tiên-nữ.
Có lòng nhớ Chàng ~~mà~~ chực toan hoá đá,
Không còn nước mắt để lên lầu ngóng cho khuây.
Quay đầu lại phía đê dài nhìn sắc dương-liễu
Thiếp ân-năn đã khuyên chàng tìm cho được phong hầu
Không biết chàng lìa nhà ngoài nghìn dặm,
Tấm lòng có giống lòng thiếp chăng?
Nếu lòng Chàng ~~cũng~~ giống như lòng Thiếp.
Thì thiếp cũng không oán trách gì được Chàng.
Lòng thiếp như hoa (quỳ) quay về mặt trời luôn
Chỉ sợ lòng Chàng như bóng thoảng.
Bóng thoảng qua rồi không chiếu trở lại,
Vì bóng thoảng mà hoa héo vàng lại héo vàng.

340 ~~335~~ 341 ~~336~~ 350 ~~315~~

花爲流光黄又黄。
流光一去不復照。
只怕君心如流光。
妾心如花常向陽。

妾亦於君無怨尤。
君心倘與妾心似。
君心有似妾心不。
不識離家千里外。
悔教夫壻覓封侯。
回首長堤楊柳色。
無淚可登樓。
有心誠化石。
恨無倦子擲巾符。
恨無長房縮地術。

b: 樣(漾) 便 — b: 相 a: 何 b: 似 a: 無 — b: 回 b: 復

340 ~~330~~ Gẫy rút dài kia khôn xọc chước, — c: để a: 何 . 倚
Phấn gieo cầu nào được thấy (thế?) tin. — a: 休 c: thấy
335 Lòng này hoá đá cũng nên! 295
~~335~~ E không độ (đá) ngọc, mà tin Trọng Khâm.
Lúc ngảnh tại ngắm màu dương liễu,
345 Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong. — 侍.封
Chẳng hay muôn dặm ruổi giong,
340 Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chăng? — 樓 柳 300
~~340~~ Lòng vì ~~chàng~~ có cũng vững như trời, — c: chàng vì
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.
350 Hướng dương lòng thiếp như hoa, — như!
Lòng chàng lẩn thẩn, e tà bóng dương.
345 Bóng dương (để) hoa vàng chẳng đoái, 305
353 ~~345~~ (Hoa) Hoa vàng cũng tại bóng dương. — a: 拱 c: 拱 để tại

325 a: 濟 c: 擲東 334 a: 復, c: 回 — 335 a: 𢀨, c: 極

c: 符

~~Hoàng~~ Hoàng hoa [illegible] hướng thủy biên tiêu,
Lưu-quang [illegible] thường nhất hồi chiếu.
Hoàng-hoa ~~cánh~~ khiếp vị lưu-quang lão.
Hoàng-hoa lão hề tạc niên tường.
Hoa lạc nhất kim ~~[illegible]~~ tàng sướng — thành
Đình-lan hề dĩ tịch,
~~Hàng-[illegible]~~ / hề hựu phương. / giang-liên
nhất y hề [illegible].
Ngưỡng mục quan thiên-chương.
Hà thủy phiên quỳnh duệt.
~~[illegible]~~ / Triền sa tiện-tưng. / sâm
Triền-vân thì phảng-phất,
~~[illegible]~~ ~~Đẩu~~ / hốt dĩ ngang. — bình
Nguyệt chiếu lũ ngã sàng.
Phong xuy lễ ngã ~~[illegible]~~ song (~~soang~~ đọc soang)

Hoa vàng lại [illegible] vì [illegible] nào mà cười.
Bóng thoảng thoảng [illegible] từng chiếu rỡ lại một lần nữa.
Hoa vàng lại vì bóng thoảng mà già.
Hoa vàng già thì rụng đầy tường
Hoa vàng đến nay đã mấy năm.
Cây lan trước sân thì đã hái.
Rau [illegible] bờ sông thì lại thơm
[illegible] biết [illegible] nhau.
Ngửng mặt xem ~~[illegible]~~ thiên-văn:
Sông Ngân sáng rồi lại mờ.
Sao Khuê khi tiền khi tắt.
Mây lờ thờ phảng-phất luôn.
Chuôi ~~Sao~~ Bắc đẩu đang thấp bỗng đã lên cao
Trăng chiếu vào giường thiếp
Gió thổi vào trướng thiếp.

風吹兮我幌。
月照兮我床。
北斗忽低昂。
纖雲時彷彿。
奎躔作現藏。
河水翻明滅。
仰目觀天章。
攝衣步前堂。
紅蘇兮又芳。
廷蘭兮已藹。
花落如今更幾霜。
黃花老兮落滿牆。

黃花卻為流光老。
流光不肯一迴照。
黃花更向誰邊笑。

a. 花 … b→被 … b→經 BC: 更 … c: 紅 … BC: 蘇 … a: … đầu B … BC: 叠

357 350 Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
355 Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.
trông mấy Sâu — Chồi lan nọ trước sân đã nảy, 抹 c: nở 安
360 Ngọn tần kia vin bãi dưa hường. 紅蘋
Sửa xiêm dạo bước tiền-đường
355 Ngửa trông xem vẻ thiên-chương thêm phiền.
360 Bóng Ngân-hán khi mờ khi tỏ.
Độ Khuê triền buổi có buổi không.
365 Thức mây đòi lúc nhạt nồng.
366 349 Vẻ Sao Sâm đâu trời đông vừa đoái.(1) chưa rõ c: Trông

---

336. a: 黃花, b: 花黃 — a 边, b 家 — 337 a 回, b 迴 — sau 338 b có câu 流光不肯黃花照
338 a 卻為, b nguyên văn sau hai chữ 被 — 339 a 更, b 經 — 342 a 紅蘋, b 道蘇 … chú thích —作 紅藻 — 343 a 攝, b 躡躡 — b đảo 345+346 và 347+348 — 348 a 忽, b 柄
345 a 蘇, b 漸 — 346 a 奎, b 參 — a 現, b 見 — 350 a 牆, b 香

(1) C thêm 4 câu: Mặt trăng tỏ thường soi bên gối. Bóng mặt trời giường [illegible] cành ngô
Lay-lắt thay mây chiều [illegible]. Gió may hắt-hiu [illegible] [illegible].

~~365~~ Ngọc nhan tùy thân tiều.
370 Trượng-phu do tha-phương.
Trích vi hình dữ ảnh.
~~37~~ Kim vi sâm dữ thương.
Quân-biên vân ủng thanh-~~[illegible]~~ ky. / li
Thiếp-xứ đài sinh hưởng-diệp lang
37? Lang nội xuân-phong ~~[illegible]~~ tương yết / nhật
Khả liên ngộ tận lương-thời tiết.
~~37~~ Lương thời tiết, Diêu-hoàng Ngụy-tử giá đông-phong.
Lương thời tiết Chức-nữ Ngưu-lang hội minh-nguyệt.
Bạc-nhật vị kê tây-gia nương.
380 Kim-niên dĩ giá đông-lân ~~phụ~~ thiếu
Khả liên thố, thì nhất [illegible] không phòng.
~~38~~ Niên niên ngộ tận lương-thời tiết
Lương thời tiết là ~~[illegible]~~ hốt như thoa.

Mất ~~ngọc~~ hiện theo thân mà gầy.
370 Chàng vốn ở phương xa.
Xưa chàng với thiếp như hình với bóng.
~~37~~ Nay như sâm với thương.
Phía chàng thì mây kèm đưa chàng cỡi ngựa thanh-thiên
Phía thiếp thì rêu mọc trên sàn hành-lang hưởng-điệp.
37? Trong hàng-lang những ngày gió xuân thổi gần hết rồi.
Khá thương thay để lỡ hết ~~tốt~~ thời-tiết tốt.
~~37~~ Thời-tiết tốt là lúc hoa mẫu-đơn Diêu-hoàng, Ngụy-tử còn bén duyên với gió đông.
Thời-tiết tốt là lúc Chức-nữ và Ngưu-lang gặp nhau bên trăng sáng.
Ngày trước cô gái ở nhà bên tây chưa cài tóc,
380 Năm nay cô đã lấy người ở xóm bên đông.
Khá thương thay thân thiếp lương quả một phòng không
~~38~~ Năm này qua năm khác để lỡ hết thời-tiết tốt
Thời-tiết tốt kia thoảng chóng như thoi đưa,

372 353 375 340 352 363

良時節兮急如梭。

年年誤盡良時節。
可憐兔守一空房。
今年已嫁東鄰潮。
昨日末笄兩家娘。
良時節纖女牛郎會明月。
姚黄魏紫嫁東風良時節。
可憐誤盡良時節。
廊內春風月將歇。
妾處苔生鸚鵡廊。
君邊雲擁青衿騎。
今為參與商。
昔為形與影。
丈夫猶他方。
玉顏隨身剖。

Tết tuổi trẻ

369 362 Một năm một lạt mùi son phấn,
370 Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
365 Bây giờ nỡ để cách vời Sâm Thương
355 Chàng dong ngựa dặm trường mây phủ, suối
Thiếp giao hài lầu cũ rêu in. e: lối
375 Gió xuân ngày một vắng tin,
358 Khá thương lỡ hết mấy phen tương-tư.
377 Sầu nhớ khi cảnh Điều, đoá Ngụy. c: 情? c: mẫu
370 Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
378 Nọ thì ả Chức, chàng Ngâu,
380 Tới trăng thu lại bắc cầu qua sông. e: Đến
381 374 Thiết một kẻ, hồng không tương quế. e: thân
375 Thì tiết lành lầm lỡ đòi nau. 330
Thoa đầu ngày tháng ruổi mau

351. a: 身剖, b. 年別 — 358 a 誤, b 悞 — 362+363 a [illegible] b [illegible] 東家情 — 363 a 憐, b 怜
365 a 兮急, b 忽

nhìn thì thanh-xuân ~~[illegible]~~ dễ qua.
Huống phục thị: xuân-muộn vị tiêu, thu-hận tục.
Huống phục thị: hợp hoan cảnh thiểu, biệt-sầu đa.
Biệt sầu thu-hận lưỡng tương ma
Bồ-liễu thanh-thanh năng kỷ hà.
Không thán-tích, tằng tư-ta.
Chỉ khủng bạch đáo Văn-quân đầu, không thán-tích.
Chỉ khủng hoa đáo Phan-lang mấn, tằng tư-ta.
Thán-tích hà dĩ vi,
Nhan-sắc do ~~hồng~~ như nộn-hoa. | Hiếu
Tư-ta hà dĩ vi,
Quang-âm nhất trịch vô hồi qua.
Thán mệnh bạc. Tích niên hoa
Phân-phân thiếu-phụ kỷ thành bà
Hương-các trùng-hồi tồi tiêu-hoàn.
Hoa-lâu thượng kỷ quỉ hương-la

Ở trong đời người tuổi thanh-xuân qua dễ-dàng ~~tai~~.
Huống lại: buồn xuân chưa tan, hận thu nối.
Huống lại: vui họp đã ít, sầu chia nhiều.
Sầu chia và hận thu cả hai đều dây-vò thiếp,
Cây bồ, cây liễu xanh xanh ~~mất~~ ~~bao~~ được bao lâu!
Than-tiếc suông! Than-van hão!
Chỉ sợ đầu nàng Văn-quân bạc, ~~rồi~~ mà than tiếc suông.
Chỉ sợ tóc chàng Phan tím-tóm hoa râm, ~~rồi~~ rồi than-van h[ão]
Than-tiếc để làm chi;
Nhan sắc còn tươi như hoa non.
Than-van để làm chi?
Bóng câu đã ~~[illegible]~~ ~~qua~~ vượt khỏi; ~~[illegible]~~ mà không có cái "quai" mà ném để nó xoay trở lại.
Than mệnh bạc, tiếc tuổi xanh
~~Nàng ta~~ đầu như tơ đã thành trắng.
Trong gác hương ~~vẫn~~ nhớ khi ~~[illegible]~~ quấn kề nét ~~mặt~~ tươi cười
Trong lầu hoa vẫn ghi lúc thiếp cởi dải là thơm.

385 390

花樓尚記解香照。
香閣重開陪笑臉。
繡繡少婦幾成姿。
咨命薄惜年花。
四為光陰一鄉無旧戈。
咨嗟何以為。嬌
四為顏色狷紅如嫩花。
嘆惜何以為顏色緬
只恐花到潘郎鬢。淚咨嗟
只恐白到文君頭。空嘆惜
空嘆惜淚咨嗟。
蒲柳青青能幾何。
別愁秋恨兩相磨。
已復是合歡更少。別愁多。
已復是春問未消。秋恨續。
人世青春客易遍。

387 Người đời thấm-thoắt qua mùa xuân xanh.

385 Xuân thu để giận quanh ở đa,

Hợp-hoan đành muộn quá khi vui.

Oan sầu nhiều nỗi tơi bời,

389 386 Vóc bồ-liễu dễ ép-nài chiều xuân.

390 Kìa Văn-quân mỹ-miều thuở trước,

" 388 E đến khi đầu bạc mà thương.

391 Mặt hoa nọ ả Phan-Lang,

" {Đến khi mái tóc pha sương cũng ngừng.

392,3 385+386 Ngừng nhan-sắc đương chừng hoa nở,

394,5 387+388 Tiếc quang-âm lần-lữa gieo-qua.

Ngừng mệnh bạc, tiếc duyên hoa,

390 Gái tơ mấy chốc xẩy ra nạ-dòng.

Gái hường nọ mơ-mòng vẻ mặt,

Lửa hoa kia phảng-phất hơi hương

366 a 𧮴, b 容 C — b không có hai câu 372, 373 — 375 a 猶紅如, b 鮮 o 以 — 377 a 陰 b ng 景. Dân chưa 景 — a 遍, b 〜 — 388 a 谷 b 嗟 — 379 a 姿, b cũng thế, sau hết 暗 — 380 a 開, b 恢 — 381 a 笑 b 緣

Hàn thử bất tri chung phương dĩ,
Để ngã [illegible] thất [illegible].
Nhân [illegible], [illegible]!
[illegible] tri [illegible] quân tà.

Quân bất kiến song ngoại song uyên ương,
Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương.
Hựu bất kiến lương đống song yến tử,
Bạch đầu [illegible] quyến luyến
[illegible] vô tình;
Tỉ dực tương tùy quá nhất sinh.
Cung dã vô tri
Tình [illegible] bất tương vi.

Quân trời không cho người phương tiện
[illegible] này [illegible];
[illegible] tỏ, trắc trở, biết làm sao
~~Vì thiếp mà than, vì chàng mà than~~
Than cho thiếp, lại than cho chàng.

Chàng chẳng thấy đôi uyên ương ngoài nội
Vui một lòng không nỡ chia lìa nhau.
Lại chẳng thấy đôi én én trên rường nhà [illegible]
Bạc đầu lồn ở cùng nhau, không từng [illegible].
Chim kiêm là giống không tình
Còn chắp cánh mà bay theo nhau suốt cả đời
Giống cung kia là vật vô tri
Cũng nhiều chuyện đến già, không trái ý nhau.

410 392+393 | 390+391 | 388 389 | 405 397 98 | 395+396 | 400 393+383

蛩軀到老不相離。
蛩也無知。

比翼相憐過一生。
鶼也無情。

白首何曾忘繾綣。
又不見樑頭雙燕燕。

甘心不忍兩分張。
君不見野外雙鴛鴦。

為妾嗟兮為君嗟。
坎坷奈何。

底事到今成坎坷。
恨天不與人方便。

400+1 393+394 Trách trời sao để lỡ làng, c: [illegible]
402+3 395+396 Thiếp rầu thiếu rầu chàng chẳng quên.
397 Chẳng chẳng thấy chim uyên ở nội.
405 398 Cũng dập dìu chẳng vội lìa nương.
399 Chẳng [illegible] chim yến [illegible], c: [illegible]
400 Bạc đầu không nỡ đôi đường chia nhau. c: già [illegible]
410,1 Kìa loài sâu dọi dấu cũng sinh, c: 堪
401+402 Nọ loài ~~quyên~~ khiên chắp cánh cùng bay. a. c: [illegible]

---

384 b thêm 坎坷 ở đầu — a [illegible], b 知 — 385 a [illegible], b [illegible] — 389 a 繾綣, b [illegible]
390 a [illegible], b [illegible] — 392 a [illegible], b [illegible] — 393 a: 離, b [illegible]

Lô-thước tòng truyền Hán hải-từ.
Tri-kiến liên ... thử.
Phụ hồi hề hoa tàn cù-kì,
Bão la hề thố-ti.
Hà nhân sinh chi tương viễn?
Tư vật-loại chi như tử (độc ti)!
Yên đắc: tại thiên vi tỷ-dực điểu,
Tại địa vi liên-lý chi.
Ninh cam tử tương kiến,
Bất nhẫn sinh tương li.
Tuy nhiên tử tương kiến,
Hà như sinh tương tùy.
Yên đắc: quân vô biệt-nhật,
Nhiếp thường thiếu-niên.
Nguyện vi hình ảnh tùy quân-biên.

Đầu bạc trông, từng kể chuyện mọc liền thớ
Lan trong ao cũng có lúc nở liền đài.
Còn cù-kì mang con quyệt,
Cây thố-ti còn cây la.
Sao mà người sống lại xa nhau?
Than ôi! Loài vật còn như thế ấy!
Ước sao được: hoặc sinh lên trời thì làm chim liền cánh.
Hoặc ở dưới đất thì làm cành liền thớ.
Thà chịu chết mà gần nhau,
Không nỡ sống mà xa nhau.
Thà chết, thấy nhau;
Hà bằng sống theo nhau.
Xem sao được: Chúng không có lúc già
Nhiếp tử-tương mãi-mãi.
Hoặc làm bóng chúng đi theo bên cạnh anh.

chữ

願為影兮隨君邊。

妾常少年。恒 (c. 平時)

安得君無它日。(c: 先到君)

曷若生相隨。

雖然死相見。

下恐生相離。

寧甘死相眼(?)。

在地為連理枝。

安得在天為比翼鳥。

嗟哉類之如斯。

何人生之相遠。

花羅兮篭綠。

負蠻兮驢驢駐。

池蓮亦有竝頭時。

路椰冒溥連理處。

---

412 Liễu, sen là thức có cây quì,
413 Đôi hoa cùng dính, đôi cây cùng liền.
4.7 Ấy loài vật tình duyên còn thế,
416 Sao kiếp người nỡ để dày dày?
418 Thiếp xin: về kiếp sau này, c: muôn . duyên
Như chim liền cánh, như cây liền cành.
Đành muôn kiếp, chữ tình đã vậy, c: đó
414,3 Theo kiếp này, hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin: chàng chớ bạc đầu,
425 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.
Xin làm bóng theo cùng chàng vậy.

---

396 a 蠻. b 蠻 — 397 a 羅, b 莫

Quân hề cánh tố anh bất ngộ.
Quân ư quang kỹ thiếp ~~nữ~~ hữu nguyện.
Nguyện quân báo quốc tâm như đan.
Nguyện quân tí dân lực như thiết.
Cơ thời thôn hạ ~~Nguyệt~~ Nhục-chi đầu.
Khát thời ẩm hạ ~~Đa~~ Thiền-vu huyết
Hạ hạnh Kỳ-môn phùng-nhậm tráng.
Lão-thiên thuỳ ý hộ anh-hùng.
Hộ anh-hùng bách chiến công;
Trường khu tứ-mã tiến Quan-đông.
Quan-đông, Quan-bắc hàm truyền tiệp;
Tần tỷ, Yên đầu trở quải cung.
Nhiếp sắc tinh-kỳ tồ tái-nguyệt;
Khải ca tương sĩ bội biên-phong.
Lão ~~[illegible]~~ thư hề! Yên-nhiên thạch!
Hiến quắc hề! Vị-ương cung!

Chàng mà đi thì vững ở không ra.
Thiếp chỉ mong chàng ra chỗ có ánh sáng (để có tiếng).
Mong chàng đem tấm lòng thuần như son ra giúp nước
Mong chàng ra sức cứng như sắt để che dân.
Khi đói thì nuốt đầu (mọi) Nhục-chi
Khi khát thì uống huyết (thằng) Thiền-vu.
May sao trong trường gươm giáo ở cửa Kỳ-môn
Mà có ~~vừa~~ ông trời để ý (giúp) ~~che~~ chở kẻ anh-hùng.
Giúp kẻ anh-hùng lập công trong trăm trận.
Ruổi xe bốn ngựa thẳng tới Quan-đông và dẹp yên giặc
Ở cả chốn Quang-đông và Quan-bắc không phải tin tâu cảnh giặc nữa.
Ở Tần núi và Yên núi, sẵn treo cung.
~~Cờ~~ Tinh-kỳ rõ-ràng sắc chiến-thắng, gió bay từng cái.
Tướng-sĩ ca-hát bài khải-hoàn, quay gió ngựa ...
Khắc công vào đá Yên-nhiên.
Hiến thủ giặc ở cung Vị-ương.

430 431 440

獻馘兮未央宮。
勤功兮燕然石。
凱歌將士背遏風。
捷色旌旗辭塞月。
山尾山頭早掛弓。
關東關北休傳箭。
長驅駟馬靜關東。
蓋英雄百戰功。
乜天著意護英雄。
何幸期門鋒刃中。

渴來飲下單于血。
饑來吞下月氏頭。
願君庇民力如鐵。
願君許國心如丹。
君依光兮妾如願。
君有行兮影不遠。

Chàng đi đâu cũng [illegible] thiên sơn.
Chàng [illegible] nguyệt [illegible]
428 Mới về trung [illegible], [illegible] xin [illegible] trời.
Xông [illegible] [illegible] [illegible] ngạt-ngạt,
430 Lúc [illegible] [illegible] gang sắt [illegible] [illegible]. c: 鍊鐵 dường
Mau [illegible] quan; [illegible]
Ấy thì buổi uống, ấy thì [illegible] ăn. c: bởi
Khúc động bạc [illegible] [illegible] [illegible],
Lẫy [illegible] trời gìn [illegible] người [illegible] a. 乜 c. 拖
435 Giúp chàng [illegible] trận [illegible] công, c: 朽 a. 胡 挸
Trường [illegible] ải bắc, [illegible] cung non đoài.
Đông cỏ xi [illegible] [illegible] man-ai
440 Riêng phải ca [illegible] [illegible] Thiên [illegible].
Danh nơi thờ [illegible] [illegible]
442.3 Triều-thiên [illegible] [illegible] cung đời [illegible] công.

---

409 a 行, b [illegible] — 411 a 心, b [illegible] — a 日 b 丹 — [illegible]
415 a 期, b 斬 — a 鋒 [illegible] b 交 接 — 418 a 馬, b [illegible] 鐵 [illegible] b 詩
[illegible]

Vị-ương cung [illegible] Thiên-[illegible].
[illegible] Ngân-hà [illegible] cung-tiêu.
Tô-[illegible] sàm [illegible] [illegible] Hoàn [illegible],
Nhạc-phủ [illegible] ca [illegible] nhập Hán-dao.
Lăng-[illegible] [illegible] Tôi Bỉnh-Bảo,
Kỳ-lân đài [illegible] Hoắc Phiêu-Diêu.
Thiên [illegible], [illegible] [illegible] - [illegible].
Tử ân, [illegible] phong ~~[illegible]~~ lộ-tiêu. Tái

Hậu điều [illegible] thế nhật,
Hải [illegible] [illegible]-[illegible].
Thiếp phi Tô-gia ~~[illegible]~~ sĩ-tâm phụ,
Quân diệc [illegible]-dương [illegible] nam-nhi.
Qui lai thùng bội hoàng-kim ấn,
Khẳng học đường [illegible] [illegible] hạ ~~[illegible]~~ [illegible]. (đệ [illegible])
Nguyện vi quân [illegible] giải chinh-y,
Nguyện vi quân [illegible] [illegible]-[illegible].

~~Trong~~ Vào cung Vị-ương quay mặt vào chầu Vua.
Theo sông Ngân-hà xuống mà rẻ ~~[illegible]~~ cung-đạo.
~~Người [illegible]~~ Quan hàn-lâm soạn bài [illegible] [illegible]-[illegible].
Nhạc-phủ hát ~~[illegible]~~ để truyền [illegible] [illegible] Nhập-Hán
Tượng chúng được treo ở như tượng Bỉnh-Bảo treo ở cái Lăng-yên
như tượng Hoắc Tiêu-Diêu treo ở đài Kỳ-lân
Chúng được ơn khoản phong [illegible] mãi [illegible] với trời đất
Còn tưởng ơn sâu, vợ được phong phải lộ nâu cao.
Hôm nay đâu có đâu
Ngày sau [illegible]-[illegible].
[illegible] chẳng phải như người vợ [illegible] họ Tô
Chàng cũng ~~[illegible]~~ [illegible] với [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible]
Khi về, [illegible] [illegible] treo ấn vàng
Hết [illegible] lại [illegible] [illegible] Tô-phục [illegible] [illegible] [illegible] chịu [illegible]
[illegible] xuống [illegible] chàng.

425 426 427 (445) 428 429 430 431 432 (436)   435 436 437 ... 435 ... 440

子蔭妻封福祿標。
天長地久茅苴分。
麒麟臺兮霍嫖姚。
凌烟閣兮叅叔寶。
樂府歌傳入漢謠。
詞人刪下平淮頌。
挽銀河兮洗弓刀。
未央宮兮向天朝。

b:敵 a:賀 a:傳 a:臺 b:閣 b:福

願為君兮捧霞卮。
願為君兮解征衣。
肯學當年不下機。
歸來倘佩黃金印。
君亦洛陽如男兒。
妾非蘇家疑心婦。
得意兮來時。
有愁兮此日。

a:忍 a:怒 女 b:捧

---

426 Nước Hoàng Hán viết công vào sách,
445, 6 427 428 Khúc nhạc từ reo rắt dõng khen. c: 唱 hưng a: 咟噴, 嘖 呐嗒
429 Tài so Tần Hán vẹn tuyền.
430 Tên ghi gác khói, tượng truyền đài lân. c: phượng
444 431 Nền huân nghiệp đâu cân giai vệ, c: 塔 鍾, vời vẻ
431 Chữ đồng niên in thẻ ngàn đông.
450 432 Ơn ban trên ân, tử phong,
433 434 Hiển vinh thuở ấy cũng chung hưởng rồi. c: Hiển
435 Thiếp chàng đâu như người Tô phụ
Chàng hẳn không như lũ Lạc-dương chả, là ... chải
455 Khi về đeo ấn vàng, qua
438 Tiễn chồng vui viết giấy dâng tâu cao. c: 敢 ..., 玖, 紩, 吧
439 Xin vì chàng cắp vào, cởi giáp. c: 扱 摂 拾 衾. 拾: sửa
440 441 Xin vì chàng rửa tấm chồng sương.
458 440 Vì chàng tay chuốc chén vàng.

---

427 a 刪下卒惟頌 — b 再兮賀 ... 匡。 — 428 a 傳, b 兮傳 — 429 a 閣, b 臺 — 430 a
430 a 臺, b 閣 — 432 a 福, b 禄 — b ... 433, 434 — 435 a ..., b ... — 440 a 捧 ..., b 奉 ...

Vị quân sớ thượng vạn-hoàng-~~hỉ~~ hộ
Vị quân tung-kiếm ngọc ~~[illegible]~~ ~~[illegible]~~ lai. —— / Yên-
Thủ quân thiện đề cựu tỳ bạn,
Vị quân thiêm hệ cựu tình-thê.
Cựu tình-thể kỷ hoán tân-liên,
Ngữ 1 ~~[illegible]~~ tiền, thoại cựu kỷ liên-hồi tiền.
Triền miên lý mạn-mạn.
Đông sàng tỷ kim liên
~~Chẩm~~ ~~[illegible]~~ đặt chiết hộ Hồ-thanh tiến nhuỵ.
Xướng ~~[illegible]~~ xướng hồ Tú-tiêu thiên.
Nguyện chiến cửu-ổn, xướng song liên.
Dữ quân chính-đối cựu nhân-duyên.
Ước cầu thành song đáo lão-thiên.
Khuống kiêm công danh hi-hiệu ~~[illegible]~~ trái.
Tương liên, tương thủ thái-bình niên.

Nguyện cởi áo chiến cho chàng,
Nguyện nâng chén hả ~~[illegible]~~ mời chàng
Vì chàng, thiếp chải mái tóc mây,
Vì chàng, thiếp xức sáp màu ngọc.
Lấy để chàng xem thấy làm kỷ cũ,
Mà để chàng nghe lời tình cũ.
Đổi lời tình cũ ra câu mới,
Giảng chuyện cũ, kể chuyện mới trước chén rượu.
Tê-tê rót chén vời,
Liền-liền ~~[illegible]~~ ngân giọng thấp,
Rót thử khúc ~~[illegible]~~ rót ca Bồ-thanh,
Ngâm thử ~~[illegible]~~ ngâm thiên Tử-liệu.
Ước sao rót rượu cất chén liền, ngâm thơ mới ng. lời mà
Cùng chàng chỉnh-đốn cái nhân-duyên cũ,
Sống với nhau thành đôi cho đến ngày già.
Chớ bỏ những ngày vì công-danh mà chàng xa-cách.
Cùng thương nhau, cùng giữ nhau trong những năm thái-bình

相憐相守太平年
債了功名離別旺
交頸成雙到老天
與君登頓舊姻緣
賴酬九醞唱雙艇
唱[illegible]唱兮紫騮篇
酬[illegible]酬兮滿誠釀
依唱兮連連
淺酌兮慢慢
講新話舊兮酒盃前
舊情詞兮襖新聯
訴君聽兮舊情詞
收君看兮舊淚帛
烏君粧點玉臙脂
為君梳櫛雲鬟鬟

a: 櫛 b: 流
b: 鬢 c: 膺 [illegible]
a: 脂 [illegible]
c: 酌 b: 漫
b: 詩
[illegible]
[illegible]
[illegible]

466 442 [illegible] chàng điểm phấn [illegible] [illegible] nào [illegible],
[illegible] [illegible] lệ, chàng [illegible] [illegible] tấm,
đọc [illegible] sầu, chàng [illegible] [illegible] câu.
445 Câu vui đôi với [illegible] [illegible], c: câu
[illegible] vui cũng kể trước sau mọi lời. a: 盃 c: [illegible] khà
466 447+449 [illegible] rót với [illegible] đôi [illegible],
466 ~~448+450~~ [illegible] ca [illegible] [illegible] đôi [illegible].
469 (467) 451 [illegible] ngựa, đôi [illegible] [illegible] phen, 駐→連
470, 452+453 cùng chàng tạc kết [illegible] [illegible] [illegible] già.
454 Cho [illegible] lúc sầu xa cách [illegible]
473 455 Giữ-gìn [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] b: chữ [illegible]

441 a 鬟, b 鬢 — 443 a 收, b 取 — a 帛 b ng. [illegible] — 447, 451 a 酌, b [illegible] — a 慢, b 漫
449 a 酌, b [illegible] — a [illegible], b cùng [illegible] — 451, xem 447, — a 唱, b [illegible]唱 —
452 a: 滿, b 兮滿, mới [illegible] — 453 a 頸, b [illegible] sau [illegible] — 454 a 旺, b [illegible] —

Thái-bình niên, nguyện chỉ quan trí.
~~Khi~~ Nhược nhiên, thử biệt thiếp hà hận
Đương nội chủ hỷ, tiếu tương ngôn:
« Ta hồ trượng-phu đương như thị! »

Những năm thái-bình thì xin ~~thấy~~ yêu nết cái giá để mặt-trời lui.
Nếu được như vậy, thì cuộc li-biệt này thiếp khỏi làm.
~~thiếp sẽ gửi tới hẹn ngày gặp-gỡ~~ và nhắn chàng:
« Than ôi! Kẻ trượng-phu phải làm như thế! »
(Thiếp sẽ nhắn chàng tới thiếp nơi ~~[illegible]~~ lúc sẽ tấp-lập.

[illegible] 455 [illegible]

嗟乎丈夫當如是。
枉曾之期將寄言。
苦然此後妾何淚。
太平年願止戈矣。

c: 置 [illegible]

476 469 Nuôm nựa mong quí [illegible] tình i e. [illegible] chỉ a: [illegible]
477 470 [illegible] ương nầy ai [illegible] tai [illegible] trương-phu. 408

456 a: 願歲道, b: 願君止戈致 chữ 君 và 致 thêm sau) — 457 a. 後, b 別.
458 a: 相會相期相寄言, b 將會之期將寄言

Vần văn chữ Hán

Vần	Tờ bài
Ân	1
- At Iết, yết, ...ăn, Đất	10
Ao Iêu	18
Ô Âu U, [illegible]	26
- Uyệt, Iện, [illegible]	35
Inh, Anh	43
Ang Uông	47
- Úc Ôc, Ung	70
Ô, Âu U	86
- Aọ Iều	94
Oan An	108
Ôn, Uyên	116
I, Ê	130
Ung Ong Ông	136
Âm ~~Êm~~	142
Iêu Ao	148
Ôi Ai	154
I Uy	160
- Ô Ố	166
Ai	188
- Ải	192
Âu	196
- Ững	200
I	204
Ôu Iêu	218
Ông	241
Am	267
Âm	293
Inh Anh	311

Ôi Ai	317
Âu U	323
Ưng Ung	343
- Ôi Ao	347
Ương Ang	350
- Iêt	368
Oa A	376
Ương	397
- Iên	399
Inh	401
I, Uy	403
Iêm ~~Iêt~~	417
- Uyên Iết Uyết	420
Ung Âng Ông	426
Iêu, Ao	436
I, [illegible], Uy	444
Iên	450
- Í Ê	467-470

A 376-96
Ai 154-73, 188-91, 317-22
An 108-11, 267-84
Ang 47-69, 350-67
Anh 43-46, 311-16
Ao 18-25, 148-153, 436-43
- Ạc 71-107, 347-9
Át 10-17
Âu 1-9, 196-9, 293-310
Âu 26-34, 86-93, 323-42
- Ệ 467-70
I 130-35, 160-5, 204-17, 403-17, 444-55
- Í 467-70
Iêu 1-8-10, 94-19, 436-66
- Iệu 35-42, 399-400
- Iêt 10-17, 368-75, 420-25
Iêu 18-25, 148-153, 436-43
Iêu 71-107, 347-49
Inh 43-46, 311-16, 401-2
Ô 26-34, 86-93
- Ô 166-87
- Ôi 154-73
Ôn 116-17, 128-30
Ông 136-141, 241-66, 426-35
- Ông 200-3
× Ôi 154-73, 317-22
Oa 376-96
Oan 108-11
- Oát 10-14
Oang 366-76

- Oát 10-17
Ong 136-141, 426-35
U 26-34, 86-93, 323-42
- Ú 166-87
- Úc 70-85
Uyên 116-129
- Uyện 420-25
- Uyêt 10-17, 35-42, 420-25
Ung 70-85, 136-141, 426-35
Uy 444-455
Ương 47-69, 350-67, 397-98
Ưu 26-34
Ê 130-35
Âm 142-147
Uy 160-5
- Ảnh 192-5
Uy 403-430, 444-55

CHINH-PHỤ-NGÂM

Các bản đối-chiếu B, C, D, E, F, G

Chinh phụ ngâm (B)

Trời đất thuở gió bay bụi nổi,
Khách hồng-nhan nhiều nỗi truân ~~[illegible]~~ chuyên.
Kìa thăm-thẳm nhé Thương-tiên!
3 » Vậy ai gây-dựng nhân-duyên tố tang?
Vang tiếng trống chốn Tràng-an nguyệt,
Ngoài Cam-tuyền lửa khét rừng mây.
Chín lần gươm-việt trao (hồng) tay.
Nửa đêm cửa tướng hịch bay ầm ầm.

Ba trăm năm dưới trời [illegible]-trị,
Việc nhung-y nay kể vũ thần.
Sứ-tình sớm giục lên đàng,
Người đi sợ phép, xem thường biệt-li.
Lưng trẩy đi, cung tên mang nệ,
Ao phân tay, xem nhẹ tình duyên.

Chinh phụ ngâm (C)

Nổi g trời đất nổi cơn gió bụi.
Kẻ hồng-nhan nhiều nỗi gian-truân.
Kìa xanh thăm-thẳm mấy tầng!
3 » Duyên này ai khéo xây nên cho mình?
Trống trường-thành tiếng xuyên vầng nguyệt,
Khói Cam-tuyền bong ~~[illegible]~~ rừng mây. (Đ.T.)
Trao (chống) gươm chín đốt ra tay.
Nửa đêm truyền hịch giải ~~vây~~ dụng binh.

(Ba trăm năm thái-bình hữu tượng.
Có nhung trao sứ-tướng lệ đấp.
Của trời, ~~sớm~~ cờ sứ sớm bay,
Những chăm quốc-sự, dễ khuây khuê-tình.
Nghiêm [illegible] cung tên, [illegible] [illegible] [illegible];
Tới [illegible] con, tay xe phân-số.

B

[illegible] on cõ ra ải đeo phiền.
Trông cõi ông ông, ngựa bèn, gà nha.
Gián thiết tha một trời đời ngã.
Nỗi hợp tan buồn bã xiết lo.

Chàng hai mươi tuổi, của Ngô.
Gác nghề nghiên bút, dỡ đồ cung đao.
Lên thành đài ngưỡng trao bình thanh,
Lên tác gươm dẹp tình thiên kiêu.
Trượng phu mã cách quản bao,
Ra tay, non Thái dương gieo lông hồng.
Giã khuê phòng, xe chung giồng giả.[2]
Vọt gió kêu ca ngã Vị kiều.

Dòng cầu dưới nước trong veo
Bên duềnh cỏ mọc xanh rêu dùng đường.

Ải quan sầu dù là cõi. C
Ầm-ầm tiếng trống, oan rìa lệ gia.
Cái chia rồi, sầu đã thấm rồi;
Nỗi phân huề dở dở xiết bao.

Cửa Ngõ, Chàng cả dũng hào
Bút nghiên [illegible] cung đao tiếp tranh.
[illegible]
[illegible] thiên kiêu.
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]
[illegible]

1 nguyên: phông (có chữ)

3

28 Thiếp liền chàng chẳng cùng chốn ấy,
n Bắc sông riêng ngậy-ngụy xiết đâu. 牒. 30
Lên đường gần chẳng vang cầu.
Bởi dòng nước lại giàn dàn vang thuyền.
Nước xanh tợn chảy trong vặc vặc, 清
Chửa chút chìu rửa được lòng sầu. [illegible]
Cỏ thơm mướt-mượt ngạt màu,
Chửa phần nào lảng lo-âu dạ này.
Buy cầm tay, nói hoà chẳng dứt,
Bước dần dần riêng vận gót xiêm. 負
Lòng theo chàng tựa vòng thêm, (giống)
Lòng chàng muôn dặm dăm-dăm tích gần.
Chen gieo tan, Long-tuyền (thần) thoát múa,
Mũi giáo ngang thẳng trở Lang-quan,
Rằng theo ai dẹp Lâu-lan,
Man-khê miễn tới, sự bàn Phục-ba.

C

28 Nẻo phân-trình, [illegible]
n Lòng thiếp [illegible]
[illegible]
Thủy-trình tiến chàng [illegible] cho [illegible] [illegible]
Nước [illegible] dòng [illegible] gió [illegible] bờ [illegible].
Lòng thiếp [illegible] của [illegible].
[illegible] cỏ cỏ thơm nồng,
Ngẩm nhìn khói thế [illegible] lòng thiếp lo.
Cầm tay chàng [illegible],
[illegible] chàng [illegible]. 揉
Theo chàng, lòng thiếp [illegible],
Lòng chàng: muôn dặm [illegible] tới
Đất [illegible] mây [illegible]
Con giáo [illegible].
Theo người [illegible] xâm-lăng,
Trở Man-khê [illegible] chàng [illegible] ba.

B

Ác sau loà do luống màu vàng,
Cởi ngựa hiêu trắng rạng đường sương.
Nhạc [illegible] vang,
Chiêng [illegible], trống giọng tiếng đường ruổi mau.
Chiếu vào lâu mặt cùng nhìn mặt,
Đồng rồi vàng nổ giết đối phương.
Đối phương lữ chốn sa trường,
Đổi-hồi thuở đứng bên đường giã nhau.
Mát dần dần vắng trông hành-lộ,
Lá cờ bay lô-lô rợp đường.
Xe tiến tới-tiểu vác-nhương,
Ngựa sau, tày ở trường-đường cởi nhà.
Đoàn ngựa xa đưa ra ải tuyệt,
Đường tiểu hòa khôn biết lòng nầy.
Lạc-mai tiếng nhạn xa bay.
Về cờ mờ-mịt một ngày một khơi.

C

[illegible] chàng rằng [illegible]
[illegible] giết [illegible]
[illegible]
Nhạc [illegible], [illegible].
Chặt [illegible], [illegible],
[illegible] theo [illegible].
[illegible]:
Cờ bay [illegible]; [illegible].
Tới [illegible]
[illegible] kéo Trường-[illegible].
[illegible]-ra [illegible]
[illegible] chăng?
[illegible] sột-soạt [illegible] (?) [illegible].
[illegible] rân (!) ruổi mau.

B

Trông mây dời chàng cùng thiếp ý,
Trông mây về chàng để thiếp mong.
Chàng đi ngoài cõi mịt-mùng,
Thiếp về chốn cũ loan-phòng ủ-ê.
Nẻo ở, đi, mặt cùng trông đoái,
Đằng mây xanh cùng trái non Tương.
Chàng thì đoái thiếp Hàm dương.
Thiếp thì dõi dõi Tiêu-tương đoái chàng.
Bên Tiêu-tương mây hằng khói tỏa,
Cây Hàm-dương vòng ra ngất đầu.
Trông nhau mà chẳng thấy nhau,
Xanh xanh những thấy vòng dâu trên đường.
Đầu mây hằng có hay chăng nhỉ?
Lòng đây đây ai kể vắn dài?

蒼

C

Lần trông [illegible] mây sầu.
Chàng [illegible] [illegible] chiều.
Chàng [illegible] gió
Thiếp [illegible].
[illegible]
[illegible] xanh.
Cây Hàm-dương [illegible].
[illegible] Tiêu-tương [illegible].
[illegible] Hàm-dương
Cây Hàm-dương [illegible].
Cùng [illegible]
Kìa xanh xanh [illegible].
[illegible]
Tình chàng, lòng thiếp, [illegible].

1 = [illegible] 雲 [illegible] mịt

78
+ 79 ~~78, 79~~

B

Phong-sa [illegible] đấy cõi ngoài
Đêm nay nghỉ mát chốn ai đó [illegible] (AAB:→BAA:)
Quí xưa nay chiến trường [illegible]
Muôn dặm trời quạnh mái nhà thôn.
Gió hun mặt khách [illegible] oan,
Nước sâu, ngựa nản vó chồn thiết tha.
Chốn long-sa, người [illegible] gối lồng.
Kẻ muôn yên nhập đồng mộ [illegible].
Bạch-đằng nay [illegible] cuốn [illegible],
Mai Thanh-hải-khúc đã [illegible] mặt Hồ.
Đường quan [illegible] có, nọ Thanh-hải khúc,
Nhập hoa các, chen vóc non xanh.
Non xanh trước nọ rành-rành,
Quít thời lại nổi, kia dưới Thanh-khê.
Nẻo [illegible] khe, dấu rày [illegible] tuyệt,
Dưới suối thì nước xiết nuồng lòng.
Ít nhiều xót [illegible] lưng nhưng
Trông về đời-đời, cõng lòng nhớ thay.

C

Bờ [illegible] cõi ngoài Sa-lũng,
Nguyệt tỏ, chàng mấy lúc nghỉ-ngơi:
Xưa nay [illegible] đổi nơi,
Đồi không muôn dặm, đất phơi cửa nhà.
Cho lòng-long người [illegible] mặt dạn
Nước sâu sắc, ngựa [illegible] chồn. 號
Trường yên [illegible] bụi [illegible]
Trải khe, [illegible] này. 區
Bạch-đằng nay [illegible] tìm.
Thanh-hải mãi dặn-dặt Hồ [illegible]. 碑
Ải Hán thành cao thấp non [illegible],
[illegible] Hán thành [illegible].
Trên non xanh [illegible] tuyết rơi. 漢
Dưới suối [illegible] nước [illegible] lòng.
Mấy người [illegible] đặt [illegible] đâu?
Xót người [illegible] ấy mặt bằng chau mày.

Kẻ chinh-chiến xưa sao ~~[illegible]~~ nay có.
Tính-mệnh dường cây cỏ trọng chùa.
Sa-trường áo rộng ơn sâu.
Phút thương đồng bãi, lệ mau chồng già.
Mộ núi Kỳ trăng ta sóng giội,
Nấm sông Phì gió tại nơi nào.

B

Trên trướng gấm có hay chăng nhé!
Nỗi gian-nan, ai vẽ chinh-phu!
Sương chăng chồn trải mấy thu,
Biên-quan mốm đất, hải-ngu vén trời.
Điếm mưa rồi cùng thôn ~~mây~~ suan rước,
Chồn xà-khu, hổ tạc hai-hùng.
Gần xét nơi lạnh-lùng,
Về [illegible] in tuyết trắng, râu tòng gia trong.
Khúc mây tòng, dưng cao vòi-vọi,
Khiến tâm bao chăng nỗi sầu tây.
Tòng nam từ thuở phân tay,
Chàng nay đánh dẹp chàng nay đạo nào?
Người bầy nay quen vào gối bác,
Mình mình xem nào khác có tương.
Dưới động sục-sục hồi dương,
Ôn thâm bể thẳm, âm dương ập vòng
Lần trải trong khắc giờ [illegible]!
Giáo trùng vang, tiệt kể thiên niên.
Trăng mờ mờ chốn kỳ liên,
Gió hiu-hiu thổi mộ bên sông thì.

C

Trong cẩm-trướng có hay chăng nhé!
[illegible]
Giở khi [illegible] từ khu,
Tiêu-quan [illegible]-mọc, hải-[illegible] dấn-[illegible].
Kìa [illegible], [illegible],
Đã hổ-khu tục **hểm** xà-lâm.
Nằm sương ăn gió thét căm.
Đùi in tuyết ~~gối~~ lạnh, râu lấm gia ~~[illegible] tòng~~ trong. 冲[illegible]
Lên lầu cao xa trông mây sắc,
Dễ xui lòng thắc-mắc sầu riêng.
Tòng-nam từ thuở ~~cùng~~ dừng [illegible],
Tin chàng [illegible] [illegible] phương nào.

虎區, 蛇林
边[illegible]還

B

Gió [illegible] hồn tử sĩ,
Trăng [illegible] soi mặt kẻ chinh-phu.
Chinh phu [illegible] kẻ về đó,
Hồn người tử sĩ, ai hỗ vùng [illegible].
110 Kha xót thân [illegible] chốn ấy.
Anh khách nhân qua đấy [illegible] bạc?
Trong vẻ mày kẻ khát khao,
Ban [illegible] bạc [illegible]-giác mới về.
[illegible] ngựa [illegible] cởi [illegible],
115 Ba [illegible] một [illegible].
116+117 Có ngọn gió [illegible] trăng [illegible],
118+119 [illegible] khua [illegible], cần [illegible] thanh
120 Hội công-danh tắc vàng thác [illegible],
Kho-nhọc đành chẳng được [illegible] thời.

C

Gió [illegible] hồn [illegible]
Trăng soi [illegible] mặt [illegible]
[illegible] ai [illegible]
[illegible] [illegible]-quan, [illegible] thương.
110 [illegible] thành [illegible].
Hành nhân qua đấy [illegible] bạc.
Việc chinh-chiến [illegible].
Chung [illegible] tóc [illegible].
Chờ khi [illegible].
115 Chiêm [illegible] thuở, [illegible] cái [illegible] an.
Cho [illegible], có [illegible] cát.
[illegible] quan-dời, [illegible] phương.
Chàng [illegible] đang
Bởi thành [illegible] đất [illegible] tào. | [illegible]
120 [illegible] công-danh [illegible] nhọc
[illegible] nào [illegible].

B

[illegible] ai [illegible] tới,
[illegible] trời chừng ở, [illegible] nỗi nương song
[illegible] đã xong, [illegible] non [illegible],
Chàng lên trời, ta phải hỏi xem.
Trời xưa ca mà [illegible] ưa,
[illegible] nẫy mây nước tròng chờ vui an.
[illegible] chàng toan [illegible] chinh-phụ,
[illegible] chẳng nhà [illegible]-đời.
Tiếc chi năm vui xa-xôi,
Khiến người tài-ai sớm thôi tu [illegible].
Người chưa nhiều, dày phong tiêu khách,
Đầy trẻ-trung, muôn việc vừa quen.
Sao khăm đòi kẻ thiếu-niên,
Để riêng âm lạnh, dặm nghìn ai hay.

C

[illegible]
Chàng [illegible],
[illegible] chín [illegible]
[illegible]
[illegible] chàng [illegible].
[illegible].
[illegible] chinh-phu,
Chàng [illegible].
[illegible].
[illegible].
Mặt [illegible],
Một [illegible] chinh-phụ [illegible].
Trời xanh [illegible].
Hai [illegible].

B

Nhiều nhớ nhau chàng cũng thấy gì?
Tòa liễu nên chưa rẽ tiếng oanh,
Tới chàng bao lại hồi trình.
Chàng rằng phong độ quyến mình tới nhà.
Ngày ngày quen đã thuộc oanh quá,
Trước lâu mừng nọ lại hoà tiếng ri.
Nhớ chàng trong lúc ngày đi,
Buổi mai hoa chưa biết gì gió xuân.
Nhiệp nơi chàng độ về bao nả!
Trổ đào-hoa mừng rửa thấy hồng.
Ngày hoa đã quyện gió đông,
Mai sà trên nước lại cùng phù-dung.
Biển dần cùng chốn nào chờ đợi?
Ngăn Lũng-tây hẹn nơi biệt thay!

C

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] thẩm nhân [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Hoa [illegible]
[illegible] mai [illegible]
[illegible]
[illegible]

B

Nửa ngày chẳng thấy lại rày,
Là cây lộc-đắc trông đầy mũi giêm
Đứng trông xem hạt châu tuông ngậm,
Chín trời trưa sáng ậm [illegible].
Cùng nhau hẹn ở nơi đâu?
Âu ta cũng hẹn ở cầu Hàn đương.
Mặt trời vàng, vàng [illegible] chẳng [illegible],
Áo nhật [illegible] nâu-nâu cốc-phong.
nhận ngưỡng thuở đứng trông mong,
Nước triều vẫn tới dậy dòng Hàn [illegible].
Trước, qui chẳng xin mau trở lại,
Tui lại, mà người hay cởi không.
Cảnh chiều nơi rụng đường vòng,
Gió đưa rời-rạc [illegible] cũng [illegible] xanh.

C

[illegible] nửa ngày,
[illegible] đây cái trâm..
[illegible]
[illegible] buổi trưa.
[illegible] đời cũng ngại [illegible],
[illegible] lá.
[illegible] mặt hoa [illegible] ngắt.
[illegible]
Tui [illegible]
[illegible]
[illegible]
Hoa [illegible] đầy [illegible].

B

170 170

175 17

180 180

C

~~160~~

~~160~~ 烟、炷

~~165~~

165

~~170~~

~~170~~

娄

SPÉCIALITÉS - TIRANTY
Société Anonyme au Capital de 42.185.000 Frs
106, Boulevard Haussmann
25, Rue de la Pépinière
PARIS (8e)
Tél. EURope 36-2·

PARIS, le 12 MARS 1952

SERVICE DES MARCHANDISES
[illegible]

[illegible]

V/Ref.

M

Nous avons l'avantage de vous accuser réception du matériel désigné ci-dessous :

TYPE et MARQUE : [illegible] N° [illegible]

OBJECTIF : N°

ACCESSOIRES JOINTS :

Nous notons que ce matériel devra faire l'objet

[illegible]

à titre

Délai :

OBSERVATIONS PARTICULIÈRES

Le Chef de Service,

Nous vous rappelons qu'il est indispensable que tout votre courrier concernant cette remise de matériel fasse toujours l'objet de lettres séparées et ne figure en aucun cas sur des lettres de commandes ou traitant de questions générales.

Sao Bái. vụ Suy nghĩ
Đất Vui. giường ~~[illegible]~~ dưới đó
Ai Tui ~~[illegible]~~ – thôi nhé Ng~ xưa nay buồn cố.
Sao tuốt Khóa tui mà ~~[illegible]~~ biết Tui –

B

[illegible] lại [illegible] xanh [illegible] chân,
165 Trước [illegible] đình [illegible] ngân [illegible].
166 167 ~~[illegible]~~ [illegible], xưa đã [illegible],
Thu về, nay chiếc thuyền tàn người về.
169 Chon song the ~~[illegible]~~ tù tử vàng về,
» Ức ta tà bóng xế [illegible] hoa.
170 [illegible] chơi đà [illegible].
[illegible] trong [illegible] đã [illegible] sau.
Thân tình ai [illegible] tài [illegible],
[illegible] a.

[illegible] xoa.

C

~~160~~
~~160~~ 165 烟. 炷
[illegible]
~~165~~ 170
~~170~~
~~170~~ 175

B

Rêu lại [illegible] xanh xanh dọc chõn,

165 [illegible] [illegible]-đình ngẫn-ngận [illegible]. 170 [illegible] 170

166+167 [illegible] về, xưa đã [illegible] thầm,

Khi về, nay chửa thấy tăm người về.

169 Chõn song the tủ bé vang-vẻ,

" Ác tà tà bóng xe [illegible] hoa.

170 Bà tà thôi đã lại tà, 175

Hơn trong mười hẹn [illegible] đã chín sai.

[illegible] tình ai [illegible] tận tuyệt,

Đèn đuc [illegible] chạy viết đã ba.

Ngay chầy [illegible] tai thiết tha,

175 Hoang-hoa muốn dặm thậm là xót xoa. 180 180

Khi hoang-hoa qua [illegible] đầu co,

Ai tỏ kia khuc-phụ ai không?

C

Rêu xanh thôi lại rêu xanh,

165 [illegible]. 160

+ [illegible]. 165

+ [illegible].

166 [illegible].

[illegible].

[illegible]. 165

[illegible]. 170

170 [illegible].

[illegible].

[illegible].

[illegible]. 170

[illegible], 175

175 Hoang-[illegible].

[illegible],

[illegible].

[illegible] tuần
[illegible] xong. ~~185~~ 190
190 Chàng [illegible]
Mới [illegible]
[illegible] thiếp
[illegible] chàng [illegible]

B

Sao khuây được gối, ... lòng.
Sao khôn tâu ở, lạnh-lùng phòng thu.
Bọc dương dương, mẹ chăm tuổi-tác,
Mà con chàng, trứng nước trẻ-thơ.
Mẹ già ngồi cửa đứng chờ,
Con thơ ngồi chực sớm trưa bữa thường.
Nuôi mẹ chàng, thiếp khôn toan đền.
Dạy con chàng, thiếp phải làm cha.
Một mình nuôi dạy hai ta,
Nhớ chàng, lui thiếp, mau dù mấy phen.
Ngày đường tên, trước đã thoát khỏi,
Lại năm rày ban tới con đàn.
Thăm chàng tàu mưa vầy tân,
Ba vạ năm trai tai nàu bốn năm.
Thiếp âm-thầm tác lòng nào ...,
Trẻ tràn nghìn muôn vạn xiết bao.
Xin chàng, ước được tâm dao,
Trở vay tòng thuỷ ~~xuất ca~~ đoan-khao đôi Trần.

C

[illegible], [illegible] lòng.
[illegible] [illegible]-hồ.
[illegible] tâ bạc
[illegible] thơ trứng ... [illegible]
[illegible] nương cửa [illegible];
Mớm ~~[illegible]~~ [illegible] lũ-lít, [illegible].
[illegible], [illegible].
[illegible], [illegible] cha,
[illegible].
[illegible] thiếp, [illegible].

B

Mặt hoa vàng ở trong cung Hán

195 Đũa [illegible], ngày [illegible] ban thiếp xưa.

Cây ai rày được [illegible] đưa.

Vò cho [illegible] kể [illegible] chờ [illegible] nhau.

Gương bẫn-tâu mặt soi vặc vặc, 205

Cùng với chàng ngày trước soi chung.

200 Cây ai đưa được tới cung

195 Soi riêng bóng thiếp lạnh-lùng bên chăn.

Xưa chủ [illegible] phân [illegible] bạc,

203 197 Vốn ở tay ngày trước chàng ơi., 210

~~tay ai quin được đến rày nhi~~

~~Bánh nào gửi khách của nay bán rồi.~~ nhau

~~Trăm cái đầu trắng ngẫn~~ ngọc

[Bản cũ bỏ sót bốn câu]

C

[illegible] 195

195 [illegible]

190 [illegible]

[illegible]

Gương lan một bức ngày xưa,

[illegible] 200

200 [illegible]

Lo toan [illegible]

202 Đọc [illegible]

Cài [illegible] 205

[illegible]

[illegible]

B

Cây in suối được tới ~~nơi~~ [illegible]

Hạnh nào quê khách của [illegible] vân tiên.

Trước dời lần có tin [illegible] đoàn

Ray thưa thư mà lại thua tin.

Thấy nhàn rao tựa thi trường,

Mảng sương đưa lạnh thì mền may.

Tuổi gió tây cánh hồng chửi, tiện thuận.

Xót ~~[illegible]~~ cõi ngoài kẻ tẩn sương mưa.

Tuyết chăng ưa, lụa vàm triều hồi;

Mưa lạnh-lùng, nương đồ màn tang.

Biết bao rét lạnh tràn đường.

Cõi ngoài đường ấy, kha thương những người.

Chữ gấm bài, phong thôi lại mở;

Triện vàng gieo, lại ngỡ chẳng tin.

C

Năm xưa tin [illegible] cung [illegible]

Ray tin chàng thấy, [illegible] màu [illegible]

[illegible] tiếng thi [illegible] tài-tiên

Nghe sương [illegible] hừa nấp ro bông.

Cho thu mong gửi [illegible] hồng.

[illegible] lời xót kẻ lạnh-lùng tuyết mưa.

Tuyết lạnh [illegible], sương [illegible] ô-trong.

Mưa rét căm, [illegible] giường màn tang.

Hiu hiu rét lạnh đôi đường.

Ngoài trời xót kẻ cần [illegible] chàng ơi.

Chữ thêu gấm phong thôi thì mở;

Gửi [illegible] [illegible] [illegible] ngỡ [illegible].

塞蝶 攝 [illegible]

[illegible] khóa, [illegible] xiêu
Mành [illegible] [illegible] [illegible], biếng [illegible].
Ngày [illegible] [illegible] mấy [illegible] tiếng [illegible]
[illegible] ngọi chồng, [illegible] đến nay. [illegible]
[illegible] hai duyên [illegible] chàng hay,
Hộc sầu [illegible] [illegible] cũng cài không vời. [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] nửa [illegible]
sai [illegible] hồng [illegible] [illegible] đơn [illegible].

B

222 Ác vàng lặn kể mấy phen.
" 216 Thân thờ người ở trùng-hiên một mình.
223 Cỏng trăng thanh trải cao đêm suốt
" Chiếc gối hương tóc ~~tọt trêng [illegible]~~ sụt mái sầy. 雪.霽.律唱節
224 Chàng can chi ~~tràn~~ đắm cùng say. 匕.肘.
" Mặt hoa ~~[illegible]~~ tom-tom đường bay diện hồng. 溫.
225 Dại ngây cung nhác, dở không, 芼
" Thẩm mà ngỏ ngẩn, xem lòng đường say. 訂→說
Trên đầu đỉnh lòng, điểm [illegible] 頂吉篤
Lùng quân gùy-gọt, khôn hay giọng [illegible]. 實
228 Ngay đăm-đăm thẹn nồng duyên [illegible], 紅林郡
" Trông trời xiên chân bước đường xa.
229 Ngùi-ngùi xiết kể [illegible],
" Sức [illegible] lương nọ cuốn hoa lại buồn. 蒼葡→酒
230 Chanh tác mong, ngoài [illegible] mặt. 簷
" Ác đầu canh, thước vặt dài [illegible].
231 Trong xem, ngoài tưng [illegible] phiên, 簷
" Biết lòng, dìu có một [illegible] mà thôi.
Đèn rạng soi, viết đường chàng biết, 𤎜
Thiệp một lòng thắm-thiết nào người.
Phận này riêng kể [illegible],
235 Ngọn đèn hoa với vọng người [illegible] thương.

C

222 [illegible]
" [illegible]
223 [illegible], [illegible],
" Mái tóc [illegible] [illegible]. 濡揀美
[illegible] 飽
225 Cỏ [illegible] ngày
Đầu [illegible] gió, tóc mây rối-hút 纔律
Xiêm [illegible] đai lưng [illegible] ~~[illegible]~~ 渼→濃

Trời cao [illegible] thông-minh.

[illegible] cùng [illegible] [illegible]

250 [illegible] người, càng [illegible] tài,

Ngàn [illegible] thêm tiêu tâm long đau. 230

»

B

Suốt đìn trường tiếng gà cao.
Thêm bát chuyện ngang dọc bùng hoe. 暗.博
Tần tuôn tựa vẻ bề bề,
Khác giờ dằng-dằng kẻ về đường năm.
240 Triện tường trấn, tìm dăm guỗng tháp. 255
Dưới quế (trụ) đan hoa dập hồn mai. 桂(→娃)掐指
241 Ngàm gương loan, gương gợt hài
Để dùng gót (gợt) ngọc khôn nài thấy hoa. 蹋.尖 塔
242 Khúc tì bà, giọng âm ~~tìm-tìm~~, yểm yểm. 俺.厭
Tây nhồn-nhồn ~~cuộn~~ (dường) phím phượng loang. 260 鍾.挞
243 Cõi phiền, cung sắt gượng xoang, 空.腔
Khúc sầu dấy at uyển-uông phím đàn.
Bác niềm đau, gió dư con lả.
245 Chác ngàn vàng gửi nửi Yên nhiên.
Thỏ mà chưa khừng đưa Tuyên. 265
Nhớ chàng thăm-thẳm dặm nghìn đường mây. 岸.岸
Mây diễn thay, khôn thông tin-tức,
Xong nhớ chàng dặc-dặc nào khuây.
250 Nhớ người tưởng chanh niềm tay.

C

Nằm canh [illegible] gáy [illegible] 235 嗔.嗟
Tai [illegible] [illegible] [illegible] tai-đ[illegible] 世.害
238 + 239 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
\+ Nghĩ [illegible] [illegible] xót cùng ta.
240 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] tòa.
[illegible] sơi [illegible] [illegible], nhịn [illegible]. 240 汲污
Khúc [illegible] [illegible] [illegible] cột [illegible].
T[illegible] [illegible] [illegible] vào [illegible] [illegible]. 吐→紅
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
245 [illegible] [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible]. 嘴
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]. 245
[illegible] [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible].

B

251+252 Cây tường [illegible], [illegible] tiếng [illegible]. 霜・相 [illegible]
Rụng [illegible], [illegible] võ.
Cây ngô-đồng mưa nọ chẻ tan.
255+256 Chim tìm cội, móc sa ngàn,
257+258 [illegible] trường xa [illegible], [illegible] khoan [illegible].
[illegible], [illegible], [illegible],
[illegible], [illegible] phát [illegible].
[illegible], [illegible].
[illegible] hoa [illegible] thân [illegible] trên [illegible].
[illegible] hoa-đình, [illegible] dầu [illegible],
[illegible] dưới trăng, [illegible] mặt [illegible].
Bóng lồng hoa nguyệt trùng-[illegible],
[illegible] hoa dưới [illegible] tòng [illegible].

C

Ngọn cây lá điểm sương [illegible], 偷
~~[illegible] cao khôn [illegible] thông [illegible].~~
~~[illegible].~~
[illegible].
[illegible], [illegible],
[illegible], [illegible].
Đoái [illegible], [illegible] 松
[illegible] thấp [illegible] hạt [illegible] 汗? 散 露
(Hán-trùng [illegible]) [illegible].
[illegible] đăng [illegible] 猴
[illegible] 鄭 → 鄧
[illegible] ôi, đàn [illegible] tai. 珠
Chuỗi [illegible] cổ [illegible], [illegible] ngoài [illegible].
[illegible] song, [illegible],
[illegible], [illegible]. [illegible]
[illegible] hoa, [illegible] thân thâu,
[illegible] trăng, [illegible].
[illegible] hoa nguyệt [illegible] ta, 縋
[illegible], [illegible] nguyệt [illegible] xiêu.

[illegible] thể vẫn thân dài.

275 Nghĩ chàng [illegible] cõi người ai [illegible].

277 [illegible] ngỡ [illegible] cùng [illegible],

276 [illegible] khóc [illegible] lại.

[illegible] gởi vô nghĩ

[illegible] chút [illegible] nào [illegible].

280 [illegible] đỗi, [illegible]

281 Hoa gỗ [illegible] ít [illegible].

B

267 Gian [illegible] chiều thần ~~trời~~ tưởng đợi
» Buổi [illegible] ~~[illegible]~~ [illegible] tới cùng tay.

268 Riêng đã canh cuối kheo tàn.
? » Trên không, hồ ~~[illegible]~~ buổi uyên bày tua đôi
269 Bay riêng rời, dù thêu vóc khéo.
» Bướm song-song, ngại nào đưa kim ~~[illegible]~~.
270 Riêng trông mà tủi phận êm
Khâu ngày riêng thôt, trong rèm ngồi nương
Dù xem tường, lần nương cửa xế
Mặt, vầng ~~[illegible]~~ chăng, ai vẽ mây quang.
Mây ai vẽ luống vàng hoang.
275 Chàng-quan nào cách từ chàng trẩy đi.
276 Vì khác chi Khiên-tôn Chức-nữ,
» Bên Ngân-hà, đợt ~~[illegible]~~ nở thênh-thang.
277 Lạnh lùng ở ả Hằng-nga.
» Quảng-hàn, ngồi tựa song sa một mình.
Sầu chất thành, hồ nương ~~nương~~ đâu làm gối,
Lửa tương-tư, còn thổi lo tan.
280 Cỗi sầu, chẳng cũ mong toan,
? » Sầu càng nặng, một bài an, gượng cầm
281 Buồn, những lắm tẩy hoa mà côi,
» Buồn nặng hoa, hoa tủi dần dần.

C

267 Nghĩ càng [illegible] nỗi dặt-dìu
» [illegible]
Canh [illegible] đôi, [illegible] ~~[illegible]~~ cửi
[illegible] rồi cũ thêu.
270 [illegible] ~~[illegible]~~, [illegible]
Riêng cười, [illegible] ~~[illegible]~~ chiều [illegible].
[illegible]
[illegible] xa ~~[illegible]~~, [illegible] [illegible]

B

Lo xa [illegible] mối sầu
Cành hoa [illegible] xuôi nước sâu đành [illegible].
[illegible] chặp sanh, [illegible] vào trời chặp,
28[illegible]) Bấm ngân-tranh tay ấp trăng giang.
Gian-nan tưởng chốn ải làng.
Nghĩ [illegible] người chiến sĩ hành-trang thêm sầu.
Cuộc [illegible] sầu, khôn dứng hạt lệ,
Trông tiêu chang ~~[illegible]~~ hầu ai nằm gan.
290 Nàng nung vóc liễu hao tàn
Biết mùi tê-tái châu-chan đường này.
Chua cũng cay, xiết bao phong-vị.
Nỗi chua cay thật chỉ vì chàng.
Vì chàng dọt tủi hai hàng,
29[illegible] Vì chàng vòng lẻ phòng hương một mình.

C

284 [illegible]
28[illegible] [illegible]
[illegible]
[illegible] ?
[illegible]
284 [illegible]
291 [illegible]
292+293 [illegible]
[illegible]
295 [illegible]

B

Cật [illegible] chàng chính trường.
Tệ [illegible] chưa [illegible] chín cân.
Những [illegible] có tới gần,
[illegible] em đến qua đời [illegible] tìm chàng.
Họ trên đường [illegible] đi tìm [illegible].
Vừa gặp chàng ở [illegible].
Nhớ trong [illegible] hợp [illegible].
Tao [illegible] một [illegible] xưa.
Tưởng [illegible] chàng [illegible].
Cũng của Hàm, sông [illegible] vào.
[illegible]
~~Thấy~~ Giác thì lại nghĩ ~~đổ~~, nào ~~[illegible]~~ có tin.
Chín có tấc lòng riêng ~~bát-rát~~ bứt rứt,
Trong khắc-giờ chưa nhạt một lòng.
Nhờ mà chẳng thấy âm-dung,
Đợi ngày [illegible] trông mong xe [illegible].

C

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] vui
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

B

Nào [illegible] mông, chốn nào xem thấy?
[illegible] quan-[illegible] có thấy ngắt dầu. 茎 芒
Cỏ [illegible], dây [illegible] tận [illegible],
Nay lần [illegible] với cỏ [illegible] một chòm.
Nửa về nam, chinh [illegible] trần [illegible],
Một từ cò [illegible] tới [illegible]-sa.
[illegible] trông thấy những chi [illegible]?
~~Sơ-lệ~~ quan [illegible], rộp [illegible] được [illegible].
Chốn vân-~~[illegible]~~ gian mờ-mờ Ngô-thụ, [illegible] 閒 模
[illegible] trên mây tô-lộ thanh-cương. 青崗
Mưa [illegible] [illegible] bạc, cỏ hoang.
[illegible] im, một [illegible] dịch xoang [illegible] nồng. 淹
Nọ trông mông thấy gì [illegible] nhé?
Đá non không [illegible] dễ [illegible] [illegible].

C

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] 岸
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] dáng [illegible].
[illegible]
[illegible]

B

~~[illegible] bay nội quạnh cô [illegible].~~

~~330~~ Ai ra giồn mưa một m[illegible] bên sông. 330

Nẻo [illegible] đôi, gió [illegible] khói toả.

Chim lạc chung buồn vã hơi sương mây.

330 Lại trông [illegible] nhưng gì thay!

Đai sông gân khúc đường tây vòng cung.

Nhạn lạc-đạc trên không vu điền. 35

Duềnh khơi kia một tấm (phiến) qui chu.

thanh tay có tấm [illegible] ung-thư.

335 Mù mù bóng khách thương-châu chất đài.

336 Đất cũng này hợp trong ngang dọc,

339 Ấy chôn nào của Ngọc ruồi dong? 360

C

330+331 [illegible] , [illegible] - [illegible],

332+333 [illegible], [illegible] [illegible].

[illegible] [illegible] [illegible],

335 [illegible] - [illegible] [illegible].

338 [illegible] trời đất chiến-trường khôn cỗi. 325

[illegible] đài ai [illegible], chiến-trâu? 戰[illegible]

B

[chước]
Rút đường chàng tớ trướng-phòng, 許→訏 挨
Gieo khăn tại chàng tiền [nương] ông tinh-phủ. 勇→浪
Đỉnh Vọng-phu riêng lòng trên hiện,
Quanh thang mây dễ đến lầu cao.
[Thanh] Giăng trong đường tiền nơi nào, 卦
Ấn phong hầu, gặp khát khao nỗi gì.
Nẻo trẩy đi dặm nghìn cách rõ,
Biết lòng chàng có tựa thiếp chăng?
Vì mà lòng nhạc cân vùng.
Với chàng, thiếp khá gan rằng giận chê. 吒
Lòng hoa kia hởi dường hằng ngọng,
Xót lòng chàng dương vòng luân [illegible].
Lưu quang phút điểm bóng gương.
Lòng hoa khao khát mặt vàng vàng [illegible]

C

Hiềm chàng [illegible] phụ hoa,
[illegible] gieo khăn.
Lòng phỉ-thạch khôn vẫn [illegible], 匪石
[illegible] đâu một bước một [illegible].
Thân-thơ dặm điểm đường trường,
[illegible] tại [illegible]. 渴
[illegible] tiếp,
[illegible] lòng chàng giống [illegible] hay không?
Vì chàng lòng cũng [rồi] [illegible] 共同
Đã cam, há gan chút lòng [illegible]. 忤
Lòng [illegible] hoa [illegible],
Lệ lòng chàng [illegible]. 演→庚=c
[illegible]
[illegible] hoa [illegible] [ủa] [illegible]. 鴨→瀍

B

Hoa lại về chốn nào hơn hở?
355 Chốn hữu-quang mới nở [illegible] hoa quang.
356 Hữu-quang chẳng vị hoa vàng,
Hoa vàng tại vị hữu-quang mà qua.
Đóa tạo-hóa [illegible] tường [illegible] trời.
Tường hoa mấy kẻ được mây sương.
Trước sân, tan đã mấy vàng,
360 Bên sông tần tại điền hương ngạt-ngào.
[illegible] áo bào, tiền-đường thang [illegible].
Ngửng mặt coi nơi trước thiên chương.
361 Giữa mây về đất mở-mang,
362 Trời xuôi Bạc-đầu dọc ngang [illegible].
363 Bãi sông Ngân thoắt mờ, thoắt tỏ,
364 Đóa [illegible] dầm chợt có, chợt không.
365 Đài gương đơn trong trắng trong,
Hương tìm gió thổi vàn sông [illegible] mùi.

C

354 Hoa ơi, [illegible];
356 Vì hữu-quang, hoa thêm [illegible].
350 Hoa tan [illegible] quế [illegible] hoa,
Trải xuân hoa [illegible] là hữu-quang.
[illegible]
360 [illegible]
[illegible]
Ngửa trông xem [illegible].
[illegible] khi mờ khi tỏ;
Tạc [illegible] lục [illegible] quý không.
365 Cùng [illegible].
Chen ngôi [illegible].

Thương [illegible]

[illegible] Hồi,

[illegible] Hoạt,

B

Mặt ngùi ngùi nhiều năm xa cách.
376 Chàng trượng phu quê khách một mình.
Trước thì tam ảnh làm hình,
365 Làm thương, nay bóng ra tình cớ sao?
Chàng chốn nào ngựa lên mây ruổi,
Chốn thiếp ngồi rêu nổi thềm hoa.
375 Thềm hoa, xuân đã hầu qua.
Trước thời tiết ấy thật là xót xa.
377 Hẩy khi hoa, ấy luồng thời tiết
Rặp Điều hoàng. Vạy-khuyết gió đông. 鵜鴂
378 Thu sang thời tiết não nùng.
Nữ Ngưu họp tưởng trăng trong mù vẫy.
Buổi, ~~mới~~ mé tay dâu chưa quạt ngọc
380 Nay đã về hết tóc ~~đồng song~~ tàng đông.
Khá thương thỏ áp phong không,
Năm năm thời tiết phụ cùng trời xanh.
Thời tiết rành, đường lên thảm thoát,

C

369 [illegible]
370 [illegible]
[illegible] mường,
Khi nay [illegible]
[illegible]
[illegible]
375 [illegible]
Ngùi [illegible]
377 [illegible] 燈
R [illegible] 燈 篭 / tồng
[illegible]
[illegible] N [illegible]
[illegible] t [illegible]
380 [illegible]

392, 3

394-3

B

Người xanh xanh ủ mặt nên già.
  Hường chi xuân muộn chưa qua.
Mà hồn thu lại dát da, nỡ liền.
  Thuở hợp-hoan đã vui bui ít
  Mà sầu riêng nhốn xiết đường này.
    Hơn kia dầu nọ sánh bầy,
Liễu bồ-liễu mộng khăm rày được sao.
  Lường bao-hao, tiếc cung thân thể,
  Trách hồng nhan mặt nở như đào.
    Thể thân ấy bởi làm sao?
Bóng qua cửa sổ thuở nào lại qua.
  Tiếc tuổi hoa, cung thân [illegible] (đại niên)
  Ở thuyền-quyên mà [illegible] là
    Gác hương nhớ thuở cười hoa.
Lầu hồng thuở cõi [illegible] tới hồi

C

  Cánh con người [illegible] tuổi [illegible] qua.
    Hường [illegible]
[illegible]
  Nỗi sầu giận [illegible] tiếu [illegible]
  Bồ-liễu [illegible] được [illegible] xuân xanh.
    Tiếc [illegible]
Tuổi [illegible]
  Tiếc [illegible] hoa [illegible] tươi [illegible]
  [illegible] xoay.
    [illegible]
Tư qua [illegible]
  Gác thúy [illegible]
  [illegible]

4 08 + 40 [illegible]

B

Trời tiếc người chẳng cho phương tiện.
Nỗi gặp gềnh này đến đường này.
Nỗi gập ghềnh, thiếp sao hay?
Riêng thân ở thiếp, chung tây ở chàng
Kìa ai hung uyên song ngoại nội,
Cánh trải bay ngại nỗi lẻ loi.
Trên rường chim én lứa đôi,
Đã phô đầu bạc, chưa dời niềm đan.
Nọ vô tình những loài chích-chích.
Cánh liền nhau trích-tích chẳng dời.
Cùng [illegible] chung việt nơi cuối,
Sánh đưa trọn kiếp, mấy lời nửa đây.

C

Trời cao [illegible] người ta.
Xui phong [illegible]
[illegible] 385
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

412
411
41
42
42

B

~~405~~ ~~394~~ Tiểu truyện nay có nơi liên-ly. 4

413 ~~406~~ ~~395~~ Sen cũng thì nở nhụy đôi hoa.

416 ~~409~~ ~~398~~ Nhân-sinh sao nỡ cũng xa.

~~410~~ ~~399~~ Chim trong vật loại theo la đường kia.

~~400~~ thân ước gì chim trời liền cánh chuẩn [illegible]

Cùng đất kia cây sanh mọc liền. 44

420 ~~402~~ Thà cùng được thấy liêu-truyện.

Chẳng tham li-biệt ở miền trần-gian.

~~423~~ Đã nay toan liêu-truyện cùng thấy.

~~405~~ Cao bằng nơi trần-thế cùng nhau.

424+425 ~~417+418~~ Ước sao cũng tuổi chưa nhiều. 44

~~408~~ thân ~~[illegible]~~ (trình) tâm bóng dáp dìu ở chân. [illegible]

C

412+ ~~[illegible]~~ ~~[illegible]~~ [illegible]

416 ~~409~~ ~~[illegible]~~ [illegible]

~~410~~ ~~[illegible]~~ [illegible]

~~411~~ ~~400~~ [illegible] 395

414 ~~412~~ ~~401~~ [illegible] 46

42 ~~414~~ ~~[illegible]~~ [illegible]

42 ~~407~~ ~~408~~ [illegible]

[illegible]

B

Bông được gần, thuở chàng xa bước.
Chàng ý quang, thiếp được thỏa nguyền.
Chàng hứa quốc, thiếp lòng bền,
Chàng nhà ai tỏa, thiếp kìm sát danh
Rồi đã đánh Nùng - Đề đâu nọ,
Mai thiên-vu khát có làm trò-hè.
Hành cung dan-du của xe,
Lão-thiên hứa lại võ về nam-nhi.
Trời giúp uy trong trăm trận đánh.
Ngựa trường khu dẹp lĩnh Quan-đông
Tên truyền đồng bãi sạch không.
Thiên-sơn sớm thấy treo cung khắc giờ.
Cuốn ngọn cờ, gà trắng của ai,
Hát khải-ca nẻo trại sóc-phong.
Yến-sơn thề tạc đồng-dòng.
Dùng dâu Hiệt lợi chin trung Vĩ uống

C

[illegible]

B

Cung Vị-ương rỡ-ràng chiếu ngọc.
Quả mũi đồng muốn nước sông Ngân.
Bình Hoài tiếng sáng tử-nhân,
Ca không nhạc-phủ tiếng tàn Hán dao.
Tầng tháp cao, ráng-yên màu tỏ
Sách Ly-tần đạm vẽ Hoắc Điệu.
Khoán vàng ghi danh có mão,
Hương ~~đâng~~ rồi thế tử, phán bày triều đình.
Thiếp lại-linh ~~làm~~ đấu làm Tô nữ, 魂-兒
Chàng Lạc-dương cũng dự tài-~~nam~~ trai
Ấn vàng đeo thuở qui-lai.
~~Địch~~ Bất-hạ cổ chẳng học ai dâu ta.
Áo chinh-ta xin chàng may cối,
Chén rượu hà ~~[illegible]~~ qui đôi kinh đưa. đạt

C

Tôi Thiên [illegible], [illegible],
[illegible] sạch cung đao.
[illegible] Hán-đao,
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] tử [illegible]
[illegible]
Thiếp danh chẳng Tô-[illegible],
[illegible] cỗ-[illegible].
[illegible]
[illegible] chẳng [illegible], [illegible] Việt.
Áo [illegible]
[illegible] đổi [illegible].

B

Vì chàng tóc ~~tơ~~ mượt chải ~~tóc~~ thơm,
Vì chàng phấn ngọc sớm trưa điểm-đồi.
Lấy chàng ~~xem~~ ~~[illegible]~~ khăn xưa quện túi, 於清 [illegible]
Đưa cựu-tình dỗ-dơi chàng nghe.
Cựu-thì oanh với tân-đề,
Động bề mới cũ, giải bề tình say.
Chén bớt đầy lại châm vặp-vặp.
Thấp lên cao nối chặp ca oanh.
Nước ~~đưng~~ chuốc rượu ~~[illegible]~~ bồ thành, 渭
Ca trong Tiể-lưu(?) thì kềnh mây trên. [illegible]
Hát đồng-tiền, cùng châm cửu-thần, 酎
Lại cùng chàng kể thân duyên xưa.
Chỉ ~~[illegible]~~ đẹp ngoài già, nét ~~đôi~~ tơ, 指 歪 線
Công danh ~~ngày~~ bỗ thuở sinh sơ trót rồi. 時 球
Cùng dâu tay ở đời bình-thái,

C

Trên trang sân-[illegible] tùng-[illegible],
Thái [illegible] phúc [illegible], mây [illegible] phủ-phê.
Khăn cựu-lệ danh [illegible] chẳng ngừng, 襟
Tơ cựu-[illegible] [illegible] chẳng [illegible]. 塞
Tơ [illegible] kể mới đặt bày,
Ca dâng [illegible] ngọc, [illegible] đầy chén [illegible].
Tơ đỏ [illegible] nối nhân-[illegible] cũ 韃
Dưa ngà [illegible] [illegible] ~~[illegible]~~ ngoài [illegible]. 歪
Công danh [illegible] thuở [illegible],
Ngọc-[illegible] [illegible] [illegible], [illegible] [illegible].

B

Đời thái bình xin hãy chờ qua.

475 Vì đâu hẳn vậy thay là,

» Ấy trong li-biệt thiếp hoa cũng tươi.

Mừng người lời, thuở nào nâu-thấy: 493

477 «Thân trượng-phu đường ấy lập nên.»

C

Đời thái-bình [illegible]

475 Đương [illegible] sức.

[illegible] tài [illegible]:

477 «Trượng-phu đương ấy [illegible] mới [illegible].» 440

Chinh-phụ ngâm (I)

Trên trời dưới đất bụi bay,
Má hồng phận bạc đắng cay nhiều bề
3 Tối-vời kia ngõ hay chăng tá;*
» Ấy vì ai tạo-hoá nhân-duyên?
Tràng-~~thành~~ an trống ~~[illegible]~~ giục vang rền, [illegible]
5 Cam-tuyền mây vẩn, khói liền lửa hồng.
Thanh gươm chống bệ rồng rậy-rực, [illegible]
Hịch nửa đêm tức-khắc truyền ra.
Ba trăm năm vận thái-hòa,
Nhung-y từ ấy mặc ta vô thần.
10 Chốn thiên-môn lệnh quân sớm giống;
Kẻ hành-nhân phép trọng tình khinh.
Cung-tên mang-mũ ~~bên~~ đeo sau mình [illegible]
Nhất qua tay áo, giã tình thất gia.
Cờ phới-phới, buồn ra cửa ải,
15 Trống ầm-ầm, giận phải xa ~~quân~~ quê.
Trận vì nông-nổi phân-khê
Buồn vì khê-khoát lòng kia nhà vô.

Chàng hai mươi, cửa Ngô dòng lão 老
Xếp bút nghiên theo dấu đao-cung. [illegible]

D

20 [illegible]-thành [illegible] tìm [illegible],
Tin cần ba-khúc [illegible] với người.
Chi [illegible] qua [illegible] muôn [illegible].
Gieo [illegible]-[illegible] không [illegible] [illegible]. 45
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible]. 50
25 Gió đêm [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible].

[illegible] [illegible] Vị [illegible] [illegible] [illegible]:
[illegible] [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible],
28 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] người.
,, [illegible] người [illegible] [illegible]-[illegible] [illegible] đây. 55
29 Khi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible].
,, [illegible] [illegible] [illegible] vó ngựa [illegible] [illegible].
30 Khi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible],
,, [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
Xanh-xanh [illegible] [illegible] ngoài [illegible]-[illegible]. 60
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
Xanh-xanh [illegible] [illegible] [illegible],
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
35 Nói [illegible] rồi, ta không [illegible] khóc,
[illegible] [illegible] [illegible] một [illegible] [illegible] [illegible]. 70
[illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].

D

[illegible] thảo [illegible].
[illegible]
[illegible].
[illegible].
[illegible].
[illegible].
Ngựa [illegible] thành, [illegible].
Chàng [illegible] tiếng [illegible] quyết [illegible] người đi. 50 § 43
Một nhà một [illegible] tử-tế,
[illegible] phút [illegible] đã [illegible].
Đường chia từ đây mà thôi,
[illegible].
[illegible] cô [illegible],
52, 53 [illegible].
Ân cần, chàng đã ra thành,
[illegible] xót-xa.
Đường [illegible] chàng đã ra [illegible],
[illegible] im-rằng
Trông đi, chàng đã quá nương,
Trông về, thiếp cũng nhớ chàng như nhau.
Chàng đi đây [illegible] sương gió,
Thiếp về đây [illegible].
Đi về đôi ngả [illegible].
[illegible], nọ [illegible]

Bước Tiêu chàng Hàm-dương bến cũ.
Chàng cũng thẳng về bến Tiêu-tương.
Khói cao ~~ngất~~ khuất cõi Hàm-dương,
Cõi Hàm-dương cũng mấy trùng xa Tiêu-tương.
Trông nhau chẳng thấy nhau, người ơi.
Thấy xanh-xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu!
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai.
Nhớ từ thuở Lâm-thao tương-giao
Cái lòng thương chẳng ngỏ Tiêu-lang!
Xưa nay thương lấy làm tâm-giao.
Trời muôn dặm thẳng mà nhớ bao nhiêu.

Buồn canh dài cái chiếc-chăn,
Con ngủ đành ngủ đêm Tiêu biết rằng.
Nay Hàm đứng Lạnh-lùng thành cũ,
Mai Hồ đến Thành-hồ khác nào!
Đêm ngồi thành-hồ lặng cao.
Nỗi lòng bồi ai chẩm vắng mấy đêm.
Buồn vui ấy đâu cho hồn tuyệt,
Dưới khói chân gió nổi chim-di.
Khói Hương những lo những gì,
Một năm hai ấy đứng bờ ai thấy.

Trong mùi gầm vua hãy chừng nhớ!
Quan-nam kia ai về cho nữa.
90 Trông Thang những lời dỗ quân:
Chẳng thà ai vàng, thì miễn về khôi;
92,93 Nơi thôn điền, vài nơi khu-lạc, 9;
94,95 Trong ~~tuyệt~~ giỏ sương, tuyết bạc, gia cảm.
Lên cao thử bước xuống thăm,
Trông chừng trên-thu đăm-đăm tấc lòng.
Nẻo từ thuở đông-nam ra đây
Biết đông-nam chẳng thấy đạo nào 10
100 Xưa nay mấy kẻ bình-đao
Mệnh người như tờ lòng lau chẳng bằng.
102 Khi phong-nhận bồng-bềnh trường-nấy,
» Lúc gian bồng, mình tưởng ơn vua.
103 Thời trong thời-khắc u-u, 10,
» Ngang dừng mấy kẻ chinh-phu được toàn.
Trăng in mả Kỳ-sơn xế-xế,
105 Gió mồn sông Phì-thủy đìu hiu.
Đìu-hiu gió thổi hồn phiêu,
Trăng kia xế-xế tỏ miều chinh-nhân. 11
Miều chinh-nhân, truyền-thần mấy nổi.
Hồn kẻ phiêu, tiếng hỏi những ai.
110 Khá thương số-cõi chàng trai.
Hành-nhân qua đấy quan-hoài luống đau.

D

Xưa nay tuấy được vào mấy ~~[illegible]~~ [illegible]?
Khuê [illegible] về đến đài hoa [illegible].
Bừng chừng giọng-nước với [illegible],
11, Trên [illegible] ba thước, [illegible] ngồi một [illegible].
116,7 Chớ bay cờ, [illegible] [illegible] tại.
118,9 [illegible] mấy phen [illegible] lấy [illegible]-quyền.
120 Công-danh [illegible] [illegible].
Những là lao-khổ, chưa phen an-nhàn.
Lao [illegible], [illegible] cho đây,
Chàng lên trời, [illegible] song mây.
Song mây [illegible] ngày ấy,
127 [illegible] trời chẳng [illegible] thấy-nay [illegible].
Vốn bấy nay [illegible] tưởng [illegible],
Nhận ngày [illegible] [illegible] [illegible] khám.
Ai ngờ thân [illegible] [illegible] nam.
[illegible] chàng [illegible] [illegible] [illegible] trăng.
130 Chỉ [illegible] [illegible]-[illegible] [illegible],
[illegible] lòng [illegible] thân-[illegible] [illegible].
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
[illegible] thấy [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
135 Nghĩ [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible].
Nhớ [illegible] chàng [illegible]-[illegible] [illegible],
[illegible] [illegible] nghe [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible].

[illegible]

D

Hỏi chàng độ đến [illegible] [illegible],
Chàng [illegible] sang độ quyên đề.
Nay quyên đã đến [illegible] [illegible],
Trước lời thanh-[illegible] [illegible] [illegible].
Nhớ lời thuở cùng chàng tiễn-biệt,
Hoa tuyết-mai chưa biết đông-quân.
~~Chàng rằng: "Phượng đỏ sang xuân,~~
Hỏi chàng nào độ về quân?
Chàng rằng phượng đỏ sang xuân đào hồng.
Bông đào đã đông-phong quyến rồi?
Mai già thôi lại có phù-dung.
[— Chàng với thiếp đã xong [illegible] độc
[Bao đến tụ ra nước lũng-tây.
Chối-mừng đứng đã nửa ngày,
Bao nhiêu lá rụng cài đầy [illegible] [illegible].
Đứng đợi từng đêm-đêm đến ngọc,
Hai hàng-châu so-sánh chín [illegible].
Cũng ta có hẹn phải chưa?
Đường-biên [illegible] [illegible] [illegible] chỗ hẹn thầm.
Ngày đã hôm từng-tàn vẻng [illegible],
Gió tây-phong bay phấp ào ào.
Đừng chờ đất ngọc biên đảo
Hồn-giang đâu tới cũng giao nước chẳng

D

Đầu năm trước đã từng giục bói,
Đến năm nay lại vỗ tin dòng.
Bói rằng người chửa thấy dòng,
Hoa dương tả-hỏa mới-mùng [illegible] đen.
Rồi đêm lại vẫn đếm mấy lần.
Một chiều đi [illegible] quá [illegible] lo.
Năm xưa thu đã hẹn-hò;
Năm nay thu lại giục cho ngày về.
Thu về người chửa thấy về,
Tây-song thơ vẫn-vơ thời xế bóng tà.
Bóng tà lại bóng từ đời trước,
Mười nguyện theo chân lối suối ngọn!
Bính từ ngày mới biệt ra,
Đến nay tiền súng đã ba đúc rồi.
Chẳng hay kẻ diễn-khơi ải thắm,
Chẳng hay người muôn dặm hoàng-vân.
Hoàng-vân ai chẳng thảo-thân,
Chỉ hay ai chẳng phụ-nhân ở nhà.
Có thảo-thân nỡ xa lời gửi,
Có phu-nhân nỡ để phòng không.
Mẹ già đầu bạc như bông,
Con thơ thẻ-mỏ còn đương hài-đề.
Mẹ võ-võ đợi khi nương dâu.
Con ư-ơ [illegible] bầu [illegible].

D

Trời quê, phúc phận [illegible], (189)
189 [illegible] phải [illegible] che.
Một mình [illegible],
[illegible].
[illegible]
[illegible].
190 [illegible],
» [illegible].
191 [illegible],
» [illegible].
Chước nào [illegible],
[illegible].
Hàn-thôn [illegible],
195 Quê [illegible].
Cây ni ~~gửi~~ đấy gửi cho quân-tử,
Ngõ thôi [illegible] nhớ xưa sau.
Quãng này [illegible] Tần-[illegible],
Cũng thương [illegible] chung.
200 Cây ni đấy gửi cùng quân-tử,
Để biết cho [illegible] ở một mình.
202/3 Chi-ngâm [illegible] tình,
204/5 Cây [illegible] cho [illegible] tình [illegible].
206/7 Bao [illegible] chơi [illegible].
208/9 [illegible] gửi cho bạn để quê-[illegible]

D

Ngày xưa tin tức có đưa,
Rày tin đã vắng mà thư cũng không.
Thấy con nhạn tưởng phong thư lụa,
Sẵn chặp ngâm lại giờ chần bông.
Gió đưa khôn mượn sứ hồng,
Bên trời chạnh tủi mặt vùng tuyết ~~sương~~ mưa.
Tuyết giá nhỉ! rằng cửa trướng hổ;
Mưa lạnh thay! cửa thú màn lung.
Bời-bời gió lạnh sao đang,
Ngoài trời chốn ấy khá thương những người.
Thư chữ gấm phong thôi lại mở,
Bói tiền gieo nửa ngờ nửa tin.
Mấy hôm đứng sổ ngoài hiên,
Mấy đêm nguyệt, rủ tóc bên gối vàng.
Trâm lỏng-lẻo tóc hương rồng-buộc,
Xuân lôi-thôi, gầy-guộc mình ve.
Ngày chẳng <u>thất-thường</u> tin về,
Rèm tương <u>dầu-dãi</u> quyển thùy mặc ai.
Ngoài rèm bé thơ-ở bóng vàng,
Đầu cành trông thước vắng đem tin.
Trong rèm ngồi chực đèn thiêng,
Bao nhiêu tâm-sự phó đèn mặc hay.
Đèn dù hay, chẳng hay cũng chớ,
Thiếp nhớ chàng một nhớ mà thôi.

D

Nhớ những [illegible] gió [illegible],
Hoa đèn [illegible] [illegible] [illegible].
Giếng [illegible] [illegible] thâu sương,
[illegible] hỏi bày thấp-thoáng bên thềm.
[illegible] với [illegible] thêm.
Nhớ [illegible] một [illegible] xem nằm [illegible]
Giường [illegible], hoa [illegible] đã nhạc,
Giường soi gương đùa ngọc [illegible].
Tơ [illegible] thì nhìn toan rồi;
Nhưng toan quá sắt, lại thôi tới đây muộn
Lúc này, thế giải tìm cho xo.
Nghĩ rằng [illegible] đến thú yên-nhiên.
Yên-nhiên sống cũng [illegible]
Nhớ những chiều ấy đường lên [illegible] trời.
[illegible] chân đã [illegible] rồi,
Nhớ những đồi-dốc [illegible] cùng.
Chiều nhớ người cùng lòng [illegible],
Cây hương [illegible], [illegible] để [illegible]
[illegible] góc [illegible]
[illegible] thân, những [illegible] chia xa.
Để [illegible] thêm [illegible] nhớ.
Một [illegible] tử tế-tá gió [illegible]

D

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible],
[illegible] đưa hoa [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] hoa [illegible] [illegible] [illegible] [illegible],
[illegible] trăng [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]. 200
20? Trăng với hoa, trăng hoa lẫn bóng,
Trăng trùm hoa, bóng cùng dầu-dàu.
207 [illegible] [illegible] nghĩ [illegible] [illegible] [illegible],
" [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
208 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible], 201
" [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
209 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
" [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
210 Trăng giữ điểm, phấn se đợi [illegible],
Trăng nói năng tựa cửa [illegible] ngày. 270
Tựa cửa này, tựa cửa này!
Lòng-quân đứng đấy vẽ mây cho ai?
Của vì ai đời còn bối-rối,
275 Tưởng trông chừng cách đợi ai sông
276 Khác nào như khách Hà-đông 27?
" Mùa thu [illegible]-nhà khói sông Ngân-hà
277 Khác nào ở Hằng-nga về Nghệ,
" Cung Quảng-hàn vắng-vẻ đêm trường.
Lấy sầu làm gối mà nương,
Lấy sầu mà nấu [illegible] thường bữa [illegible]. 280

Sầu muộn riêng, riêng cũng ~~sao~~ ở lòng.
Buồn muôn lần, hoa cũng ủ màu.
Buồn thiu, tệ nữa buồn rầu,
Buồn đâu có thời ở dưới này.
Thư sinh quyến chẳng trông thấy trăng,
Chạc đến tránh lại tiếng chàng chàng.
Nhớ người vắn thanh hương tiếng.
Chinh người vương-vì, gánh-vững lẽ-lời.
Nguyễn
~~Trước~~ Khắc-Khoan nêu với ngọc,
Chẳng quên hiền, tiếng gìn Đại-thời.
Chàng từng chuyện-phận ngậm-ngùi,
Cho hay cảnh-đời những nỗi chua cay.
Mùi chua lại mùi cay ghê vui,
Chua cay nếm chuyện-cũ vì chàng.
Vì chàng lộ thiên đổi hàng,
Vì chàng thân thiện đến trường tà-lời.
Thân thiện chàng tự nhỉ chinh-chiến,
Để thiếp này nhìn thấy chinh-can.
Bởi chàng, cũng giấc mộng xuân,
Đêm đêm qua chiếu ~~trường~~ ngang tìm tin chàng.
Khi tìm chẳng thấy đường mây ~~[illegible]~~ mây.
Khi gặp chàng nhớ lấy Hà-tiên.
Tưởng xem được gặp mấy lần,
Đến khi thức rồi ~~trong~~ đêm xuân mơ màng.

D

Phận thân ấy chẳng bằng giấc mộng.
Được theo chàng [illegible] [illegible] non [illegible].
Giật đi, sợ đứng lại tan.
Giấc về tạc sợ chập-chờn sầu thêm.
Bụi lầy vẫn vương trên lông [illegible]-[illegible],
Trong đây phút giờ chẳng [illegible] [illegible] [illegible].
Chẳng [illegible] mà chẳng thấy chàng,
Lên lầu [illegible] [illegible] phảng-phất xa trông
312,3 Trông chàng, thấy [illegible] sông [illegible] [illegible].
314,5 [illegible] [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
Muôn năm mưa những [illegible]-[illegible],
Bãi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] cỏ.
318,9 Trông chàng, thấy [illegible]-đồ [illegible] [illegible].
320,1 Cây Ngô, mà [illegible] [illegible] [illegible]-[illegible].
[illegible] [illegible] trở lại nửa [illegible]-[illegible],
324,5 Trông chàng, thấy [illegible] phải [illegible] [illegible],
326,7
Thôi [illegible] ngắt [illegible] [illegible] [illegible].
Gió thu [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
330,1 Trông chàng thấy [illegible] [illegible] [illegible] [illegible],
332,3 [illegible] [illegible] [illegible], [illegible] [illegible] [illegible] [illegible].
Thông già, [illegible] cội rừng [illegible].
Người đi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] Thường

D

Trong đã khép kín phòng thơ thẩn
Chốn Kim-quan mở ngoại phương nào. » F
Quản mình chẳng tiếc nhiều nước.
+341 Bao thu được thấy, khi giao văn cầu.
Những duyên-vợ đồng hưu hai vần.
Trong đã vào cuộc mơn bốn đầu.
Buồi tiếng bỏ biếu dầu mẽ.
Thánh ai tìm hỏi phòng hải lam chi!
Ngoài nghĩ dặm đã lâu khắc đến.
Nàng Chàng đây, lòng thấp nẻo trông!
Ông, mình lòng thiêng mật lòng,
Thiếp thân cũng chẳng thành chồng làm chi.
Lòng thiệt vốn hoa quý hưởng nhật.
Lễ nàng chàng, khẩn-thiết lòng thương.
Bằng đường đã sẵn khôn vàng,
Hoa gửi phải lòng lại nàng gửi thơ.
Hoa đã vàng, lời ai nói nữa,
Bằng đường kiếp đã xa khôn tới ôi.
356 Trông theo chẳng dự hoa lại,
» Hoa vàng lại phải lòng trời, hoa gửi.
Hoa đã gửi rằng xa đây đây.
Hoa rụng năm đã vàng đường ngày.
Lâm gần mắt đã ai nương,
Tai nương đó ngày thơm lòng đầu tai.

Khi cấp xó [illegible] tàn bộ,
Ngồi [illegible] xa-xôi [illegible]
365, 366 Mấy [illegible], sông [illegible] xanh [illegible],
365, 4 Điều [illegible], rừng [illegible] Khuê-[illegible].
367 Buồng [illegible] trống [illegible] chậu [illegible]
Triền [illegible] nghe [illegible] khôi [illegible].
Như [illegible] một [illegible] một [illegible]
370 Trượng-phu sao [illegible] người xa-xôi?
Xin [illegible], chẳng đổi [illegible].
Nay [illegible] sao [illegible] thấm [illegible].
Lòng [illegible] Chàng.
[illegible] thương-điệp [illegible] thiếp nường.
375 Xuân [illegible], [illegible]
Khối-tiết [illegible] qua [illegible].
377 Khối-tiết [illegible], gió đông-[illegible].
" [illegible] Nữ-tử Diều-hoàng [illegible].
378 Khối-tiết [illegible] thấy [illegible].
" Bộ Nữ Ngọc [illegible] Hải-[illegible]-hà.
Xưa thì [illegible] ở [illegible],
380 Nay thì [illegible] đồng-gia [illegible] chồng.
Khi phong vàng, khi [illegible] vỡ,
[illegible] năm đợi [illegible] tiết [illegible]
Tiết [illegible] nhờ [illegible]
Phân-[illegible] xuân-[illegible] mà già.

90.

385 Chẳng hương ai giận sầu đủi-đổi.
Ít mối vui nhiều nỗi ~~chua~~ cay chua.
[[Giận kia, sầu nọ xoa-vô,
Xanh-xanh bồ-liễu được hồ bao-lâu.
389 Khi tưởng những âu-sầu thương-tiếc,
» Khi … một việc thở-than
392, 3 Tiếc kìa, hoa lấy làm nhan,
394,5 Than kìa, lại lấy bóng tàn làm qua.
392,3 Than vì nỗi đun-bã, hận bạc,
Tiếc vì hoa tuổi tác lần-la.
Gái hương nhớ nỗi cười hoa,
Sầu hoa nhớ nỗi buồng lạ sực hương.
400 Lần lần nhẽ hẹp đường ăn-ở.
Nỗi hoa hương này đã hang sâu.
Hang sâu khôn lẽ hiểu đâu,
Những câu than thiếp là câu than chàng.
Chàng chẳng thấy uyên-ương ngoài lã,
405 Giã một lòng kẻ nọ chia đôi.
Lại chẳng thấy đầu nối đồi yên,
Đầu bạc đầu cũng quyến chẳng lìa.
408, 10 Khiêm, cung, lu vật biết chi,
409, 11 Chúng thì liền cánh, giống thì theo đuôi.

[illegible] trong ao [illegible] đuổi thìa đầu. 400

D

Người ta sao nỡ xa nhau
Thử xem tạo-vật cỏ-mầu không thân.
Ước được làm chim liền đôi cánh,
419 Lại được làm liễu nghành như cây.
Nghĩ rằng được thấy là hay,
Những khi ~~[illegible]~~ thấy, tiếc chẳng vầy cùng ~~nhau~~.
424,5 Chàng với thiếp tuổi già còn giống,
426 Thiếp cũng xin làm bóng theo Chàng
Chàng đi thì bóng bên đường
Chàng đi chốn rừng, thiếp cũng muốn ~~[illegible]~~
Xin Chàng hãy lấy công việc nước, [illegible]
430 Xin mình Chàng nặng sức đảm-đương.
Đầu Nhục-chi, ấy của thường,
Máu Thuyền-vu, ấy làm thang quan ấy.
Mây mưa mong vẫn-xoay cảm-ứng,
Sống trời kia cũng chứng anh-hùng.
435 Chàng cho trăm trận nên công,
Rồi vang bốn phía Quan-đông vang lừng.
Quan-đông bấy thổi đồng tin-tức,
Thì vì đâu tức-khắc treo cung.
Rồng kia, cờ tiếp qua xong,
440 Gió kia tù rút, ca khúc về liền. *
Đã Yên-nhiên một thiên thơ khắc,
Cùng Vĩ-ứng mấy quân đem tâu

Vì sông cùng ấy [illegible] chầu.
Nước sông [illegible] sạch cùng tro

Bấy [illegible] đánh giá gái [illegible],
Hoài [illegible] thân để bằng-vàng kỳ-lân
Trở trời đất [illegible] gả-tạo,
[illegible] phải [illegible] dồi-dào.
Thiếp [illegible] Tô nào,
Mà chàng cũng [illegible] xác-xuông.
Đi về [illegible] vàng,
Có đâu [illegible] cho nên.
Xin vì Chàng [illegible].
Xin vì Chàng
Vì chàng chải tóc mượt-mà,
Vì chàng trang-điểm [illegible] da mỡ-màng.

Chinh-phụ-ngâm (E)

Bạch-vân-am họ Nguyễn soạn

(ở làng Trung-nghĩa, huyện Gia-lâm)

E

Âu vàng vững đặt giữa trời,
Chính trong lòng một, việc ngoài vẹn muôn. 戊
Ngự-đình bởi giận Miêu-ngoan, 虞廷 苗頑
Dương khơi hàn-cốc, cỏ lan Động-đình. 阳寒谷 洞庭
Dấy xe khiến tướng vu chinh, 于征
Trước đan giường ấn, ngoài thành cung tên.
Việt đồng chen tối bút nghiên.
Gần vâng tiếng ngọc, xa truyền thư rao. [illegible]
Dưới mây phất-phới ngọn đào,
Non gầm sóng giận, bể giao gió [illegible]. 激
Công-danh mừng đã phải thì, 時
Giám đâu để nỗi phong-vi bận lòng. 幃
Thuyền-quyên may gặp anh-hùng,
Tảo-tần phận gái, tang-bồng chí trai.
~~Xa khơi muôn dặm cõi ngoài~~

(~~[illegible]~~)(F)

F

Long phi [illegible] ngôi trời,
Sửa trong chính-giáo, dẹp ngoài để-phong. [illegible]
Dấy xe nay việc đông-nhung
Cỗ về sấm động, hịch tung sao truyền.
Trượng-phu nắng-nổ cung tên,
Chăm bề quốc-sự, gác bên khuê-tình.
Vì kiêu quyết trở đăng trình,
Nước xanh tùi-lòng, cỏ xanh rầu-rầu. [illegible]
Tiễn đưa treo mối quanh cầu,
Con thuyền nặng chở, vó câu nhẹ vờn. [illegible]
Cẩm-bào đậm-đột ni non, [illegible]
Gót vàng còn vận, chân son nở tìa.

E

Trong khi muôn dặm cõi ngoài,
Bình-ninh hai chữ làm lời tiễn nhau. 平寧
~~Ngập~~-ngừng bẻ quế tơ cầu, 渭橋 (改?)
Lệ đầy chén nghĩa, sầu trao gánh tình.
Tiếng xe sớm ~~[illegible]~~ xuôi trường-đình,
buông — Ngựa ~~[illegible]~~ đường thẳng, thuyền thênh khúc cồn. 長亭
Người Cung-Kế, khách Trường-an,
Lâm-kỳ có kẻ từng còn đoạn-trường. 臨岐
Ngậm ngùi bể khơi, ngàn sương,
Gót hoa ngần-ngại bên đường thất-thơ. 失路
Nỗi mình ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ,
Tiếng tiêu vẳng-vẳng, bóng cờ xa-xa.
Vọng-phu non thẳm, nguyệt tà,
Cỏ bay man-mác, sương sa lạnh-lùng.
Cách gang xẩy đã mấy trùng,
Bâng-khuâng người lại, ngại-ngùng kẻ đi.

F

Ông công-danh, quyết chí [illegible],
Lâu-lan trừa hỏi, Hán-chế tiêu dùng.
Long-tuyền một cán vẫy vùng,
Ngựa ô mấy quện, áo hồng sương xuyên.
Tấc gang xẩy phút dặm ngàn,
Bên đường ngại [illegible] vàng miền xót-xa. 4/4
Lá cờ trông đã xa-xa,
Nào là Tế-liễu, nào là Trường-dương.
~~[illegible]~~ Dìu-dầu ngọn khói, cánh sương,
Liêu-dương có thấu đoạn-trường này không?
Kẻ đi mưa gió rét-mướt,
Kẻ về chiếc chiếu tịch-liêu phòng không.
Tấc niềm vò-võ đôi phương,
Hán-dương chàng ngóng, Tiêu-tương thiếp ngừng.

F

Tuy chàng tấn-tới ~~[illegible]~~ giang khê,
Bình-sinh chí đã nặng thề công-danh.
Trượng-phu gan sắt lòng đanh,
Lô-giang dầu nắng, Sái-thành dầu sương. 泸江 蔡城
Gót đầu cơm áo nhà vương,
Cần-lao quản trẻ phận thường tôi-ơn.
Sải nao phí chí bằng [illegible], 垂光, 鵬鯤
Ngũ-hồ một chén, ba non nửa vùng.
Tá chí cáo nỗi hầu vùng,
Quyết trông ba sắt, cầm-giường non [illegible]. [illegible]
Song khi trông [illegible] [illegible], chúng [illegible].
Nào ngờ [illegible] gồm, nên [illegible] lời [illegible] [illegible]. [illegible]
Chuông [illegible], nhạc ngựa [illegible]-[illegible], [illegible]
Khi ngồi cỗ sói, khi nằm tổ sâu. (古[illegible], [illegible])

Tiêu-tương chơi tỏ nghìn trùng, F
Hàm-dương cây cũng ngất chừng thăm sâu.
Xanh-xanh nọ [illegible] ngàn dâu, [illegible]
Nỗi chàng nỗi thiếp ~~đ~~tong dầu nhường bao. [illegible]
Lời ngoài [illegible] diễn ân-hào, [illegible]
Nước non chiếu biết chốn nào ngụ-mương
Xưa nay ở áng chiến-trường,
Đã đành gối bạc, nằm sương dãi dầu.
Ít nhiều cơm ốm, nước bầu,
Trang chinh-phu ấy, ai hầu vẽ nên.
Lạch chừng chương-vụ, lam-[illegible], [illegible]
[illegible]en đường ngoại kẻ vắng miền biết sao.
Đong lay tê trơ ngọn đao,
Kuơi giong chưa biết [illegible] [illegible] tiêu công.

E

[illegible],
Nhất [illegible].
[illegible],
Gió đưa đi [illegible], trăng đợi [illegible].
Hồ [illegible] bạc [illegible],
Chẳng [illegible], chẳng phen Ả Hằng. (番)
Xưa nay [illegible],
[illegible], gió [illegible]. 於
[illegible] trở [illegible],
[illegible].
[illegible] (tao) [illegible].
[illegible].
[illegible] tiết-[illegible].
[illegible]. 暮
Xiết [illegible],
[illegible] ít người [illegible].

F

Xưa nay mấy kẻ anh hùng,
Mũi tên hòn đạn, đột-xông [illegible].
Bút nghiên đổi lấy cung đao,
Thuở vào ai Ngọc, chàng Siêu đã già.
[illegible] cờ trên ngàn xông-pha,
Nơi Chàng, nơi [illegible] ai hỏa [illegible] to.
Viên đình [illegible] vò-võ,
Chẳng sao tới tới kinh-đô cho quen?
Ngàn thay cũng vạn [illegible],
Quan [illegible] nỡ để năm [illegible] ba [illegible].
[illegible] ra, [illegible] chưa [illegible] oanh,
Tiếng quyên [illegible] năm [illegible] đó về.
[illegible] đã [illegible],
Ngày [illegible] anh-ơi, cái [illegible].

E

Quân-thần [illegible] chinh-phu.
[illegible] ngẫng mắt nguyệt thu [illegible].
Cùng [illegible], [illegible].
[illegible] [illegible] máy [illegible].
Chinh [illegible],
[illegible].
Có khi [illegible],
[illegible] dẫn-ương.
Còn [illegible] sốt, đàn [illegible],
Bây-giờ [illegible].
[illegible] thời [illegible],
[illegible].
Còn [illegible],
Bây giờ [illegible].

F

Thuở ra, mai chưa chan sương,
Hỏi kỳ, rằng hạn độ sung đào hồng.
Lúc ngờ đào đã tàn bông,
Mai già, thoắt đã [illegible] lại vừa.
Lũng-sầm khi đợi ban trưa,
~~Lời~~ bể thôn vàng, [illegible] gió chim kêu.
Hán-dương khi đợi [illegible] chiều,
Hàn giang nước đã, cửa [illegible] nơi pha.
Thân-thờ [illegible] ngày qua,
Lương-nhân vàng đây ai là kẻ hay.
Chỉ-ngân, nhẫn [illegible] đeo tay,
Trâm đầu, ngọc [illegible] xưa nay quý giàng.
Hán-soa, của thiếp [illegible],
Gương Tần của thiếp cùng chàng soi chung.

E

Có khi ngồi ngắm sao tàn.
[illegible] tai [illegible] ai [illegible].
[illegible] sắc [illegible] cầu
Bấy giờ [illegible] mà [illegible].
Có khi [illegible] [illegible]
[illegible]
2
[illegible]
Bấy giờ [illegible] cảnh [illegible].
Một [illegible] phòng [illegible],
Hết mơ đêm [illegible], thì mong ngày [illegible].
[illegible] ai [illegible] -nơm,
Dạ hồn [illegible] [illegible]
Đường [illegible] quất [illegible],
Nhớ chẳng [illegible], [illegible].
Xót vì [illegible], [illegible]
Há quen [illegible] [illegible].
Nhận ngắm [illegible] "[illegible]"; [illegible]
Thấy câu "[illegible] tuyệt [illegible]" [illegible]. [illegible]
[illegible]

F

Muộn ai đưa lấy cho cùng,
Bỏ trong chiếc mạc, [illegible] thật-khao.
Thấy hồng thì tưởng [illegible] trao,
Nghe sương thì vội căn bảo [illegible] chăn.
Xót người [illegible] xa xăm,
Chăn chiên tuyệt lọt, trướng [illegible].
Mở phong chỉ quấn đôi [illegible],
Đồi tiền gieo lại nửa lìn, nửa ngờ.
Hoàng-hôn trước chái thẩn-thờ,
Trăng tròn, gối [illegible], tàn mơ giấc hoè.
búi Riêng cài, ~~[illegible]~~ bỏ rối dường xe, 貝, 遠 ?
Xiêm nghê [illegible] mình ve vỗ vàng.

E

[illegible],
[illegible].
[illegible] o nước dẫy [illegible],
[illegible] chén ngân [illegible].
Tương-[illegible],
[illegible].
[illegible],
[illegible].
[illegible],
[illegible].
[illegible] chén giã-dề, [illegible]
[illegible].
[illegible],
[illegible].
[illegible],
[illegible].
[illegible],
~~[illegible]~~ [illegible].

Ôm [illegible] bức ~~[illegible]~~ mành tường.
Ngày mong tin tức, đêm [illegible] trông đợi.
Gối [illegible] quên, lại chăn quên,
Mối sầu nào diễn, mạch phiền bể khơi.
Tai quang gượng ngắm ~~càng~~ khi rồi,
Thờ-ơ trái ngọc, đổi-hồi mặt [illegible]. [illegible]
~~Hồn~~ tiêu Lò vàng quạnh dỗ đèn thanh,
~~Trầm hương~~ mấy giọng ~~tranh~~ vần-vanh nhớ [illegible]. [illegible]
Gượng buồn mong gảy khúc cầm,
Phím loan lại lắng, tri âm, lại ~~dừng~~ [illegible]. [illegible]
Gượng buồn mong gảy khúc tranh,
Nước non sầu nặng e mành dây uyên. [illegible]

F

E

[illegible]
[illegible]
[illegible] lời.
[illegible]
[illegible] hiếu,
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Mà chẳng [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Trông chẳng [illegible]
[illegible]

F

Niềm riêng [illegible],
Lạnh lùng [illegible], cửa [illegible] động lòng.
Chiều cô [illegible], đợt nam-song,
Đã dương búa tuyết, lại đồng cửa mưa. 楊桐
Tưởng [illegible] sớm, ai [illegible] trưa,
Để [illegible] hệ vạch, [illegible] đưa chân nhà.
Nhặt-phơ [illegible] chuối [illegible] tạ.
Trướng mai gió lọt, thềm hoa [illegible].
[illegible] hoa, hoa [illegible] trùng-trùng,
~~Xót~~ bùi hoa, [illegible] tái [illegible].
Chiều ai [illegible], trống chầu,
Trống gọi, trống điểm, trống ngâm, trống cười.

E

[illegible],
[illegible] C [illegible].
[illegible]
[illegible].
Riêng [illegible]
[illegible].
[illegible].
[illegible].
[illegible].
[illegible].
[illegible],
[illegible].
[illegible].
[illegible] đào.
[illegible] bao.
Đìu [illegible] kéo có [illegible].
Mai khi mưa dầu, gió êm.
Muộn [illegible] bay tin non đồng.

F

. Nương song thơ vắn ~~thăm~~ thở dài,
Nhớ nhung gan sắt, héo mai lòng son
Thác nào chẳng, vẫn nỉ non,
Hải sầu lai thuốc, nàn truân lấy thang.
Chơi hoa, hoa cũng bẽ bàng,
Say đã cũng rượu, rượu càng lạt hơi.
Vì chàng chiếc bóng lẻ-loi,
Vì chàng đũa ngọc đut-đũa dời nhau.
Trượng chàng, nào thuận đến đâu,
Nhân chàng, nào thuận chút-thân cọ-nào.

E

Đương còn say tình [illegible],
[illegible].
[illegible].
Nỗi niềm [illegible].
Nửa giường đôi [illegible]
[illegible] ngủ [illegible], gối điểm nửa nằm
Xiết bao [illegible], thân tằng
[illegible] thanh [illegible] chẳng!
Nguyệt [illegible].
Mũi [illegible].
Cảnh [illegible] buổi chiều, 他先
Khi [illegible] ~~[illegible]~~ [illegible] ~~[illegible]~~ gieo nên mầm. 擕 醿
[illegible] lời [illegible].
[illegible] tấm tri-âm.
Chiều [illegible]. 𧊅 蝶 [illegible]
Khi [illegible].

F

Đến đâu tưởng những chiến-vac.
Ở an Lũng-thủ, ra vào Hàm-quan.
Tay sửa lời gọi đuổi mãi,
Khu mà đường có, kín tài lại không.
Tùi chẳng còn một tấm lòng.
Đảm-đạm đã nhớ tin trông lần-lần.
Trông ~~Chàng~~ diệu-vợi giang-tân, 妙末
Cỏ Yên xanh ngắt, dâu bần lục om.
Lô-thôn khói tỏa đôi chòm,
So-le trận nhạn về nam tà-tà.
Trông Chàng dịch-lộ xa xa,
Mây ~~trùm~~ tuôn non Thục, khói tỏa về Ngô. 江 • 正.

E

[illegible]

Xa-xôi chưa dễ thâu chừng Ngọc-quan.

Bây giờ [illegible],

Biết còn [illegible].

Phê tình [illegible],

[illegible] thuở đầy, nào [illegible]!

[illegible]

F

Ngắt xanh đợi lúa mù mù,

Đích đâu lầu bắc, lũ-lo thết dài.

Trông Chàng cây quạnh lá rời,

Bên khơi mai ngả, góc trời cò bay.

Ngàn đông quanh-quất khói xây,

Con chim bạt gió áp cây hiu sầu.

Trông Chàng vòng ngóng dường cầu,

Về xa thấp-thoáng, ~~con~~ thuyền dâu hôm chèo.

Tùng, thu, mấy gốc đìu-hiu,

Trời tây khách quạnh như treo sầu người.

Mo trông góc bể bên trời.

Cỏ du muôn dặm, biết với ta đâu.

Gieo khăn chỉn cậy chước màu,

Có đường khôn lọt, có cầu khôn trông.

E

Chẳng thương con thỏ nương [illegible].
Hôn-xao [illegible], [illegible].
Hồ thiêng sớm [illegible] xui ra gió mưa.
Xanh cao xui [illegible]!
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible];
[illegible]
[illegible].
[illegible],
[illegible].
[illegible]!
[illegible].

F

Non non nước nước trùng-trùng,
Này lòng kẻ nhớ, nào lòng người xa.
Hương đương, lòng thiếp đương hoa,
Lòng chàng tấn-thân để tà bóng dương.
Trong tà thâm-thoát thoi vàng,
Đoá hoa nở để tuyết sương nên gầy.
Nhìn xem chuỗi Đẩu vần ~~xoay~~ xoay.
Duềnh Ngân mờ tỏ, đoá mây tạt nồng.
Càng năm, càng tạt má hồng,
Trướng-phủ sao hãy lòng-đong quê người.
Khi sao mình ấn chàng rời,
Khi sao bỡ-ngỡ cách với Đàm Thương.
Gió xuân phảng-phất đưa hương,
Duyên nào Ngưu-tử điều-hoàng sánh nhau.

E

[illegible]
[illegible]
[illegible] thay [illegible]!
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] như [illegible]
[illegible]
Vô-tình, [illegible]
[illegible] may [illegible]
Chưa [illegible]
[illegible]
[illegible]
Sầu thêm [illegible],

F

Trăng thu vặc-vặc in lầu,
Nhận nào ở Chúc, chàng Ngâu lại vầy.
Thong không luống chịu đời ngày,
Thiều xuân chưa vội, lại đầy sầu thu.
Sầu nên một mối tơ vò,
~~Rối-rời~~ Rối-rời, thêm tiếc phận bồ thiệt-thòi.
Biếc xuân xanh nỡ để qua.
Gai tơ mấy phút sảy ra nạ dòng.
Vường khi cầm sắt vui chung,
Gác son cợt phấn, lầu hồng chuyện nương.
Vì đâu nên nỗi đa-mang,
Nghĩ mình bao-ná, thương thân, bày nhiêu.

E

[illegible]

Miễn chàng nặng-nợ chi tâu,
[illegible]

E

Kìa xem đôi yến đáp-dìu,
Trọn mùa Xuân-Hạ sương-sức dầu xuông.
Kìa xem hai cái uyên-ương,
Bãi Tần vầy cánh bay cùng với nhau.
Đến thì thảo mộc biết đâu,
Liền cành có tiếng, liền đầu có sen.
Ước sao như vậy vàng nguyện:
Được vầy cánh nọ, được liền cành kia.
Chớ thói âm luận quản gì,
Thế-tình khi hợp, khi li sự thường.
Khuyên chàng sum-sấn tuyết sương,
Khuyên chàng hai chữ cần-vương vẹn tròn.
Biển vàng chơ-chơ để son,
Chàng nên danh-giá, thiếp còn trẻ-trung.

E

Chỉ [illegible]
[illegible]
[illegible]
Rồi [illegible]
[illegible]
[illegible] trúc, [illegible]
[illegible]
Nội tan [illegible] nhàn.
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Vì chàng giải giáp, thay bào,
Vì chàng [illegible]
[illegible]

F

Nay mừng trăm trận thụ-công,
Truyền tên ải bảo, treo cung non Đoài
Khải-ca từng tấy trong ngoài,
Tiệc dâng bệ Hán, thơ bài non Yên.
Đồng hưu rạng chép thư quyển,
Danh thơm gác hương, dấu truyền đền Lân.
Chàng đã gặp hội phong vân,
Thân vinh thiếp cũng được nhuần ơn sang.
Vì chàng, cởi áo vội-vàng,
Vì chàng, tân chuốc chén vàng với-vời.
Vì chàng, trang điểm tốt-tươi;
Vì chàng, chải chuốt, rũ nơi phong trần.
Trước sau mấy nỗi ân-cần,
Giã tòng cửu-thoại, ngoán niềm tân-thanh.

E

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] 240
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] mừng [illegible] Be [illegible]
[illegible]
[illegible] 246

F

Bõ khi chàng mải công-danh, 195
Bõ khi thiếp uống một mình đêm thâu.
Đã mừng duyên oanh vạc đầu,
Lại mừng gia-nghiệp cơ-cầu y quan.
Đã mừng trên dời đức Cần,
Lại mừng nước trị, nhà an đời đời. 400

Tiếng cũ (lần B)

Ấp	308	Dập	236, 262	Hổ	116
Bái	105	Dầu	271	Hom	79
Bãi	227	Diễn	267, 373	Khăm	139, 134, 414, 441
Bao.na	149	Dỗi-dõi	68, 92	Khéo	48
Bào-hao	415	Dở-dói	480	Khong	466
Băng	53	Duống	108	Khuấy	183, 319
Bững	31	Đạc	426	Khúc nhôi	249
Bặt	376	Đang-[illegible]	254	Khủng	266
Bề-bề	253	Đành-hanh	319	Lảng	56
Bũi	470	Đành-rành	306	Lẫm	303
Bóng trơn	240	Đất-đa	410	Lửng (xa)	274
Bỡi	489	Đoái	217	Lẫn	114, 466
Bui	411	Đòi	113, 169, 217, 334, 386	Lẽ (vững)	374
Cật	314	Đong	107, 468	Thom thỏm	234
Cong	29, 92, 282, 284	Đỗi	322	Lỗ-lộ	54, 344
		Ếm ?	289	Lõng	100, 101
Cột	383	Êu	28	Lỗ (xa)	33
Kẻn	450	[illegible]	170	Mảy	434
Kềnh	486	Gẫy-gọc	238	Mang-mẻ	13
Chác	264	Già	61, 141	Mảng	220
Chắp	284	Giang	308	Miễn	44
Chầu chan	314	Giãn	136, 220	Mịt-mùng	63
Chiến	274	Giàng giả	25	Mọc	273
Chỉn	331	Giàng quần	238	Mỏng	96
Chong	312	Chiếng nước	121	Mũng	334, 345, 347
Chỗn	80	Chốn núi	350	Mộ long	332
Chút chín	34	Hãi-hùng	98	Mướt	477
Dạm	458	Hanh	216, 453	Mướt-mướt	31
Dan	491	Hãy	399	Nảy	10
Dặm [illegible]	266, 367	Hòa	37, 494	Nường [illegible]	90
Dầy	164	Hòng	239	Nhây-nhảy	30
				Ngẫm ngợi	170

Nghênh [illegible]	94
Nhờ	228
Nhiều	92
Nhẫn	54
Nhận ngượng	103
Nhởn nhơ	200
Ong ong	16
Phủ	336
Quá bấy	428
Quang	73,244,364
Quạnh	242
Quện	474
Rẫy	29,70
Rẽ	142
Rối	283,287
Rời rạc	108
Rũ	130
Rung	6
Sáng	465
Sững sờ	47
Sẩy	
So-le	342
Sực	
Sụt sùi	107
Sinh sở	490
Tẩy	102
Tếch ngàn	40
Toan	133
Tư	173
Tương	270
Thắc thỏm	334
Thẩm	173,195
Thậm tả	180
Thiết	154
Thiết-tha	17
Thốt	290
Trắng băng	110
Trẩy	13,147,367
Trổi	307
Trích-trích	432
Vấp váp	483
Vọc	86
Vời-vợi	101
Xiên	124
Xoang	261,346
Xót-xa	180,398
Yểm-yểm	259

at 157 C

Bác	79	Dau dau	159	Giai	106, 361
Ban ...	404	Dậy	141	Giam	109
Bang tang	364	Dạt dai	207	Giòng	352
Bát ngát	240	Dãy	158 162	Giồi ...	371
Bảng	40	Dính dềnh	345	Hẩu	147 185
Bằng ...	65	Diễn	331, 334, 350	Hày	261
Bảng	337, 369	Diều vời	393	Hèm	96 — Heo hút 21
Bảng ...	300	Dìu dặt	370	Hìn	277
Bảng	88	Dò	78	Hoà	77
Bẩn	345	Dòi dõi	157	Ỷ khôn	127 131
Beo	220	Dõi		Khéo	24, 119
Bịn rịn	340	Dòm dõi	341	Khống	412
Bủi ...	186	Dở dơi	18	Khởi	188 191
Bon von	250	Dù nhàn	231	Khiến	107
Bong ...	26	Dường	108 112	Khu ...	76 80
Bùi thủ	305	Đắng đung	248	Khuây	12
Bừng	225	Đặn đờn	78 82	Khúc khỏi	119 123 224
Buồn muốn	275	Đè chừng	308	Lăng (...)	27[illegible]
Bừng lừng	147 151	Đềm êm	396	Lam	96
Cốc	325	Đìu hiu	359	Lân ...	76 80
Chai chuốt	274	Điêm đổi	116	Lệ	338
Chạnh	354	Đổi	59, 110	Lộng	79 83
Chếch	141 202	Đồng bạc	106	Lẽ ...	404
Chếch mác	292	Đông đành	258	Mảng	109
Chiếng	362	Đỗi	70	Mày	406
Chỉu	126, 232	Đồng dạng	146	Men mọc	88 92
Chong	230	Đỡ đần	76	Mòe	420
Chờ khi	91 82, 115	Đợt	7	Mông ...	322
Chua tai	259	Đượm	294	Mộ nhàn	124 128
Chừng	285	Đượm nhuần	291	Muôn ...	382
Chước chi	183	Eo óc	156	Nán	78
Dan	299	Ghê	56 60	Nau	56 60
Dạn	77	Gởi	270	Nảy nở	405

Dũ 61

Nẹo	50 1,29	Tha ra	230
Nếp	210	Thăm viếng	96 100
No	434	Than	246
Nom	315	Thập thừng	136
Nỗi nuôi	230	Thất thiểu	134
Nội	150 314, 33[illegible]	Thẩu	47, 51, 26
Ngan	313	Thì	44
Ngây ngây	30	Thiết	61 95
Ngong mong	178 182	Thon thót	124
Ngọ	218	Thoăn thoắt	303
nhẫn 143 Ngửng		Thạt	46, 30
Ngửng ngắt	153	Trau ảnh	87
Nhăn	100	Trảy	73, 1,363
Nhìn ngửng	240	Trời	[illegible]
Nhỡn nha	4[illegible]	Trời	320
Phân sa	14	Ưa	310
Phê phê	4[illegible]	Vả	14
Quả lừa	300	Vào mãi	451 vay 126
Quai	23[illegible]	Văn mõm	69
Quai bay	8	Véo von	110
Quyên	147, 359	Vẹn vang	4[illegible]
Rã	265	Vây	310
Rán	56	Vò nhàu	241
Rét	6	Vợi	14, Vội 66
Rơi rụt	225	Vỗn	4
Rột rã	55, 315	Xa xác	176
Rụng	262	Xách mé	222
Sá	424	Xót	195, 111, 112, 16, 80
Sin	171	Xuyên	5
Sột soạt	57		
Sửa tr răng	162		
Tùng bùng	416, 417		
Tương	165		

CHINH-PHỤ NGÂM (G)

– trước ảnh theo bản (B 93) của BN : (collection Pelliot)

1.

Trời đất một vùng, Bắc nam hai ngã.
Phận hồng-nhan truân-bỉ xiết lo.
Chẳng từ bể Sở, sông Ngô.
Lấy ai coi sóc sớm trưa việc thường.
Chàng từ vâng mệnh quân vương,
Cờ tinh thẳng trỏ tới đường ruổi ngay.
Bếch chừng bến Liễu dường mây,
Càng trông càng vắng một ngày xa khơi.
Chàng đi góc bể bên trời
Đi thì lặn suối, đi thì trèo non
Gươm là vợ, giáo là con,
Nắng-mưa chẳng quản, ốm hôn chẳng dời.
Thôi đi bể, lại vào ngòi.
Sông sâu cũng lội, non tới cũng trèo.
Ăn thì thất-thểu ít nhiều,
Cảm thương cha mẹ, nhớ điều vợ con.
Đường trường cách trở nước non.
Mẹ già đầu bạc, thiếp còn xuân-xanh.
Giang sơn thiếp gánh một mình
Chẳng hay chàng có thân tình thiệp chăng.

[illegible]

~~Chàng nay chẳng có thật tình~~

Lững-sa [illegible] chẳng tệ với nàng,
Chàng đi bỏ vắng lạnh-lùng phòng hương.
Trơ trơ một thân một đèn,
Trông chừng thấp-thoáng ở bên ngõ chàng
Ai làm nam bắc đôi đường,
Nồng hương trướng chiếc nửa gương nửa chăn.
Trời cao có thấu tình chăng
Một ngày đằng-đẵng xem bằng ba thu.
Ruột tằm bối-rối vò tơ
Gan vàng sao khéo thờ-ơ dạ vàng.
Từ ngày thiếp tới cửa chàng,
Bướm ong xum-họp, phượng-hoàng no đôi.
Chỉ thề trên thẳm dưới khơi,
Không khi lở đất long trời cũng nhau.
Bây giờ chim lưới cá câu,
Mờ-vờ ai biết ai đâu mà tìm.
Bởi mẹ chàng phổi-phỏi dâu,
Trẻ thơ, con chàng còn trứng nước thơ ngây
Chẳng hay chàng ở đâu nay
Thiếp xin mượn cánh chắp bay tìm chàng.
Chữ rằng đồng tịch đồng sàng,
Đồng sinh, đồng tử cùn-mang đồng-tâm.

Chàng từ vâng mệnh quân-thân,
Thiếp này vẹn chữ Tấn Tần hợp duyên
Nửa mai bóng chiếc cùi hiên,
Bóng trăng thấp-thoáng [illegible], ngọn đèn mờ xanh.
Nào khi chăn; ấm chiếu êm,
Bây giờ gối đất nằm thềm Tần-đường.
Ở đời chinh-phạt từ chàng,
Cho nên thiếp phải chịu đường đắng cay.
Thôi thương nó lại trông mây,
Phượng-hoàng bác lại tới cây ngô-đồng!
Chàng đi kể đã mấy đông,
Cho loan đơn gối trông đấu đợi mưa.
Gan vàng dạ sắt ngẩn-ngơ,
Lấy ai khuyên ~~xxx~~ lời tâm thư cho chàng.
Vì duyên cho thiếp võ-vàng,
Vì chàng từ-ly [illegible] tấm nhớ phai
Cực lòng thiếp hỡi chàng ơi!
Biết mấy thu nước, biết xiết đường nào.
Tiếng khi đứng lâu tùy đào,
Khi ra vườn hạnh, khi vào lầu hương.
Bây giờ đổi ngọc đền hương,
Chiếu chăn chiếc mùi, thiếp chàng đôi bờ. vơi

[illegible] hỏi [illegible]
Để chàng nghĩ tới nghĩa [illegible] này. [illegible]
[illegible] người đồng,
Một hoa mấy [illegible], [illegible] thành thơ..
Ở đời ngẫm ([illegible]) nghĩ [illegible].
Chờ mai thiếp phải gửi lời thở than.
[illegible],
Tơ lòng [illegible] nghìn thu.
Chàng, thì quyết [illegible],
[illegible] ([illegible]) [illegible] phòng [illegible].
[illegible] hạnh-phúc muôn đời,
Hoa [illegible] - phong [illegible] tình chia mấy [illegible].

(Thiên tử vạn vạn niên)

Bài [illegible] Tự Đức [illegible]
[illegible] cũng có lẽ đời Tự-Đức: (Vân thời?
[illegible]

[illegible]
lạc.
[illegible]
[illegible]

Chinh phụ ngâm (E)

Anh ơi	159	Chút đỉnh	33	[illegible]	37
Bài	52, 226	Chưa để	105	Sai mo	37
Bàn hoàn	182	Chưa	10	[illegible]	43
Bún - mẻ	104	Hồ (Hán)	[illegible]	Do-[illegible]	118
Bao - nả	88	Kéo	108	[illegible]	64
Bằng	94	Khâm [illegible]	42	Teo	70 — Tần 82
[illegible] gương	40	Lần thần	107	Tỉnh [illegible]	162
Cố sơi	44	[illegible]	74	Trăm [illegible]	57
Chạnh	131	[illegible]	137	Thái (mái)	71
Chấp choạng	70	Mai khi	143	Thôi thôi	109
Chếch	65	Man mác	78	[illegible]	24
Chỉnh mảng	193	[illegible]	82	[illegible]	[illegible]
Chung	52, 69, 165, 194	Mũng	145, 150	[illegible]	47
Chông chênh	167	Nào	37, 93,	[illegible]	41
Chuyện (trò)	96	Nảy [illegible]	199	[illegible]	57
Chuyện (mà)	210	Nảy tao	220	[illegible]	121
Dần - dần	102	Nắng nỏ	215	[illegible]	8
Dăng	41	[illegible]	115	[illegible]	212
Dẫy (nước)	97	Nọ - nao	123, [illegible]	[illegible]	104
Dẫy ([illegible])	5	Nội	39, 228	[illegible]	97
Dẫy dờ	194	Nam đào	9	Xe	182
Diễn	94, 208, 234	Ngút	188		
Diệu vợi	171	[illegible]	62, 147		
Dời - đổi	147	Nằm [illegible]	91, 17		
Dời truyền	242	Phủ	169		
Dùng kim	79, 157	Phau (so)	50		
Đai (đai)	73	[illegible]	126		
Đau đáu	240	Rạch	47		
Điểm	26	Rủng	126		
Đ.ng	208	Rộng	224		
Đọng	7	[illegible] (nước)	127		

[illegible] (F)

[illegible]	[illegible]	D[illegible] ngọc	[illegible]	Th[illegible]	183
Â[illegible]	31	[illegible]	11	[illegible]	[illegible]
[illegible]	14	[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]
B[illegible]	124	[illegible]	16	V[illegible]	[illegible]
[illegible]	11	[illegible]	56	V[illegible]	1[illegible], 174
[illegible]	16[illegible]	[illegible]	46	V[illegible]	[illegible]
[illegible]	12, [illegible]	[illegible]	[illegible]	V[illegible]	[illegible]
B[illegible]ng	1[illegible]	[illegible]	14[illegible]	X[illegible]	16
Bỗn	10	Lủi lo	128		
Bu[illegible]	14	L[illegible]	[illegible]		
Chen	[illegible]	[illegible]	92		
[illegible]	17	[illegible]	16[illegible]		
[illegible]	7[illegible]	[illegible]	11[illegible]		
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]		
Chửi	139	Nẵng-nổ	4		
Dã	194	No	137		
Dã-dề	110	Ngọn đào	39		
D[illegible]	17	[illegible]	[illegible]		
D[illegible]	6[illegible]	[illegible]	[illegible]6		
D[illegible]	3	[illegible]	1[illegible]		
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]		
[illegible]	31, [illegible]	[illegible]	[illegible]		
Diệu vợi	[illegible]	[illegible]	7		
Duềnh	96	[illegible]	[illegible]		
[illegible]	[illegible]	[illegible]	[illegible]		
Đ[illegible]	[illegible]	So-[illegible]	[illegible]		
[illegible]	12	[illegible]	1[illegible]		
Đ[illegible]	7[illegible], 11[illegible], [illegible], 1[illegible]7, 171	[illegible]	[illegible]		
Đong	30	[illegible]	[illegible]		
Đ[illegible]	14	[illegible]	[illegible]		
Đ[illegible]	[illegible]6	T[illegible]	[illegible]		

Scarabée

Chinh phụ ngâm

—·—

Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên
Xanh kia thăm thẳm tầng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này
Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt
[illegible] Khói Cam Tuyền mờ-mịt thức mây
Chín lần gươm báu trao tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh
Nước thanh bình ba trăm năm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây
Sứ trời sớm giục đường mây
Phép công là trọng niềm tây sá nào
Đường ~~Thường~~ giong ruổi lưng đeo cung tiễn
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa
Bóng cờ tiếng trống xa xa
Sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng
Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo việc đao cung
Thành liền mong tiến bệ rồng
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời
Chí làm trai dặm nghìn da ngựa

[illegible] mao
[illegible]
[illegible]
Ngỡ [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] Thủy [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] một [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] ta
[illegible] pha
[illegible] tuyệt
[illegible]
[illegible] tay
[illegible] nay
[illegible] ngùi ngùi

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
thì đi [illegible]
thì về [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
rồi [illegible]
[illegible]

[illegible] không muốn làm việc [illegible] lại [illegible]
[illegible] người [illegible] mặt [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] lâu
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]

Hồn [illegible]

(102) [illegible]

gió [illegible]

103 [illegible]

Mày reo [illegible]

101 [illegible]

11 [illegible]

mây

tùy

gần

bạn rồi

[illegible] Hẳn này (mới) nào tính đường sau [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] ao
[illegible] (tấm) [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
149 Đày~ [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] thương [illegible] [illegible] (Khung) [illegible] [illegible]
Gối [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Sân [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
thổ thương [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
giại [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] đan [illegible] [illegible] [illegible]
150 Biết sen nay [illegible] này [illegible] [illegible]
Xót người [illegible] [illegible] ở xa
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Mẹ [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Con thơ mang sữa [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
buồn [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

Rèn quyến [illegible] [illegible] [illegible] Thiếp [illegible] [illegible]

x Thân — [illegible] mặt [illegible] mới ra đây [illegible]

b — [illegible] [illegible] [illegible] mang [illegible] [illegible] bạc

Khó sức — [illegible] [illegible] [illegible] mây [illegible] sao

tùng, ta — [illegible] [illegible] tới mới [illegible] lòng nào [illegible] [illegible]

Thế năm đã ta từ cách vạn

rồi lòng — Mối sầu thêm ngàn vạn ngẩn ngơ

[illegible] đi gần [illegible] [illegible] gang

đỏ? — Thái [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] hãn mà ngày xuất giá

(170) Tuồng [illegible] [illegible] đâu [illegible] tới [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] tìm lòng [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] mặt [illegible] [illegible] [illegible]

buồn — [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] lời [illegible]

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] người [illegible] [illegible]

[illegible] mây [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] lại

[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

thấy [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

180 [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] sẵn sàng

Gió mây nổi không đường hồng tiện

Xót nỗi chàng tuyệt quyến mưa sa

với ngoài

Mấy mùa trường tuyết xông pha
Nghĩ thân [illegible] [illegible] kể ra đời ngoài
185 [illegible] [illegible] [illegible] phong thời ~~lại~~ Hi [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

của [illegible] [illegible] [illegible] ~~(mai)~~ [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] ~~[illegible]~~ mường [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] ~~(mai)~~ mai
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] ~~[illegible]~~ Bưng lần [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] ~~[illegible]~~ Xiêm [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] vợ [illegible] [illegible] [illegible]
Đam Chiêm [illegible] [illegible] [illegible] ~~[illegible] [illegible]~~ [illegible] [illegible]
Đi Khải ~~[illegible]~~ [illegible] [illegible] ~~[illegible] [illegible]~~ [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Trăng [illegible] [illegible] [illegible] có [illegible] biết chăng
Đen có biết nhường bằng chẳng [illegible]
lòng [illegible] [illegible] [illegible] thiết mà thôi
Buồn muôn [illegible] chàng [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] người [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] sông [illegible] [illegible]
[illegible] Nhất [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
Khai chữ ~~([illegible] [illegible])~~ [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] dằng-dặc bày [illegible] [illegible] [illegible] ra
Trường ~~[illegible]~~ Giang [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]

[illegible] quỳnh [illegible] châu [illegible]
[illegible] quỳnh gẩy [illegible]
[illegible] nghiêng [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] thăm [illegible] thẳm [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
Hình [illegible] ảng [illegible]
[illegible]
[illegible]
chườm tuyết [illegible]
[illegible]
[illegible] và [illegible] rày [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] giai [illegible]
[illegible]
[illegible] trình
[illegible]

Bao giờ [illegible] người [illegible]
[illegible] người
[illegible]
[illegible] ngại thừa
Mặt [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] (đuổi) [illegible]
[illegible]
[illegible]
沫 [illegible] (sùi-sụt) [illegible]
[illegible]
hãy [illegible]
[illegible] tại [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
nấp Tìm ra thềm mới [illegible] lại đời
[illegible] mắt [illegible] a [illegible] đọng
đổi khác [illegible]
Tỏ rạng [illegible] khác hình thù

(Tới khi ... hết mùi chua ... này
... chua ... lâm lòng mới to
... này ... ai
257 ... Kiệm (ư) tới nhà
[illegible]
... Kiệm chẳng ... trường
chút ... (giờ) ... (lần) khoăn
Bùi ... nàng ... phần
... trường ... tàng tìm ...
chạy ... (tới) ... tới ...
chạy ... (gì) (đây) rời ... cửa
... này ... bà ...
[illegible]
đứng Kiệm ... (đứng) ...
[illegible] ... thanh quan
... những ...
[illegible]
Bùi ... lòng ... đất
270 ... người
... cười
... này ... lòng ... làm ...
[... lên ...
(Khóc) ...
xin?

[illegible]
[illegible]
[illegible] nóc
[illegible]
Bắc? [illegible]
[illegible] rẫy, [illegible]
[illegible]
Trĩ / [illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible]
[illegible] sóng [illegible]
[illegible]
[illegible]
trĩ. [illegible]
[illegible] đỗ phen
[illegible]
[illegible]
gầy [illegible]
[illegible] thế [illegible]
[illegible]
khôn [illegible]
[illegible]
xúc ngoạt

chim khuyên

Ý nhi rằng đứng [illegible] trước [illegible]

[illegible] may muôn dặm nối vòng

300) Lòng chàng ưng có như lòng thiếp

vì có — Lòng chàng ví cũng bằng như thế

Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa

Hướng dương lòng thiếp như hoa

Lòng chàng lẩn thẩn e tà bóng dương

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái

Hoa để vàng [illegible] bởi bóng dương

Hoa vàng hoa rụng quanh tường

Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần

chồi — Thâm đèn nở biết mấy là mai

Ngọn đèn [illegible] [illegible] cái [illegible] tường

[illegible] điểm [illegible] biết [illegible] tường

Ngựa [illegible] năm [illegible] [illegible] - hướng thân

Trong ngâm - [illegible] thì [illegible], khi [illegible]

[illegible] Thiếu hiền buổi có, buổi không

[illegible] này lời [illegible] nhất - vòng,

Ngồi [illegible] [illegible] [illegible] lời lòng [illegible] [illegible]

một — (lời) [illegible] một chút [illegible] [illegible] phân

Thờ thẩn — Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi

Xưa sao hình ảnh chẳng rời

Bây giờ nỡ để cách [illegible] làm đường

[illegible] [illegible] nghĩa [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] nào [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] ngày [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] hết [illegible] [illegible] [illegible]
Tự? [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] Điều [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] vậy tha [illegible] [illegible] nhau
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] qua [illegible]
Thiết [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] đôi nam
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] mười có nam
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] qua [illegible] [illegible] xanh
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] qua [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] bờ-bờ
Vai [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] chuyện [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] thu [illegible]
Khi [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
ngủ [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible]
[illegible] [illegible] [illegible] [illegible] [illegible] qua
ngủ [illegible] mệnh [illegible], [illegible] [illegible] [illegible]

Hị phải [illegible] trăng P.h. Chân bờ

Sảy?

345 [illegible]

[illegible]

chữ xấu chưa [illegible]

bị chữa sau [illegible]

[illegible] [Sông Ngôn] ? [illegible]

[illegible]

360 [illegible]

[illegible]

Chang [illegible] [illegible] nhất [illegible] [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Đã [illegible]

[illegible]

Buổi [illegible]

[illegible] quan [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] trong

[illegible]

[illegible]

[illegible]

tiên [illegible]

[illegible]

[illegible]

Nhồn

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Xui vì

[illegible]

Xui vậy

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Dễ [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Để thay [illegible]

Để [illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible] sbỏ

[illegible]

[illegible]

[illegible]

TABLE DE MULTIPLICATION

2 fois 1 font 2	5 fois 1 font 5	8 fois 1 font 8	11 fois 1 font 11
2 — 2 — 4	5 — 2 — 10	8 — 2 — 16	11 — 2 — 22
2 — 3 — 6	5 — 3 — 15	8 — 3 — 24	11 — 3 — 33
2 — 4 — 8	5 — 4 — 20	8 — 4 — 32	11 — 4 — 44
2 — 5 — 10	5 — 5 — 25	8 — 5 — 40	11 — 5 — 55
2 — 6 — 12	5 — 6 — 30	8 — 6 — 48	11 — 6 — 66
2 — 7 — 14	5 — 7 — 35	8 — 7 — 56	11 — 7 — 77
2 — 8 — 16	5 — 8 — 40	8 — 8 — 64	11 — 8 — 88
2 — 9 — 18	5 — 9 — 45	8 — 9 — 72	11 — 9 — 99
2 — 10 — 20	5 — 10 — 50	8 — 10 — 80	11 — 10 — 110
2 — 11 — 22	5 — 11 — 55	8 — 11 — 88	11 — 11 — 121
2 — 12 — 24	5 — 12 — 60	8 — 12 — 96	11 — 12 — 132

3 fois 1 font 3	6 fois 1 [illegible] [illegible]	9 fois 1 font 9	12 fois 1 font 12
3 — 2 — 6	6 — 2 — 12	9 — 2 — 18	12 — 2 — 24
3 — 3 — 9	6 — 3 — 18	9 — 3 — 27	12 — 3 — 36
3 — 4 — 12	6 — 4 — 24	9 — 4 — 36	12 — 4 — 48
3 — 5 — 15	6 — 5 — 30	9 — 5 — 45	12 — 5 — 60
3 — 6 — 18	6 — 6 — 36	9 — 6 — 54	12 — 6 — 72
3 — 7 — 21	6 — 7 — 42	9 — 7 — 63	12 — 7 — 84
3 — 8 — 24	6 — 8 — 48	9 — 8 — 72	12 — 8 — 96
3 — 9 — 27	6 — 9 — 54	9 — 9 — 81	12 — 9 — 108
3 — 10 — 30	6 — 10 — 60	9 — 10 — 90	12 — 10 — 120
3 — 11 — 33	6 — 11 — 66	9 — 11 — 99	12 — 11 — 132
3 — 12 — 36	6 — 12 — 72	9 — 12 — 108	12 — 12 — 144

4 fois 1 font 4	7 fois 1 font 7	10 fois 1 font 10	13 fois 1 font 13
4 — 2 — 8	7 — 2 — 14	10 — 2 — 20	13 — 2 — 26
4 — 3 — 12	7 — 3 — 21	10 — 3 — 30	13 — 3 — 39
4 — 4 — 16	7 — 4 — 28	10 — 4 — 40	13 — 4 — 52
4 — 5 — 20	7 — 5 — 35	10 — 5 — 50	13 — 5 — 65
4 — 6 — 24	7 — 6 — 42	10 — 6 — 60	13 — 6 — 78
4 — 7 — 28	7 — 7 — 49	10 — 7 — 70	13 — 7 — 91
4 — 8 — 32	7 — 8 — 56	10 — 8 — 80	13 — 8 — 104
4 — 9 — 36	7 — 9 — 63	10 — 9 — 90	13 — 9 — 117
4 — 10 — 40	7 — 10 — 70	10 — 10 — 100	13 — 10 — 130
4 — 11 — 44	7 — 11 — 77	10 — 11 — 110	13 — 11 — 143
4 — 12 — 48	7 — 12 — 84	10 — 12 — 120	13 — 12 — 156

Signes employés en arithmétique : + plus, — moins, = égalité, × multiplié par
÷ divisé par, < plus petit, > plus grand, √ racine de, % pour 100.

PALMARÈS

[illegible]

[illegible]情[illegible]丈夫

[illegible]

莫祕半祕中。吁也肆跷共払丕、払獃亮共儚兔姜边。払㩉

葉、暴贕婁度忠孝姜吁况谕惠訶寞灋輸艮屹、歛一毦

(330) 戊州是獻知又鼎。弹子戟同践、意肆骆汪意時㳽嘍。鍊閝

溥瀡君歆許、色惠丕鍾辞歎忠。払桑律戟功擔。莞

溢世漠弓嶶兜。膝譲憾嗜外諸償嗜勯歎顕蔟神意黄

㵎碑蹉庚名、朝奚仸鶴宮庭遼璒功泪瀝戯絧浯延。丗樂辞

咯嚐潰讃才論豪霾浣金蹈翫調。里像傳書麟。懷勳

將常中嶶錄、敦同体碎傀新兮悉達子癈妻封茉

(340) 婁扶陰嵏悳及姜丟悷如歎蘇婦払罕霊如婁浯漯。

軟衛招葉印鑚逹宮繳敦靶楊也喬。吁呇払艳䶮拴果、

吁箒払揄望風霜箒払娷視蠍鐼、箒払豆粉扐書漼讓。

洪中淚払蘫番燈、讀詩愁払審箸句句恆忖兒句愁、

驢响共討𡁠鄙每逕仕棒落呇又隊蠘仕歎寅練又隊攏。

聪吟対歆箸害共払吏結𦄂䌷𦀰趣花。朱補猒愁傘閘收

(5)

東京好遊看當日遊人舊時居處依然在一時依然好故教娛樂

遊

孚魏鬟、春奩鏡裡紫鏡、夢尋芳徑織拈針、細腰秋色比絲

戈竟切後几旁空竟詩時節、冷拂從深覓後遊劉潤語

毛歡花滯淬戈年春睛春秋夜宿蒙枝艷合離詩徑

過歡爐飛愁長秋鶴嬌媚繡蒲鄉易拜素朝春冀文君

美義苗課鏗咏細歡顏淪舞鶴花嬌何酒郎情歡遺蓬

坡霜扶浴妝顏色當坐花前情光陰君君指戈詩傳

惜年花媽綠紛視無娜娘香怒騰鎖輻樓花冀

彷彿啼香責吞寧居郎意油姜吏妝拈座咱拈滄覓

鷗鷺其色共獨超座信分鬟至點鳴燕蓮條顯泊窗女

推櫓枝銑贊類婁憐頸無鴨怒類鶴綵題共戀椰蓮

羅鞋核憐花共蕩憐核共蓮意類皺情戀群世年話數

女庭帘低妾呼闊叔緣危如鳴連題如核連梗傳河叔

欸情特不曉叔危欣覺叔點妾呼拈借泊頭妾時穿

(502)

邊𣳔渭𣳔浪嘵噲邊樓巖某儂覓尋便撲揀難習花梅英
拂波纔樁浅宜岂岸㵢𣹓鳴放晦渃數叶傷滝西傳覓落
蒿撓曲雁濁室漏㳥舩銘岸樓䆴祝管草湼淹渥紺歡
覺鼓衡聲罒皮䫀丕䄂埋蓮帯樓窗年潮番笠蓮粧落
𦀊𢚸別覺波㙴羅玩玉詞揔律憚符律学所汁招挑常時
饒仙身危化務哄殘唆室庭玉庭蓮鐘樓朕㬌更襟年場
槨腰歎払傳鄒蘇封㞔吐圍騷髮悉払固詩如悉妾庄悉
払帝諸草知世悉妾覺敢拱斷緣向陽悉妾花悉払
𠰘咹𣛠𥯉陽勝陽處花黃鎮㞔羌花底鎮撲土鎮渚流
鐄花同𬈗盃貼花同話霜齡君樓蘭女鄒色梅花英
撲邊𡑝㳥番析袑蹬跳前堂勝鐘貼蘇天章吕緣勝嚴漢
𡗶媥歎評度奎纏員圓貝空式霊遙影歇灕濃蘇穩北斗霍
東吏兑没𣈜沒謀咏橋紛丈夫駢撞鴖丕涌初穿𣻆影庄
移悉𢬥女底𠗆滿之払發敢憖夭撫安隨𨀈樓

挨悞粘玄悉歌愁悠性支扎望媄江飛悠之娥鐵婦經渡滝
涞渓㝠腰稅叢愁播碭換重必綸洄翥女活換遲妙餌醲去
花洄恒嶋謨愁必醓灘洄必花㫜紿筐主命圓空嘴埥
路華命沒稼[illegible]歡紛役洄飽賤餘淥臺篋送落更[illegible]
噃必涞若糅[illegible]桂然[illegible]知窒扂遊辟學鏷對悩晉額發龍買別
平醣蓋尼唸味醭證惠罢謝淡醭尼呵固為佚[illegible]
度妄凯性命扎身妄禮雷度度身妄主新揆帯慢淀妄
吊小當柱边作蜑驛戝爰特斷騎文恒細江津孳歡孳扎詸
湯臺囂讎送扎尼相淥滾晉森圓命歌情期存戈邏褑淀
蹽爰叅愢妄身支至平爰蒔斷扎边滝城澗欺騙仍借款
殘情韵戝急滝新其室墮圍從膭悪[illegible]本繞扎澇刻
170 平禮悪貌双首倩見歡邏商命歌臺望灣轜車章望渡南嶯紛
貓若韓碧脂貌挰出撑加田歡臉落路征没辭鶬鸞轄嵘
劃歡醒壹比㗂餐諳吾六遨[illegible]雲出欺攢城儐平

302
†202
詞(230)

簾、陳、掩、抱、隋、畫、外、幽叢、鶴、樞覽、暗、譜中繁叢園、花烟、別
座、烟園、剥、叢、平、生、别、恩、受、積、愁、切、麻、催、愴、洞、淘、坐、纖、唾、
花烟、箕、買、勝、歎、可、傷、鷗、咲、遲、慨、霜、鼉、鞁、橈、拂、潑、潮、香、
畢、邊、刻、白、寧、萬、又、如、氣、梅、影、似、訪、故、驗、香、鬢、怯、魂、迢、迭、淚、羞、
强、擋、凝、定、捧、真、楚、聘、頒、報、苑、羅、續、鴛、鶩、組、從、舊、路、重、恩、
危、敲、隨、東園、便、斜、鏡、吁、撥、袒、微、燕、嫩、燕、酒、座、烟、淚、妝、掃、
瀼、瀍、遷、年、吞、冢、深、濤、滌、澹、幽、遥、漫、妝、私、酒、懶、簾、鬟、字、燈、
數、切、他、惹、形、郡、秧、霜、溪、嘈、碧、潤、噴、香、紅、鎌、創、新、裕、鄉、須、衰、
銷、綴、淳、梗、櫓、莒、雪、褶、蘚、鶻、檐、樓、墻、斗、來、鐘、蘇、暖、澗、隋、
蘭、歸、月、迷、鞋、翠、沒、行、蕉、廻、涑、外、軒、羅、幔、抹、莞、遞、寫、歸、花、殘、
梓、月、蓬、鶯、籠、花、燉、月、又、淹、沒、膝、月、鶯、鼈、曾、毫、月、花、又、
月、重、又、韓、花、帶、月、劃、惹、聲、一、恍、又、勤、手、針、闌、愁、新、偶、自、女、工
歸、巧、譜、聽、雨、於、針、鳴、遮、樓、薦、娃、情、纖、悠、雌、破、纏、轄、兩、蘇、晒
瑶、陽、咽、嚴、定、翔、唯、又、泳、意、禎、窗、簷、衰、魚、悉、球、私、點、雞、紛、旺、貝

劉接咋黃花鼓鼕、憶家室芹接六三旦冀老親謹慎、杖倚處
巍披拂霜飄棘栖蹤韁當扶持慈老親搶欺掙斟、
咽孩提除噬吃鉗吮袈妻色孝男鍊踉烟毋妾也父親尾
設身饑饒吠代雄、妾淚恨搖美別色妓私使命霜驛、香曾
封買之常群餘計雖色照窗隨窗妾慈添新萬漢節
約六縣、公認獎、扶念嘆嗟六哉私訴哈、設宮漢貼難安嫁難樓
秦踊醋矯、發憂憒換奈撥細英呼扒透歌聲慕相思劉拎緬每
歎禁雙王棋顯課討短遞憶換席撥細危意扒私筆緬
影相親便、公香信護、信吏、細養危信駅承逕俸覺瀝疑想
書封瞪啼(182)霜織、飫毛塵乐遍西海堂塘鴻便、拈燦外雪
舊淚泱慢淚帳雪徽坡、揭添、冷弓凡室墳外題敦髒封
肆翔招魁戲嗔報歸羊弓丞君歎譯祥起惠腰君話捉袷芭
蹤逮毅斷如娛魂蘆膝合降藤丁雞丫虛臺磐茫拈
挾墻椿遷涸邊邀鄉安綾騰造幹足毓相當蹤堂

(110)

邑搭壇念别哞共換妾鼾邂劑扑外趙遷鼾劑色邑
停分妾外蓮冀鼾叔松爲仍懺鄭滔惱匣色与掩我
遷瀾瀉妾座想蓋歎征歸松韻留與學尋王孫攜年隔
阻滂藏遣歎催獻底嶽仍詢證風流當年年少雖饒共
掴掃窄綴女第淮侶共年調山底漢寫畢色停言課語行藹
渚鴆郴海鄖衛的倉鷗歡路鶴色邀鶯絲鸚鶴文晚
轉茄叮嚧課登逸梅渚悍隨海鄖衛指慶桃尾屆桃色膏
簷東英藉蓋支艳边滝芭莎限共此隱西岩意歇色璧
帝儻啼心山底洛蘿国桉譬鄖矑瞻哦啫禽哞嚕限尾帝
漢陽棣蛉排尋帝固渚耗底洛隨遐戰施攏晷歎瀑泥落
瀾瀴瀟信恒吏影雲儻覺吏榕花殘色鞅蓁撑蓁撑命
筌鵒饒擣趁沒跳匐情夏色書常吏影諳儻細幅靡
踈吾椽騰陽騰湯采貝寄昂壁窄進帳於恒箪差此
倚吏演瀾鄖意錢蓮荷色芳墨距嵩歎吾君逍遙惱

炫咻魑魅[illegible]，[illegible]漁[illegible]，華沿縣邑旌[illegible]

逢吉儀郎攜葉揮，[illegible]漢寇，[illegible]城掠吏，故胡飢，青海擒戈

既漢勢內賊蹤，紐維吏纏，斷[illegible]更高，獨顏[illegible]，貝朝如陰，沼

惡漢亂源群，漢[illegible]影，秋甲諸數，惡運戈[illegible]，貓攝庭[illegible]

連幔歸透營厓，種[illegible]，[illegible]換鑑定，纖毫歡[illegible]如冰解

旌[illegible]，巍海[illegible]筆，詞[illegible]隱，丘壇山岸跪[illegible]，吏[illegible]，仍[illegible]霜

風，違高體式，[illegible]電，惡帝維庭動，惡[illegible]傷信，翊鄉違來

東潤[illegible]別，賤私進討，危攬，仍數征戰，除數群，貼性命如年

幹桎，隱帝縷，恩解信攝，殿注類，歲[illegible]色，饒藏術，遁緣

陵據渡，淝鍾暇，[illegible]謀嘗，[illegible]魂死士，[illegible]嗟，[illegible]糧征走，[illegible]

燧，征夫死士，命數常埃，換輛常埃，陰魂，頭兵，焰絡微，如擂

凡於人戈戍，鄭傷，分雞綠，登戰場，私超運，[illegible]，羅買衛

想私破，鼓吏猿，[illegible]，提鐮，沒模戒鞍，重枝隨，撼[illegible]，岸

續嘯，顯取樂，探糧識，[illegible]道功名，寫[illegible]，遮奇，仍[illegible]，[illegible]帝

㳘𢱤迭橋𬌗杰群嫩、之払恶戈二十捡壶、神年敢冰神平

船諾囬也庥燎捻濕跕丐萱庥胣二㘴𢬵口乳来乳吏拎𫭢、

跳𨁈没跳繞又吏踩𢡾妄似膝腰蹺唯、払愁𬗊尋𡑴天山𧥺

𨭉𨈭餞、渚残、指趵荒欒卧岸霤豹䶵樓讓鐃、告子、紐

㝲漢盤事伩波、袄払赤觀縫坡、敢払色泉如羅噹即噹樂敢

吾𩞄噹𬗢𬗢糎来、偆紛𦂳河梁紛祛塘尼迭噹、鍾蘿講

𢥧𢯱二軍𩿨色細外營椰、𬳿𩡒鮮屠䨥長楊軍邊払𥗝

𨑜𡎓、椰楊別妄斷腸尼座噹留𨑜躍澄囬望、行鎮戀𢯱𨓓

二佛披𨓓払繞𤇽𨓓邊、妄𨁈𡸒齒昆魚安茄払特趕𡑴跦、𨂍𨁊、

妄吏衛房𨽁詔頏覔𨑜繞色𨂓𡑴、𤀾年𨓓𢭃𨑜𫼯、𬗢𣻷

㑏咸京払群𧃰吏、𦱃𬜯柑妄𩿨𨑜𨑜鬼洋𣿭𢾈𬀩陽、

𢱤識陽𠿪洋𬜯洽重共𬳿吏庥六壬𢲷覔𢲷子𬳿尔岸

槐岸𢽿𢲷𡷤役年、恙払意妄𢯷愁𢫖𢯷払佁𦛚叅尼𩩍吉、

𬗊腰尼指𣿭𣕛覔𥐻𦧺戰地𡚁色、𡔎𡘩閫𨀤𣇳𢂀𣇳

(11)

太平煞歲還君然此後…

丈夫當如是。

畢

征婦演國音

𣈜𡗶坦浽干𩙍𡏧客𦟐紅𡗉餒迍邅撑箕深深層𨕭為埃𢲣

𥩯朱𢧚餒尼𤿰長城竜拯𣘃月焼甘泉𣾾𥊚戍𩄲𠃩層鎌

寶授𢬣𡛤𣎀傳檄定𣈜出征渃清平𠀧𤾓𢆥𡳰襖戎授官

武自低使𡗶𣋽𠽖塘𩄲法公羅重念西詫芾塘容駋𦝄扚

弓箭𣇞餞送𢚸絆妻孥𩂟旗㗂𤿰賒賒愁𨖲阮隘怨𠚢

𠁑房払歲稚本湧豪傑攝筆硯蹺役刀弓城連懞進陛

𧍰尺鎌㐌決拯容賊𡗶志𫜵𤳆𨤮𠦳䏧馭𢫔泰山𨏄似鴻

毛𠻃茹扚幅戰袍吷㩡橋渭嗷嗷𩙍秋𣳔頭橋渃淋如

吾儕護國心如鐵，願君民力如鐵，飢來吞下月氏顱，渴
來飲下單于血，何幸韜鈐中，老夫著意評英雄，護
英雄百戰功，憂驅駟馬靜謁東闕，南闕北休傳警，龜尾山
頭年掛兮，捷色遙，護鮮塞月，凱歌將士背述風勤
兮燕然石鼓鐵，公來央宮，來央宮兮向天朝，換天河洗兮刀甲
人刪下車，淮願樂府歌傳入漢，謠凌煙圖兮泰此垂麒麟堂
兮霍嫖姚，更憂地火蒸萬勞子，蔭妻封福祿標，青心兮
此日得意兮來時，妻孥蘇家，癡女婦，君亦兮陽好男兒，
兮來倚佩黃金印，誇學當年，不似机頗，君意兮，解組衣，
願為君捧霞巵，為君梳洗雲鬟，與為君束玉職陪，
敢君唱兮酬濾，常新，君唱兮酬，情辭，請情辭兮換新腔，
講新語，借兮酒盞前淺酌兮慢又低唱，公連又酌不酌兮
渭城釀，唱不唱兮然縣，當願醒唱双聯，與君登樓遠眺
纔受頭銜，致到老矣，慘又功名雖別，日相期相守文五年，

(5)

容易過，淚淚是妻淚，來淚愁恨綿，淚淚是合歡更少，離愁
多，別愁秋恨兩相纏，蒲柳青又酥幾何，空嘆惜，淚落嗟，
只恐白到文君頭，空嘆惜，淚落嗟，只恐花到潘郎鬢，與淚落
嗟嗟，嘆惜何以為色顏，猶紅如嫩花，落嗟嗟，何以為光陰一擲
無回返，容命薄，惜年花紛紛少，婦幾成逞安，香盦重樓語
哭殘花樓角記鮮多離，恨天不與人方便，底事到今成坎
坷，坎坷坎坷，李君何處妾，嗟君念君嗟君，君不見野外
孤鴛鴦昔似不忍離分張，又不見樑頭雙燕，又白首何曾
忘繾綣，鶼也無情，比翼與相隨，隨一生，總也無知，豈離到
老不相離，鷺鷥傳連理，處處並蓮，並蓮亦首並頭，時歡無了
驪驪抱羅衾，兜總何人生之相逢，嗟嗟搖頭之如斯，安得在
天為比翼鳥，在地為連理枝，寧甘死相別，不忍生相離，
縱死相見為甚相隨，安得君無老，回妾性少年，顏容
影隨君，追君直私，合影不遠君，後光了，妾此願又

君何所見江秋雨如絲豎數點雁送津一舟西去公
楸辣行人微没滿滄洲望中又顯入地頭悲目送樓又
下淒淒雲阻莫相思眼似處死閑征戰恨無長房縮地
術恨無仙子擲巾符有心識化石無復可登樓回首長堤楊柳
色悔教夫壻覓封侯不識離家千里外君心有似妾心不君心倘
與妾心似妾亦於君何驚惡危妾心如花恒向陽只怕君心如
流光流光一去不復照花落流光黃又黃花黃更向誰邊笑
流光不肯一回照黃花都為流光老花黃老兮落滿牆花
落如今更幾霜庭蘭兮已摘紅蕙兮又芳擣衣步前堂何
白覓天章河水翻明滅金纏半現藏織雲時彷彿北斗忽
低昂白照兮我床風吹兮我牆玉顏隨身削也夫猶他方書
為形與影兮為參與商君住雲端書騎妾處苦生鄉
蝶鄰桃黃柳比翼鴛鴦底時節織女牽牛會明月可憐宵
究竟一房年又遣妻良時節良時節怱如梭人世青春

他□□氣遊□□出□不□鐵音花顧等□□忽發邊恣
塞兮行路難，念征夫兮叢叢草，鶴聲啼，落葉清凄，樵鼓
敲殘帶傷肝，不勝憔悴形骸，送始覺蟋蟀滋淒酸滋味酸
兮辛酸，端的為良人，為良人兮集妾淚，為良人兮佳妾妾
身妾身不到君征懷，妾淚不到君征巾，惟有魯魂無
不到君處，魚不到江津，燕不到陽臺路，兮湘水
濱，記得錢當歡會處，無端一枕魯中春，此身不如魯
隱，子潼關吳子親，夢去每留驚，更斷魯國，又惡幻非真
惟有寸心今不斷，來當刻刻不離君，心不離兮還見君，傍
向幾處望征輪，望不見兮江山邊，白頭漢，草綠青青萋萋
柔風柔綠雲，當東君，色半風光，只落日半斜，營鴉一群，望君
何所見，宮路短，長亭，雲間吳樹，碧天際，蜀山青，似來不盡
半荒城，微雨紅樓留一寺，望君何所見，望見中葉，叔堆自然秋
歸雁，倒影江海東，□半□□，□□凡□□，□□□□□□

槐陰度八磚愁似海刻如年幾燃香花魂清檀程下淚盈
滿簾二分春又弦按琴指下驚一停驚風程錯雜曲中愁邊
驚鴦鴛綠點意春風落流傳乎金借力寄燕燕來清傳憶
無語又聯人天天遠來易遙憶君後又思何窮愁人亂傷心腸
樹葉青霜裡愁聲細雨中霜寒殘了楊柳雨綠損了荷鴛
鳥反高春露下低蒙寒垣使出遠寺時鐘聲殘夜
芭蕉一院風又亂列衣紙窗穿帳簾月移花影上簾籠
前日下月何何月下花間花何紅花又月了影重又
下了心中又千般懶舊事擴又女工錦軸趾拋鸞對偶雙歸
巧金針畫剩線唯雄雄擲綠道晚空拖粉樣語將朝開傳
窗情窗復倚窗郎君去了誰為容誰為誰容心了意盡極郎
春去了滿重開何雲天常綠冷落銀江渚何處恨織歸淒
涼望廣寒藉愁了為悅庚詞了為誓歡將酒愁愁又重
酒無力欲將花鮮開又墜花冥顏愁問憶為悲心懷問愁

第二妾情懷百錢千錢迷蘆雙妾留在君佐〻到妾〻藏著
妾有漢宮鍬、曾是鄰時將送來、遇遊寄君子、濕妾〻冷〻淚湯湯
相思恨、妾有秦樓鏡、曾與郎初相對影、遇誰〻寄〻君子、照妾今
秋月、妾有鉤指、鐵手中時相親、遇誰寄君子、纖指箇慇懃、
妾有種頭玉、嬰年見所弄、遇誰〻寄〻君子他鄉辜人、珍重昔年
音信定無時、今年去也稱信、你稱、我見、雁柱戀思、差傳、耳相慢自
裂綿衣、西風歡濤、無為使我外憐、伊雨雪〻寒、伊仁覓
寝、雨冷伊分猿、忘帰、寒冷、殷下忘我外可憐伊、伊錦字、題詩、
封〻更展、金中問信、还疑幾度、黄昏時重軒人独〻歲因間月
〻恒、單桃、與斜攀、不遇、況無賢、情〻下人似醉、不遇、意與情、情
懈意如病、着斜、委曲書達無奈、禧〻礎葉、腰瘦不支、畫沉又
午院行如望、又悄又難、簾捲又垂、咨嗟外窺、同出徒覬、知無聊
銀簾中、吐〻恵〻心事、一燈紅、燈紅、君無知、妾愁只自憐、又又
愁分更無言、燈花人影、總堪憐、但望〻雞鳴、過五〻夜、披掛

君桃花紅花已逐東風去老梅江上又英落與我約何所兮
約隴西兮日中兮不來溼葉嗁我鬢兮立空塘注氣鄣
喧市僑與我約何所兮約湯漢橋日晚兮不來宿風吹我袍
兮立空塘注寒江起暮潮昔年寄信勸君回今年寄
信勸
君來信來人未來楊花泠落委蒼苔蒼苔蒼苔一步閒
庭前感雁昔年回書訂妾歸今年回書訂妾每人來
每沙窗寂寞轉斛暉斛暉又斛暉十約佳期九度違誡
將去日從頭數不覺荷錢已三疊最苦連年紫塞人最苦
千里黃花戍紫塞人誰無堂上親黃花戍誰無閨中婦嘗
親安可暫相離有婦安能久相負君有老親鬢如霜君有
嬰兒年且孺老親兮倚門嬰兒兮待哺供親兮妾為男
課兒書兮妾為之供親課子此一身傷妾愚君兮幾度思
君昔年兮已過思君今年兮已暮君滿二年三年更四

不生愁、會後別、後復寒、蕭蕭漢之鬼、紛紛影、依依道古來征人身
人、性命輕如草、鋒刃下、湮人媒、鏤至悉深時刻中歷人、橫戈壯
夫、天祈山首塚、月從天、涵冰、新墳、風氣又、風氣又、空吹死士
魂、月從又當照、征人貌、征人貌、誰毋書、死亡魂、哀吊、可憐箏
聞、首山川、行人、遁此情、多少、古來征戰、餓人、逐雖起、每時與
也、詳料、想良人、馳騁外、三足、翁、一戎鞍、秋風、沙草關日、汛岐
至鳴鏑鏃上綠箏、功名百慨裡、勞苦未應、況勞與閨
誰與言、君在天涯、妾倚門、倚門圍妾、今生分天涯、豈君平
生鬼、平生魂、自信相隨魚水伴、今生分、那堪揭漫衣雲村、妾
身不想為征婦、君身豈學為王孫、何事江南與江北、念
人愁、曉又愁昏、一箇箇是風流少年客、一箇箇是風流少年婿、可
憐兩少年、千里各寒暄、憶昔與君相別時、柳條猶未轉
黃、鸝問君何日返、君約杜鵑啼、杜鵑、黃鸝老、青柳樓閣
語、鷓鴣憶昔與君相別中、雪梅猶未試、東風問君何日返

裡兮兮程兮程兮河漢恨細兮三點兮芳塵兮一望兮嬋娟又□

筆此細柳後墓無花楊歸筆柱難急臨塞楊柳那知妾斷

腸去又落梅聲漸遠行又征旛色何處望雲去兮郎別妾

望山後兮妾思郎又去程兮蒙雨外妾後處兮但旁後

去雨因顧雲月共山登郎顧妾兮咸陽妾顧郎兮瀟湘

瀟湘煙隔咸陽樹咸陽樹隔瀟湘江相顧不相見淸青

陌上桑陌上桑陌上桑妾意君心誰短長自從別後風沙

隴明月知君何處宿古來征戰場萬里無人風又打

得人顏憔悴又怯得馬歸從戍去枕鼓臥龍沙戰士抱

鞍眠兎陸兮朝漢下白登城明月胡窺青海曲青山高復

低青山前青溪斷復續青山上雲隱頭青溪下水沒腹

可憐少多鐵衣人思爲當此愁顏減盡錦帳君王知也無恨

難誰爲畵征夫料想近以經歷遐蕭湘海瀟海陽霜相杜雨

意兎穴跪□□□□□□□□□□□□□□□□□□

征婦吟

天地風塵紅顏多屯悠悠彼蒼兮誰造因鼓鼙聲動長城月烽火影照甘泉雲九重按劍起當席半夜飛檄傳將軍清平三百年天下從此戎衣屬武臣使星天門催曉發行人重法輕離別弓箭兮在腰妻孥兮別袂獵獵旌旗兮出塞愁喧喧簫鼓兮辭家怨有怨兮分攜有愁兮契闊良人二十吳門豪投筆硯兮事弓刀直把連城獻明聖願將尺劍斬天驕丈夫千里志馬革泰山一擲輕鴻毛便辭閨閫從征戰西風鳴鞭比渭橋渭橋頭清水溝清水邊青草途送君處兮心悠悠君登途兮妾恨不如駒君臨流兮妾恨不如舟清清流水不洗妾心愁青青芳草不忘妾心憂語復語兮執君手步一步兮牽君襦妾心隨君似明月君心萬里千山箭擲離杯兮舞龍泉橫征槊兮指虎穴云從兮子[illegible]樓蘭笑向雲漢談馬援君拂莊服紅如霞君騎驕馬白如雪驍馬兮鈴鉦鼓兮人行謾絶兮對面頃刻

吟吟偶鶴詩 仙境記榮陽常有双鶴素翎皦日互偶影翔集傳曰二徒夫相妒自識此以此鶴詩人作詩曰棲岩偶鶴是何緣於今篇

詩兮敵金玉宮車兮連副通吉生韵離吟隨唱吟餘酌又催酌不

酌兮酒盞剔吟不吟兮詩感旅重覓律兮韵歡杯與

振情勝兮留知諧也竟青春必再來兮年業遠青年約

子兮孫兮除春諧 二延春階勳媛完一節不忘勸我係共烈

佳兮重逢也定鄭繫新兵謂女宜豪傑

畢

(18)

合歡將、合歡將、可做佳其功成名遂定旋來山宮嵩遼山塵
馳騁疆海東海北點點䴉年萬不待傳之箭 薛仁貴詩契 冊寶發三矢勇
撰將軍中歌曰將軍三箭定天山將士長歌入漢關、
退寇英賦一詩 宋瑪極歡名鄉 何 以章之文取任、 芳名千古
采薇曲記功露布旗 周亞夫平七國記功于旗 頌謂之露布旗文也、 露布旗兮歌凱旋
建武軍中兮藏軍兵金錯稱竜命、後漢末武陵侯作南征將軍賜金錯刀一具、藏之曰不用命斬之、唐高祖
起義軍旗以限元帥將士 將軍書李光弼元功第一 獨播元功千古美 同休西江億年馨一
門大小連榮顯 今福似無萬年 成我念穠纖守負義 弘
漢光武曰糟糠之妻不可下堂、 娘常中櫛如常儀 對娘到老長和合償娘
前日輕別離 爲娘裝粧兮面畫眉 鄭谷詩東樓女伴笑、翠笑剪紅 花無爲眉 劉趙女多爲眉、
萬眉寢兮夜懸復夜 與娘情熏熏觸禪子 香爐名 長子巧護作名 傳言香爐的橫熏衣被中
背香故名禪子 出西京雜記、
與娘無夢歲年年晃 和娘過兮叔 鴛鴦曲續娘文

鼓瑟爲鳳舞鸞飄已　遣志分仙棊黑白　圍棋詩云縱橫一

鼓瑟隨鳳出喈　局面黑白双交馳濃情倚

匯馨、深淺、重重、變千、簪、小句、芽、我豈觀、幽、簪、金衣中、花、覺

發、宋人曾見金衣中生兩萬薔薇花　莫蓄懷裡朵、双芽、豆粒、何石

後又得嬌娘、有子妻、與之偕老

精、東方朔傳云鏡者金之精、紫石之精

業、表明日光裡的影量兩人對也相知此意　對照、芳鄰屏何少詩云好

人、分嘆此事之難、鳴、安得聽琵琶爲少年樣、吟、詩爲少年

情、君生無願、遂不善尚冥、又還爾天生我、不還我做來生

王、新奏上帝詩昔我來生時冥、又無所言天既生我生我復

何、善無衣使我寒無食使我饑還爾天生我還我來生時、安得娘

生、遂願我生榮君娘有願兮我同盟娘有心兮與鏡

學粧兮對我鏡、勸娘節、不主、私情、烈女情懷一、勸娘心、不

波古井　古詩妾心古井水波瀾誓不起、打蠅付錢日算行、我姆有述詩閨中寒窗無

鄰無聊可磨、日語打蠅爲付錢行年

挑、晃、俺搵戲燈影、南島女子夾棧戌　百無見昏燈影、天也生人、不、孤、離、離時更消

1z 7581

1	F21	26
2		25
3	LONDON TRANSPORT BUSES	24
4		23
5		22
6		21
7		20
8		19
9		18
10		17
11		16
12		15
[illegible]		14

流光変移難信彼蒼又忽（蒼天是天之正色）出莊子書、況復是一信

真千憂假、出古詩 況復是一百年恨短五更長、古詩人世百年從恨短說來無多愁更長、

更長憂假兩傍偟情猶何堪聽可憐從悔恨、杜甫之懷每

恨將謂何此生不学作農商勞擾將讎何當年事

舞刀鎗徒往年勞戰場白頭易換少年郎 曉鐘敲殘夢

說切鄉心滴碎雨声轟急君何覚辺情苦不得毫形職縛

右○第一三年作、收前詩、說令他鄉已十霜、故園每望樹蒼蒼、又杜陵遠憶草堂上、

偏令空一鄉舊怨、曉鍾敲殘夢、說切鄉心、滴碎雨聲轟急轟利頻、

何時解寒着、推遠甲子從、倉舍昌中三辺將、戦嶮防辺僅十年、其妻使

氏鋪園文作筆形詩、謝闌進回、蹊離已是廿年、霜對鏡那堪更記、在演

尾先日修尺素見霜相更萬製衣衣、嘗表來田尺素先寄逆使、製成衣嘗表更斷

寫律織箋形融天子、願教行宮早還鄉、並見詩召聯還、

織他織悔未敵王軍、為我守軍為壞、娘不記、樂與女年時、

回花對月再吟詩、記得逢大年日、無舞風逢取鼓、狂亡趙之

娘情能使我回似我亦怜娘失修春我情以鳥巢南枝
憶我詩越鳥巢南枝
胡馬嘶北風、 只恐娘情似葉影，又恐世態失文字 人情似葉影 葉影一般雅
不復答葉影不像南枝答南枝只會葉影意南枝意
可鳥不離，鳥不離巢已幾時，何識何已歸 古詩 歸青錢
花可又稀 古人蠶詩云玉蟠奈又委冰霜 帶中竹恩影詩 出古 夜憂敵岐
詩 出古 天籟敲雛雀胡笳亂子知 我復澹襟雪詩 出古 梳頭滿
面綠濡是他鄉客故國甚時歸 昔猶針拾落今猶日照
葵 娘在鸞房愁眯慎我逢雁塞詞縫幃 梁州記比有雁
樓巢故因名又 神仙傳麻姑謂王母年早自撥待以來 塞山又有帶雁
顧芳号雁塞、幃中想到更田海 滄後之變為桑田言變移之速也
可惜難逢好机会 曲鳴金鑿又彩 好机会，歌吟彩鳳双
双対 征人辫髮未成辮 古人遠寄詩辫髮班辰 昼乱歸墨在無 閨婦娥眉稚
點代黑，可惜櫳樓花秋又燕了好机会 好机会遂

誤羅聲落然、雁半鐘聲到客船、

滄滴更○古詩雁嗚再喚出千里、東一鑑流恨水、○戯別詩第五捲東流恨
愛竜臺滄碑五更出、

北岸結愁亭○春更玩草春為情 ○戯別詩美通清波度易
水皇波岸北結愁亭、

萬里重行又○古詩行又重行又、與君生別離、將去又萬 得緑波春草春傷情、行又

一路多古夫一清、道路阻且長、会面安可知、330 望家何所見○

馬影趁桑○東方朝千卌、起名登高中、目禁是程、老少巷豊標玉荷
峻千枝千餘、関西好花扶目在、

池荷沿香是日長、思似歲長、○古詩日長 335
似歲長間、行行幾字復行行、遂事

将轉幾行意 望徹雲間文木間○信字此衣、潺、止一宗天流一
字行之扁泥

西荒繞壇頂可處是郷問強 340 ○女禪白雲花下以程 ○太真安士女百仙
又女古 紺時乗白雲往

遂之 安得首中老以不述○封書 水娘曰懸載宗青中返郷里望之二
海、 十歲者兄道路、首婿便以業授之、授之留意

不以性居示 與書兼結遠○関書文貴遠錢年〃知錢大宗日之二公○
出仙傳、

我命文注 命被旨
後之△英榮我情閏〃土遠懐情、習岩我欲上口〃

沙雁歇到怯怯足乡新寒新月似孙芳偶只同去不识边[illegible]
向来征子围攏穿四月不[illegible]潘笙上潘[illegible]宫中月望月雲流
帷中促诗[illegible]中不能寝起来吟咱秋船[illegible]照我室南方增
中唯蕭蕭[illegible]明月清风吹我襟愁人独寐时相对望莫照索
城相乐从留[illegible]妻嫦娥窃药奔月[illegible]笑到嫦娥恒无语我只来望上
蓋寒宫[illegible]天空更远争明生逢[illegible]寒
清虚之所见素女嫁夜蓑白露月视素娥置对面月
怨素娥收容惟有面容[illegible]我望
无穷来见远望山间路望家乡[illegible]何处见[illegible]
烟缕又蛾眉[illegible]但望之叶敲风[illegible]湘渚是船[illegible]通[illegible]东波来
诸向东流载一秋楼湘月乡音下矣[illegible]
船离回川西[illegible]题诗[illegible]夜[illegible]
云公以女妻
乡女居地楼望我何所见山[illegible]
垂方钱别诗[illegible]楚山别[illegible]
边信乡良人去早成远水但碍以下字尽缺
有云遍李白[illegible]
[illegible]

(5)

春娥二詞嫦娥之往事悵恨在往處之了 仙霞程何處 …

郎重來思玉女 漁父因放船至桃源所見群仙圍棋仙以桃子啖之食後返家再來不知所在何異藍橋名

復到憶雲英 裴航遇趙夫人賜詩云一飲瓊漿百感生玄霜搗盡見雲英藍橋便是神仙窟何必崎嶇上玉京又至藍橋

遇雲英娶之後思家室各處異 叩問老人曰我父量悠之為海

傳來首此姓名然悠然而去後至藍橋已不見其處

巢織之嫦娥將問月疑愁淡月嫦娥影將呼天叫悠遠

織女星愁悠既為織女之秋悠不為月天鳴執黃戲之

懷鼓舞操戈之懶縱橫憶梓里之幾秋螢 古詩百年以白

髮之白 五秋螢 鄭園之悉啼當為聽至能觀支正為 無法門外設

支正居以覓延

漢在支遁錯作使 越山回顧短長亭 驛路名曰短長亭古送詩宮都 青又莫回顧短長亭是驛亭之過

巷牛夜愁笛鄉音 幽禪鯨吼惱鐘聲 童有丸子一日蒲牢其性怯鯨見吼則鳴化鐘聲之上

蒲牢其梓作鯨鐘聲惱之山寺清幽情還家惱為園之房之園房

收打之其聲

之聽說雁為園之房之空嗚 莫之鳴歎 斷鷗為之 …詩之…細之散

肆鴨塞飽鵝西又三三之池 毛詩三三于盡得人主之翼

約半生不返返爲田爲田音信稀 毛生一地其別 娘敢織愁

綠鬢絲絲繞繞人懷娘娘悠悠又了 爰若魚投色里恐心神教

似鴛鴦侶無知處家群 孔叢子 子高遂趙返別故人各相謂

子高曰人生有四方之志豈鹿豕哉而群

留客住了小雨笑人惜了孤雲 古歌別詩小雨有情遮客住孤雲無語笑人忙 同

照征輪霞落草裙暮山焚句朝樹煙薰漏橋波似箭

南浦草如裙 二句古餞詩也 杜淹餞別賦 春草碧色春水綠波送君南浦傷如之何 雲梁 程填

白羽霜濃戰甲沾紅塵甲肩霜中霜自沼漬衡雪灌

遶論雪霜又雪了怨紛又雪衝霜了心隳惑一回

陣唱三軍歡詞智固漬棋懶打雙陸馬雙欺許 奕棋法筆雙

成求書畫寫西文鄰 左傳許我是許和之詠 人行步是違 敎張詩西園之文鄰

夫懶欲望家遠鄉屑嬋蝴蝶又蝴蝶猶在家誰

愁[illegible]黃[illegible] 畏[illegible]恨[illegible] [illegible] 大[illegible]

趣水洞仙山[illegible]鶴有[illegible]繼可信知[illegible]無聊[illegible]歲[illegible]

[illegible]來碧山頭[illegible]回望[illegible]時[illegible]青山[illegible]意

憶中織白紙 吳仁叔寄王荊公語 織白紙 妻王氏寄織回文[illegible]即爲詩寄云[illegible]

下[illegible]織封一紙[illegible]題[illegible]想仙郎[illegible]別恨憶人[illegible]宮中

[illegible]眉[illegible]歲[illegible]娘 金刀裝[illegible]寄[illegible]衣詩[illegible]

只有[illegible]相伴幾[illegible]人[illegible]

斷 金刀[illegible]無[illegible]乾[illegible]衣不[illegible]覺[illegible]依又[illegible]

庭[illegible]聞又[illegible]水[illegible]古[illegible]詩[illegible]織中[illegible]

[illegible]

是[illegible]古詩[illegible]城外寄[illegible]馬

[illegible]朝雲白[illegible]

[illegible]不[illegible]我[illegible]情似[illegible]情我馬[illegible]

[illegible]年[illegible]不[illegible]子[illegible]別離詩[illegible]

射[illegible]

[illegible]不相離 去住[illegible]親不[illegible]離[illegible]

[illegible]時[illegible]無[illegible]詩[illegible]

儕是佢身邊想个十長，儕是佢身邊愛與匪望屯[illegible]楼

望中莫匪安走，老為望走，欲得見雅安也，欲得進歡喜土

我出生只有樣，生我生只[illegible]園達樓，養[illegible]可[illegible]楝建

老同湘國，榜撞[illegible]娘高妹在蘭桂[illegible]恨，永國妹西木

娘身愧我思娘也錢，思娘更[illegible]顧，自由多金

魚對情祝[illegible]

思娘日日伴年[illegible]一年歲，來在人手在我邊邊運年

英主遠[illegible]安得年師，與[illegible]闊風[illegible]我[illegible]情[illegible]載達

發[illegible]玩德奇，[illegible]是與娘和音安得每家早，娘[illegible]我心

情撒書[illegible]感[illegible]人

三吾[illegible]加琴能，我自相志[illegible]是[illegible]對，安得每

[illegible]青[illegible]是日

家中[illegible]運[illegible]在我[illegible]是[illegible]

相[illegible]安得[illegible]年[illegible]

有楊[illegible]在黃鷓鴣[illegible]志似影鴣面的心

此因吾[illegible]

如縣[illegible]正[illegible]山[illegible]別[illegible]離[illegible]曾清[illegible]

[illegible]

吳娘訂後期，我訂稍又[illegible]說其[illegible]花斷[illegible]

[illegible]由堂已作[illegible] ○秋[illegible] [illegible]金龜係衣

住蓮蓬 ○海[illegible] ○秋[illegible]

[illegible]說其蓮蓬[illegible]從南[illegible]走 [illegible]約娘[illegible]別[illegible]

[illegible]又照[illegible] [illegible]月[illegible]來還[illegible]

[illegible]字下[illegible]

[illegible]清[illegible]

[illegible]書見到[illegible]書[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]千字[illegible]

[illegible]十八[illegible]

青女帶才子服 青女圖 意一思一寬進佗 叙繁縷樣抱粮恭嗣服珠之

應寄書函 神君 一時聽因請寄門底 上春頭上有 說過其他八月日 孩共娘半遠

任佛心凡思愁之鋒道屏淺生何部懶向屋種 使花樓一個洞擦

茶莊 筆琴管鼓幽愁繁描摩人鼓風患 繁抱在人鼓愁思茄

鄉墻 臺自彈琴 彈琴促管鼓愁多 柳岸 絲岸柔指推 挑墻花色

指催晴

換 小舞往帰塑夫 草色一花香 徒鋪魯 花影點瑤池天涯引曾

由拾天里事苑之香 小巷精意催足之拈錢 多少人但望得處 遐想過芳枝

起畫暮冥 立走翼天涯不知所在 漢文記

撫漣澂流一琵琶 鏤紅線漢玉畫跡羅 銀紅 燈底 只不見掩把 果甚哥

也之使思也乃至 歌梳塗鮮 為頭千數蓄 點靜萬遲多 數與歎

思雖故田夏已

只因知娘 之愛之心 我聽點耶點因拋男 點舊矮已之意豈文

子難為淫是非 臺無對 男是獲已那 漢兩相窺我心

不願要征甲娘 豈學詩征之 何事平生 樂學遠就之事之

遠詩娘來 這也家後倩女我亦是詞門便有旦 雖其間之消

（13）

我以華[illegible]

鄭氏[illegible]情[illegible]望[illegible]障頭人、古詩三[illegible]達[illegible]使壽吳淹頭人、[illegible]頭人，竟頭

人我情境意雖然然[illegible]宮[illegible]因[illegible]悲[illegible]凡書[illegible]夫[illegible]

東征[illegible]情[illegible]年[illegible]閨怨詩[illegible]鳥[illegible]思[illegible]

細香輸[illegible]中華幽愁[illegible]萬解

流[illegible]做[illegible]影[illegible]連[illegible]代[illegible]指[illegible]

[illegible]對[illegible]聲[illegible]遠[illegible]詩境[illegible]聲[illegible]完宮[illegible]封

類[illegible]妾[illegible]婦[illegible]

歸字[illegible]遠[illegible]如[illegible]

車[illegible]復辭車[illegible]相[illegible]賦車[illegible]詞

蘇氏、竇滔妻蘇氏，其夫壯茂，登山望之，

後化為亞神，留形影，人謂之望夫山，可搆征婦望夫之情，遠水長山

何處是閨怨詩[illegible]來[illegible]不寄[illegible]

[illegible]返速來長山不外[illegible]

又妻遐[illegible]閨[illegible]洞房[illegible]鴛鴦[illegible]

樓栖向隅[illegible]

詩[illegible]

[illegible]

wù hài
hài pàn 去

纓、雀去躡韓之陳之詩云單生喜於顧之作樂中華、得匹玉人 靈之自奴之衣、莫
織手處、禮主故逢春夫婦之色時結同心纓、出檮縁、
聯我、歡情日己
去、好鴛之有姿之美、開我素之句。風首 少女、面對面兮言不斷、于
之手兮去、淮常、我心意、妾纏頭繞、我郎山上妾山下、嫁 出毛詩、西山故河
纓兮拂龍蛇、書樓貴妃被祿山漢亂首纓痕、乃佛祠子、乃出字也、故祠
結出纓以蔽之杜詩、雀擬日影龍蛇動、 結戰袍兮驅飛
亂飛戲
亂社、一從禁寶壺有刀、一回課國年机林憶、娘半梳、長霜相侵、憶
娘半解、惟有個郎歸兮陵霜年梳兮幻忙、鵲橋渡之千文、秋七夕、秋
渡半女去 又鵲橋
淮東子誅、烏飛遙兮參商、參商二星名、晝出朝光日東升、燈、但兮草洞光濤
一則參星出日西降則商星見、
兮行人行人一顧兮月娥又一月、延兮遝遝到復有定兮東邊西、又延漫相道
娘兵、送復由那歌戲之神德不久歎、淮以路 貴長房學仙術、畫公以杖借 千里、收尼日頭
萬之無巾之漫津、雀生入山逢仙女為妻、留逢宮見之再妻、唐山至江津不可渡、鄰中有[illegible]橋以渡、娘、憑我之
箕青鳥、我婢著青衣 謂之青衣、我思娘兮望紅樓、娘返河而帳首、我徃邊兮
雀、鍼新[illegible]意、箕白翦、一翻雲、與王魯兒織錦、為行雲暮為
行雨、朝之暮之[illegible]夜、意

征夫吟曲、

詞誠作征夫吟、却註明白、

淫雨溟英雄尚爭。輕又太虛兮誰橫戚。氣學爲天輕又太虛、塞北百江酸欲

馬、胡馬欲江津、海南無比可沈淼、海淵大鳥鵬既跋浪成龍、蜀噴珠成函海水蘊動、樓閣旗下羽

微星馳大將營。凡兵事緊急必以羽檄徵兵、取其影速之義也。〈緣地黃池尋甲兵、皇城早進

聞催使征人忙戰、說家事。旗鼓兮將兵梳金象兮妻子。翻又旗鼓兮

拂新愁帶又馬鈴兮鳴。昔思有思兮似桃、有愁兮似麥。細君年少

眉訂楣。細君妻也、辰人賀楊忠 諫楣公有女作訂楣、禮奠鴈兮語儀度。六禮有納采迎婚奠鴈、蓋取其清潔之義、

合歡双唱和鸞鳳、鸞鳳比夫婦和合、一憂連逢應呢羅樣粧堂粉渾詞孝尉

綿蠶桑儘樂爲。話鄉點橡肥家道、鄉礼記言夫婦和家道肥、王渾海妻鍾氏白樓屢愛鄉玩以

蕃將王師出帝畿。帝畿城、金鼓聲。金鼓鳴兮戰士行。行兵之法、以鼓進以金止、金即

蘇娘處兮心離離、娘緯指兮我恨不叩、華嫁嫁妻兮我恨不

LES MESURES FRANÇAISES ET ANGLAISES

des	en	par

des	en	par

LES SURFACES

CARRÉ	
RECTANGLE	
PARALLÉLOGRAMME	
TRIANGLE	
TRAPÈZE	
CERCLE	
SECTEUR CIRCULAIRE	

Việt-Sinh

Hành-trang cụ Phan-huy-Ích

(lược dịch theo Gia-phả chữ Hán của họ Phan)

[illegible] đổi ra là Khiêm-thụ-phủ, hiệu Dụ-Am.

[illegible] 26 tuổi đỗ Tiến-sĩ.

[illegible]

[illegible]

[illegible] chiêng vàng giao cho sứ giả mang về cho Tây-sơn.

[illegible]

Cụ lại được cử hai lần đi chấm thi Hội.

[illegible] cũng quan tước nhất nước, thực là hiếm có.

[illegible]

[illegible] Chỉ, lại uỷ cụ chấm thi hội khoa Đinh-mùi.

[illegible]

[illegible]

[illegible] Thừa-Chỉ, phong Tước Hầu.

[illegible] lại.

Vua Chiêu-Thống ở Tàu về, cụ lẩn về ở nhà quê.

Khi vua Tây-sơn lại ra hạ được Thành Thang-long, mời cụ ra [illegible] hai nước chống trở nên thân-thiện.

[illegible] làm giả-vương sang, nhờ cụ đi để ứng đáp hộ.

Theo lời biên-tập trong gia-phả, thời ngày I5 tháng tư năm [illegible] điện Kính-Thành, Tiện-điện và nhà Tứ-tri-ốc.

[illegible] sách của cụ.

[illegible] công-quán viên-minh V...V.....

[illegible] lại theo vua tàu đi xem núi vạn-tuế, ao côn-minh.

在翰林日，寒約帶為公友，給諫廉麟章以為常，待人寬雅，推誠，雖居貴顯，士夫皆樂忘勞，尤喜獎拔後進，惟惡躁競，嘗語兒輩曰：我初登朝，承先公之書云，凡子當咀其自然，不可僥倖，此宜奉為持身之寶。天性忠厚，歷閱世故，一遵義命，得喪不入于胸中。晚年雲遊設帳，樂以忘疲，學者中舉人、秀才者相接，今試新科登進士者一次科之歲，譯殆未可量也。所撰有吟餘文集二部，又嘗演征婦吟曲，今為人文士所及，詞里男婦無不傳誦云。歿後，本社追從遺愛，是日里役具豬粢，奠酒諸祠堂，晨拜及今年為俗之節。一共四章。先公同公生下男六女八：

璧、瑤、[illegible]、洞、湜、堌、淫、清、

璿、瑶、瓘、珖、俊、瀟、瓌。

及尊帳別遊器祭因物惹為樊徽此處史寀爺各處尤為
婆楚仲夏本邑吳氏暫構草堂奉安到至仍遣諸行看親
原者傳為貢去木六費季夏買前宅一座開構左堂中為營
造上堂膳辰三護尊帳安于正寢年來尊体深居靜養
寢於常雖嬾于言動每接眷屬必歡笑聽詞壬年年首
十七日夜忽輾轉欠豫遂況卧連日晨餌湯藥而無所顧囑
親眷各支子孫二十日奉親山堂其日戌時壽終享年七
十三二十六日權殯辰次男三男並仕京官三月聞訃北出
閏月初十日成服下旬詞殯四月十一日窆厝于本社鳩嶝
兆考山丑向公手格毅然襟度寬曠平居甚和易至於臨
莅厲慎密無敢毫髮遺忽每值家廟享祀祝饌品祭器必親
爺一夕致虔又檢察畢孫諸姪等之撫育婚嫁之事復徧公

生謀讀移館乙丑春復就青梅故富烟花再供職詠南子夏回 1816
山適值總鎮發委員邀來城館教授諸公子城庸學律經
訂甚衆癸亥公亦辰就族論每有文書公務輒憑指撰在城效
年親眷族便趁便次男圭岳公登年奉使去回均得拾館
館陪候探見欣悅丁丑季冬山邑失火延及本家伐當訂生焰
補營構第宅之歷己卯公登七十壽臘初自城館回山誕日
祠筵稱慶事狀續編入慶壽集尊体自發有感風痿勤
起居稍倦是年秋又重感風神体愈覺衰憊慶礼既完
見孫諸留山調養庚辰春委諸轄訂辭都城館是年奉
聖祖仁皇帝登尊此城官委邀就城論祠告哀請封事宜隨
詣參即命書手記之國曰古所謂包言意甚如是當二日又延
山夏五下旬邑中失火延及本家及祠堂家眷慈奉神主

校咱講每夜初更半並集先詳詩稿次講經義四更始罷輦以
爲常城外士子亦咱入講鎮官執孔甚恭供給優厚到丁卯夏
閑在城有謗議講館者遂辭返山戊辰夏武侯緑子廉留寧
寨公垂念前情公遂寓瑞璋以便省探伊坊紳長及士子
總留設帳效月學廉帯帶繼適有石覺學徒邀回設帳于院
含之壓村垂十赴館已巳公登天自見孫訂生備優禄慶
具載山堂廣壽集承尊教云我能歷艱險之徑存東見孫
琢拳壽眉亦娛曠況自此復号紫山遺老居壓館廉給
帯繼庚午中春自先豊富川與青梅上下二□含詞來詩其月
設館于下村館所園池頗亦爽適癸酉中冬偶感風症左體
筋脉痿痺医治經自年愈臘月四山甲戌孟春安朗天孫含畝緜
之于菌村以是邑請邀設館其秋伊疫作學徒解散上游諸

以備顧問仲秋朝謁以彰所指作遂康棣衛將指寶廷奉上諭
於道之季秋駕回京下禁衛引送之名先行盈冬抵京各乾
年案中各案成例部錄奏奉硃圈之名諭令赦免令比城
委員遵元四札付奏之名應隨奎治發 1862 交詞春上諭委員此
之名已經准寬赦管委引赴城仍咱總鎮分派遂隨委員發
程抵城當前革案二月按设释遣出城任瑞洋坊月底返山
風濤既岸蕭洒郎園跪食朱羹罷如也季秋天朝冊使巡島
城官催報道候在城以備詢訪仍寓道门廣盈冬駕至鎮
院引見予秩在奉鄉詢使務條件仍論邑給六鄉凡詞封使又
宜益畫訪伊員計议取旨奉行又奉稿撰表東齎道經奉
准同甲 1864 子春冊封乃竟告謝回山乙丑季夏東上鎮寓武
候備礼委員邀就鎮設講帳爲纂新館愛春秋經解年將

将特分再学。庚申春，北避，初頒旬使來，一名大臣展與遇構奉
差董理伴送諸事件，月餘宴餞遣回。辛酉春，多北城官招 兵部未與化私授
撫為體念諸富春助兵，公奉從渭演歎接中夏壽京史宗，
駕幸北城，公奉領刑部事，尋兼禮部，展頒使再來，仍奉敕
接並儀國書回咨，贈遺遣還。秋中陞禮部尚書兼掌
樂正同鮮刑部公務。冬初奉營建圜丘子棟多役，冬初奉陪
行郊天禮，季冬扈駕出征，壬戌元旦進邀紫禁尊禰所筆賚
散遂還師。其月耶宅延燒，凡一家書籍及累世留來文字無有
片遺（至於傳為集引志幕及至行茄讀散被獲）。准賜帑錢三百貫以供營造。初夏奉撰
西湖擇地建方澤壇，夏至陪侍祭地祇禮，季夏令朝兵進退，公
避往城外下回。高祖帝駕為諸行在，下詔凡西官降帙並在舍
客。初秋，公與伯舅吳公（且仁）安隱院，公世壞此後進謁，首許扈從回城。

慶賀部正使遼解刑務尋北使措止遼河蓉城郎架蓮遼池畫亭
扁曰蘇真覓晨夕燕息其間吟酌自適號蘇真道人雲陽小酌以詩呈大學士希
尹吳公更相唱和月底集成第秋詩陣凡百篇仲冬遼番回朝丁巳季秋景盛帝親政公奉敕
親政詔文子各屯鎮及北城到城很諒郡第經歲題閱已來遼
番進覲季夏務仁城被困孟秋扈駕南征到蔡曲江圍城已陷後
遂留耀郡勇郡按撫和義界省西返中秋二師兵諫奉起舉
朝恨惜景盛帝信蔡文屯之言殺務仁省將蔡忠又咱胡公權誣構敕太傅阮氏劉又陳公績胡公耀陳文紀以務仁失守務罪文耀矯詔令勇執
殺之勇以示耀耀大驚引兵回列砦香江南岸声誅君側之賊公奉撫諭詔國音傳曉譬了理
遂覆入省緣言擢詞進稱許令責詔親來面諭遂單舸直造軍
次太傅擢君將佐來會談話移日他各降心順氣四更歸寢殿
後氣服自二師入朝表請洗雪太傅訓緩願忠鄙下依奏君

在家權攬侯翁季夏奉陞內閣侍中御史孟秋西帝上寅中谷山
陵禮說嗣君差伯舅公兌來年告請正使乃翁公赴北城總理使
事。癸丑秋覲措夫人變禮說中春赴闕上侯翁交送使部初赴北[illegible]
闕接得交使來信迎即回城仍派別員同使部進關在城覲措月餘
驛館寢園一一安辦孟夏初北使就城行賞封禮致日……
行弔賻禮望日北發先點有當一切使事咱得……………摘中
接。至點可究下詔褒獎有引得北使落入衛……[illegible]構碧
講坊完。景興己卯先相公建營宅子監行三左紙公重加修理成……
是年蔣撤撤城至點撤使座一座移前依加工造作。
……侯翁迎使部賣回欽即初各營建山貫祠堂二座腊庶工
竣行　廟禮展[illegible]護定內閣員各署入侍每番六个月公等第一番
甲寅中春進覲秋中春赴北城涖事。己卯中春奉監督山南場
務秋中往闕上交送使部點冬嘉慶帝受內禪丙辰春奉竟

珍玩外日三次賜食前後二次內品中次蜜品果以常進自奉
御宴筵聲樂迭奏初九日駕幸萬歲山昆明池奉賜扈諸侍臣
登樓船上層遍覽御座御製石詩文既抵山岸登山巔延壽寺又山下畧
漢嵩燭行移日出嵩奉賜珍饈再歷覽亭榭十三日朝萬壽禮二
十日奉旨賜回國賜宴正大光明殿特宣至御座旁親酌碧玉卮至臺
海賜之奉御手撫背眉稱係伊將教處二十二日自西苑公館發程回
國 詿 慈 中冬晦日回轄遍閱至京北鎮營跌墜傷左足表請暫留調養
腊底回山辛亥初春邑中大夫延及本屆宅尋後來城委家屬再
構草舍以備歲時回住秋中詔級敎道皇子箴劃入公特公鄉談來
瘥宮圖訂庸公為築邸于城內并賜藤杖俾便入講初冬奉賜鄉
逢公仍季冬改折等墳于恩榕村校旁姻 壬山丙向 去年公被定疾憂二子寓 劉公橫罹班命人皆指先
貞不去初冬五弟右震公在家貫
奉差數年公亦驚子特別擇吉穀葬 壬子初夏奉召回京其月大人循帷

八旬慶礼藩邦悉會仍先馳諭本國王親臨祝嘏多方推阻弗從
遂擇吳摻稱國王入覲然公為陪臣隨宜酬應因地討四月望啓
詞其月上旬公自城回山預行祭堂小祥礼忙赴使程星行進熱河返
燕京逐宸光而覃寵屢皇華奇遇翁方來閣具見星槎紀行集註

(1790)
庚戌四月十五日出關七月十一日抵熱河陛見乾隆帝御賜國王詩
奉旨進和　陛批詩亦嘉獎十四日奉頒國王與陪臣御詩題扇恭
和進呈蒙賞大緞一卷箋紙二卷筆墨各一匣十五日奉侍御閱
文武選在朝元門說奉特召入內覽看經漢泊敬誠殿入便殿謁四
知屋（全本四知說蓋取易繫知微知彰知柔知剛之義非楊震四知之謂）十六日侍宴清音閣奉特賜入內經勤
政殿謁五福五代同堂二十日奉旨先回圓明公館待駕二十九日駕
回候迎道左八月初一日至初十日連日侍宴看戲每日四更趨候朝
房卯刻奉御陞寶座使部接班侍坐未刻看戲畢隨賞遺賚

加中使責問先相公且以威脅怵之公不得已返回山堂請命兩尊
意許府親屬遂還免勤隨君赴城另討自日奉敕仍承旨職加侯爵封西
君返鄉令維行進侍到營桃告府請留本貫調養初秋旨撥扎起營
桃兵追送回京不免奪尊請應兵抵京奉護進尊大礼其冬陞授刑
部左侍郎仍給收穫社民兵十六年隨侯乾北城應答北朝文書
令北兵出送黎帝復國公避居郡野已而西君提兵復出進克
昇龍入城數日即遣使催君公赴朝奉敕給康祿食田三十畝加給
瑞[illegible] 主社民兵十五年冬西駕回准公留北城公務是月丁憂表乞
當家守制孝充因而春北兵敗還新朝以邦交為大緊要特委公
室封礼西君假他人妻之與伯舅吳公同領其事既而詞章往復勤中窾令送賊
西國之好中秋奉往奎謁候接北朝冊使陪侍宣封大礼中令監
90 考山西鄉試庚戌孟春先相公葬礼完遣同北使之京慶乾隆帝

招募入衛皇家、方招兵于文安、吳武成道暨文安集義稽穆鄉貢武生員後亡命西山是年司西兵起遂西兵趕遂遷塞
旨四本貫、招兵入衛、晏都王槰欲令文安督視營俾中儲隊兼督理清乂軍務前
往討賊、閏九月進赴清華之巨廣寓所、傳留暨飭軍需招募義勇、
四百人、初冬進巨岩海汛屯扎、展經亂紀人情解散、本屬十七奇号並
逃迴不赴、聞武成道已擱出黃、槰仍携與督鎮諸郡、公進嚮至高汛遇
敵前軍驚潰、備郡陣没、公單騎尋路上京、數日敵將追及、康于楊舍
軍寨、月餘、暨司兵進京、晏都王出奔、[illegible]皇親政、以暨平章軍國重事、公回寓、暨裝繕發、臘月抵
京、入謁、丁未春 187、除山南處行參政、尋陞正四路翰林承旨職、權攝憲臺、
恩眉均霑、初冬欽差令試場監考、第四分中三場、令以栽格太固、嚴試欽差讀卷、來
戩西山大將武文任提兵北出、阮暨進嚮于青漢江、師潰奔還中
冬、皇駕出幸、至洽海山、西兵追及、皇駕先遁、暨洒漢追及被獲擒送京都戮之、公奉尊帳回山、戊申春、留藥
寓于山畔、田洪屍處、迨西軍來城、西山政臣陳文紀素識公、勸西君召用、紀廣作貢
士、盛王曉年赴京、令試書与公參級、敘甚見敬服、至是薦西山政臣、初夏遣員齎諭旨來山、公潛匿崇邑再

謁還鎮癸卯夏因感恙來京請留調養秋奉差山南揚左鹽試中
參先相公自高年奉旨召回甲辰春奉敍陪從趨庭拜受信所感
焉自新王郎政伯舅吳公　壬　繇庚子案遯隱玄幹之歎公有題詠公詠以風影相說
去夏啓乞辭休歲餘不報至是始放仍令督促就道遂乘舟而來京
復赴鎮耶仍於江津連結船筏舊房屋山岸上構兩解賜頓兵仗文案
憬行省驗但寄與雲水詞中參奉董理多筆山陵事再盛王碑札
奉鹽題列聖位己巳夏解任來京秋除清華憲察重陽後發舟
上官護訪首景發於挪山詞設竟額嵩之前附職江流講起小
庵名双樂覓山旁建立廟耶夏屋迴廊景致盡佳丙午春工竣遂
扎舟船赴京候迎先相公致仕錦旋夏至寒所歡奉鐘自尊駕由
陸還鄉夏季先相國富春有警奉駕北融公邀留晨夕尋調京
宴遂移寓村洞秋中陪先相公欽迎顯宗梓宮于江津仍隨侍山陵礼
事訖回富貴輕舟奉蕃駕隨聖帛船進京朝謁時說聖受寵旨

頒敕命并各物件交伊委員賫回切寫頒敕命院文武各官虔鎮守泰郡公集人工各萬郎中另外等職幷寫旨諭詞與

鄉賜金緞金錢等項經回護事乘攬遊覽季文之回朝奉准放先與徵撫公

交委貴領回

以新進荷蒙知顧為當路所不悅丁酉季夏出為清華督同 主諭令暫行補外加練政 冊

辦乃問憲使督同俸贏豐政直對督同

育巡司之利遂命公出督清華尋充清華場提調己亥 79 秋滿回京中

秋奉往諒上候命接領北使回國時年峯公督鎮諒山又得承便貼謁

中文奉差公試同考第三公額中三場 公以裁格出闈 80 庚子春止庵公登第歸旋先相公自

閱海營回讌處公亦請回貫省親與止庵公偕行月餘進京仍以翰林奉

侍特准再入添差知刑番秋再准先與徵撫辛丑 181 春先相公蒙自順化

返命抽回署理兵部時公在番僚次公官翰含聯纓朝著當世榮之

初冬奉兼內閣修撰 82 壬寅秋奉准清華督同諭令暫假歲月引導新

員當復寵召 辰王会新擢武員者署留守旨擇督同廉幹一員委以鎮務政直果次討請俱不允特以命公 公登朝以來四度廷

毀唯刑番清督兩衙亦仕路之一奇活也是卷論至為 楷文 總銜政公進京辭

大化權公光祖同歡試賜同進士第七名年十六全年二十二序齒爲
小壽（香西元）少隽雅膺主歸提就海鎮爲留語老榻公貴節旁申著初回鄉
世科同執慶隆門沼易鄉公意纏綿元此省科目以來所未見中
友登進京應制額第一奉賞青錢十緡准初授翰林院校討尋署清
華道監察御史賞奉書經帷講對盛王森深加獎異中秋尋遷差
知刑番季秋西山長校院文島後祿泰德帝委員詣富春因表進方物求
通欵其情僞許受隱典奉四日嘉遂差安幹文臣同本道官區延边
務時先相公協戎同海府信饒以應選鄉筆改命云諭云此事須
面受机宜事完復回面陳且許便道省親危爲兩安於是畢次召公尙
侍揖受方畧并敕令揮紙各道準許便宜延置道員展起行公總督
係郎蕃重委送程經節人皆羨少年寵命之尊到潤海歡陪尊帳
及抵富春大將以下帶將兵象出城迎接入城安住公閱規措似奉

潘家世譜

第八世祖、

黎朝乙未科進士歷受翊運功臣特進榮祿上大夫禮部尚書兼掌樂正司瑞岩侯号裕庵諡文憲潘相公、

諱益字之裕氏晚改諱受甫号裕庵、幼名潘憲、諱公惠字之和民号德軒、父再應会試選王府王宮郡

民同音

諱改避弟章年公長子也景興十一年庚午十二月十二日辰時生公幼聰敏殊常讀書經眼成誦先鄉庭訓後從先岳吳午峯公肄業俊才艷思馳譽士林辛卯年二十二、鄉試領薦中解元壬辰應監課四仲考独鑲選、各独中、春期第二夏秋並第一、辰掌深器之、会試中三場、癸巳改府指準伍仲考賞一次、擢山南処鄉司定寔、秋就任、學言圓寔、與諸親友謀伍與忠勤阮公瑝海安殷元俊、伍左青威潘輝瑢亭友、甲午復就南司鄉差典考兼閱縣、乙未十月

[illegible][illegible]

[illegible]

1900
1660

[illegible]

[illegible]

[illegible]
[illegible]
[illegible]

[illegible]
[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Thụy Khuê 30 juin 1952

Kính gửi ông Thiện...

Tôi đã [illegible] được bài thơ của Cụ Dư-âm làm sau lúc dịch bài chinh-phụ. Bài thơ này ở quyển Dư âm ngâm [illegible]. Quyển Dư-âm ngâm-lục này đã [illegible] chỉ còn có một vài tờ... [illegible] cả không có, bài nào, chính là tay cụ viết ra đã lâu lắm rất lâu. Vậy tôi sao lại thư này ra để chú bảo chú Ta... viết thêm vào sau bài chinh phụ tu từ, nên hôm nọ tôi đã viết:

Bài thơ chữ nho.

仁駐先生征婦吟
高情[illegible]調播詞林
近来膾炙相傳誦
多有推敲為演音
韻律曷窮[illegible]脈粹
篇章須向樂聲尋
閒中翻譯成新曲
自信推明作者心

Thân-mục tiên-sinh chinh-phụ ngâm.
Cao tình rất ~~hùng~~ điệu bá từ lâm.
Cận lai khoái chá tương truyền tụng.
Đa hữu suy xao vi diễn-âm.
Vận luật hạt cùng vận mạch túy.
Thiên chương tu hướng ~~lạc~~ thanh tầm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc
Tự tín suy minh tác-giả tâm

Vậy đó!

fu6

B.U.L.A.C

Hanoi 23 . 6 . 52

Kính gửi
ông Hoàng-X-Hãn

Thưa ông:

Khiêm đã đến cảm ơn cụ Phan-huy-Chiêm về bức ảnh cụ Dụ-Am, còn về bức ảnh ấy thời cụ Chiêm bảo là hồi cụ Dụ Am đi sứ Tàu rồi sứ-thần tàu tặng bức ảnh đó.

Lại ông gửi thư mượn cụ quyển 征婦吟 bằng Hán văn và bản nôm thời cụ giả lời là bởi loạn nên đang thất lạc cụ đã mời họ đến họp để hỏi, do tìm mà cũng chưa thấy, còn bản quốc Ngữ gửi sang hôm trước là người trong họ cụ nhớ miệng bảo họ cho, song vì nhớ miệng không khỏi sai lầm, nhưng cụ Chiêm bảo: chính bản ấy mới đúng là bản của cụ Dụ-Am dịch.

Địa-chỉ cụ Phan-huy-Chiêm 128 Đại lộ Trần-nhật-Duật-Hanoi.

Lại việc ông phiền cụ Trần-hàm Tấn tìm ở Viễn-đông bác-Cổ quyển

gia-phổ 阮趙 A 1603. hôm đó tìm fiche thời quyển ấy ông Bây mượn, hôm nay cụ Tân, đòi lại quyển sách đúng như số ông gửi về là A 1603 thời quyển 天南四至路圖書 cụ Tân bảo như thế là ông biên lầm số. cụ đã tìm cả số 1608 và số 603 cũng không thấy.

Lại quyển tự vị của P. Hue hay Tây-Dương, Thiền đã tìm kỹ rồi, mà không thấy, ông nhớ lại có cho ai mượn không? Còn quyển gia-phổ họ Phan Thiền đang sao, đã gần xong.

Tất cả nhân viên hiện thuộc kính gửi lời sang chúc ông và quý quyến ở bên ấy đều được bằng an và thâu lượm được nhiều kết quả mỹ mãn.

Nay kính thư

Lâm-trân-Thiền

潘家世譜

第八世祖、

黎朝乙未科進士歷受翊運功臣特進榮上大夫禮部尚書兼掌樂
正司瑞岩侯号裕庵謚文憲潘相公
諱謐字之裕氏晚改謙受甫号裕庵（幼名潘寔諱公懷字之和氏号穗軒又再應會試避王府正宮鄭民同音）
諱改避半章公長子也景興十一年庚午十二月十三日辰時生公幼警
敏殊常讀書經眼成誦先承庭訓後從先岳吳年峯公肄業俊才
艷恩馳譽士林辛卯年二十二鄉試領優中解元壬辰應監課四仲
考独領選冬独中（春期第二夏秋並第一）辰窜深器之會試中三塲癸巳政府指
準四仲考賞一次擢山南処承司左廣秋就任學告回京與諸親友課（與忠勤阮公瑾海安殷元俊四左青威潘輝瑨高友）
甲午復就南司承差典考東調縣乙未十月